

BACH KHOA

SỐ 51 — NGÀY 15.2.1959

Trong số này :

HUỖNH-VĂN-LANG	Dân số và kinh tế.
THẾ-QUANG	Một ý kiến về « chữ Trung ».
PHẠM-HOÀNG	Thác mắc (Mặc cảm tự ti).
ĐÔNG-HỒ	Cánh quạt đề thơ.
PHAN - KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	} Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo.
VƯƠNG-HÔNG-SẼN	Thú chơi sách.
MỘNG-TUYẾT	Đêm Bất dạ.
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA	« Tôi đóng phim bên Anh » hay là « Mang danh kịch sĩ một thời ».
UNG-TRÌNH	Dịch kinh sách.
NGUYỄN-NGU-Í	Nguyễn-Huê.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	} Tiếng địa phương.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Từ điển y ngữ Việt-Nam.
QUỖNH-HƯƠNG	Bảng khung (thơ).
NGUYỄN (dịch)	Cuộc phiêu lưu của chàng sinh viên Đức.
ĐÔNG-XUYỀN	Trước hiên xuân sớm (thơ).
TƯỜNG-LINH	Mùa xuân cao nguyên (thơ).
VŨ-HẠNH	Một cái tết trong rừng.
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khởi lửa kinh thành

SỎ TÀN NIÊN SỎ TÀN NIÊN SỎ TÀN NIÊN

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie củ*" 40° và 50°
— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"
— Rượu Tàu "*Tịch-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

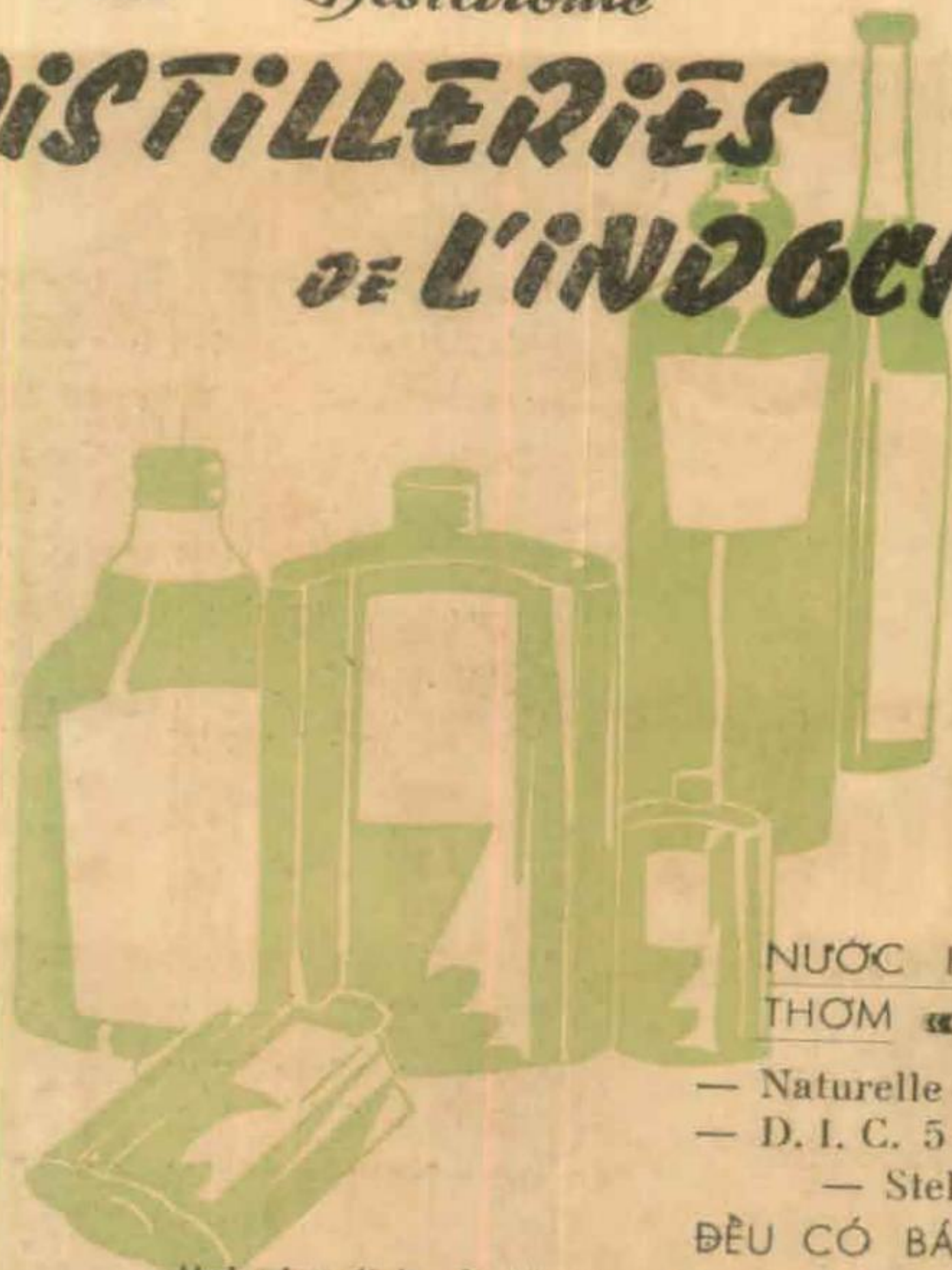
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fongère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

Ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

Ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





10.000 Kms de souvenirs inoubliables

★ Profitez des avantages offerts par
AIR FRANCE
entre **SAIGON** et **PARIS**

★ Arrêtez vous en cours de route,
vous avez
45 POSSIBILITES

★ Il ne vous en coûtera rien de plus
« C'EST LE MÊME PRIX »

*DE PLUS EN PLUS de possibilités vous
sont offertes pour le même prix.*

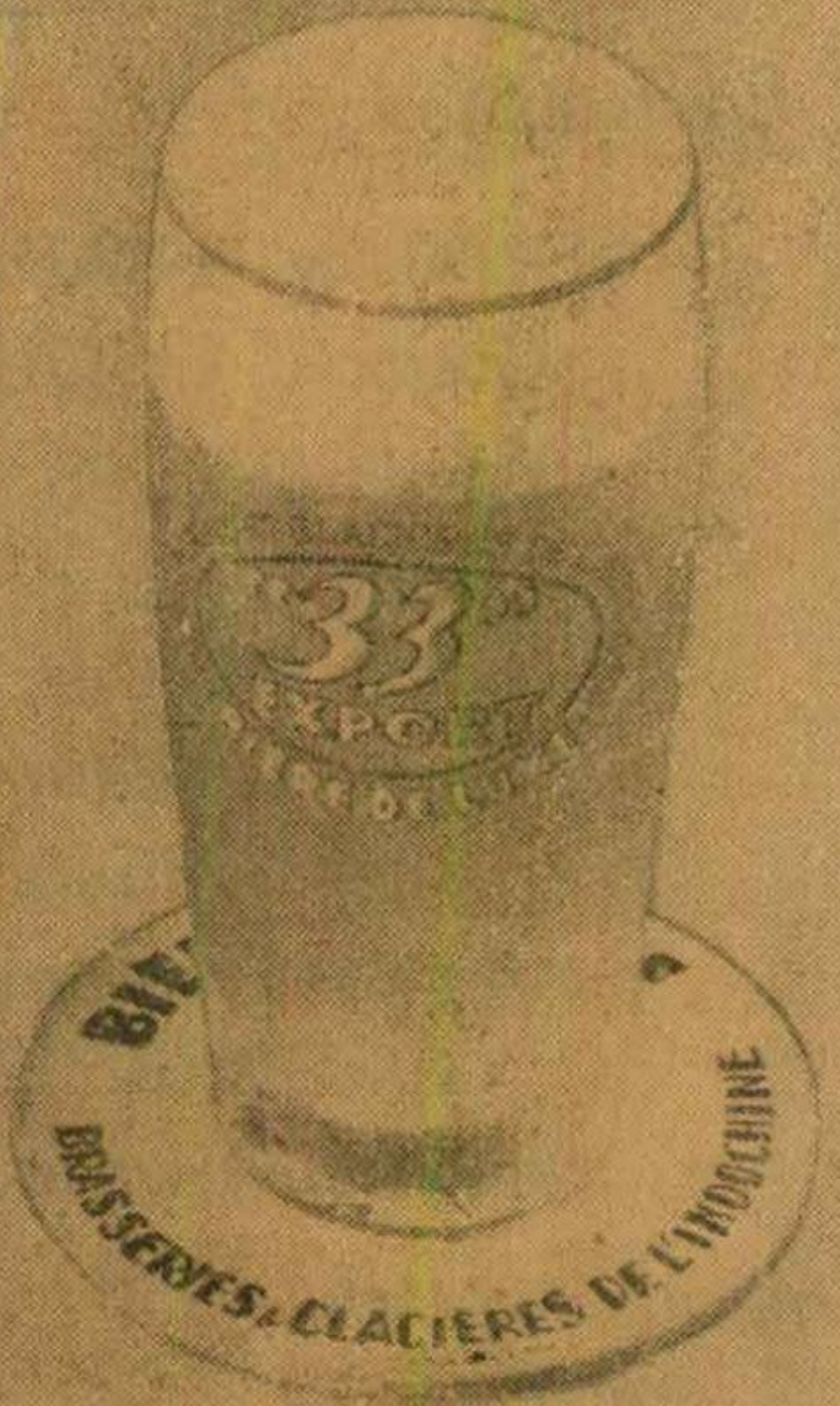
AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RESEAU DU MONDE

SAIGON — Téléphone 20.981 à 984

et toutes agences de voyages agréées





**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18, BEN BACH DANG — SAIGON

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ IV (từ số 37 đến số 48) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 48 : 4 tập : 420 đ.

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã
trong dịp đầu xuân.



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "**THANH-LONG**"
bằng phi-cơ « SUPER G »)

cất cánh 16 giờ 30 mỗi thứ Hai

SAIGON — VIENTIANE

mỗi thứ Hai, bằng DC 3

— Tư }
— Bảy }

bằng DC 4

SAIGON — HONGKONG

mỗi Chúa-Nhật và thứ Năm
bằng Super G (chung với Air France)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

BÁCH-KHOA SỐ TÂN NIÊN

SỐ 51 — NGÀY 15-2-1959



	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	Dân số và kinh tế 3
THẾ-QUANG	Một ý kiến về « chữ Trung » . . . 8
PHẠM-HOÀNG	Thắc mắc (Mắc cảm tự ti) . . . 15
ĐÔNG-HỒ	Cánh quạt đề thơ 16
PHAN-KHOANG và HOÀNG-MINH-TUYNH (dịch)	Hồn Trung-hoa và Kì-tô giáo . . 18
VƯƠNG-HỒNG-SẼN	Thủ chơi sách 32
MỘNG-TUYẾT	Đêm Bất dạ 29
TRẦN-NGUYỄN ANH CA	« Tôi đóng phim bên Anh » hay là « Mang danh kịch sĩ một thời » 36
UNG-TRÌNH	Dịch kinh sách 42
NGUYỄN-NGU-Í	Nguyễn-Huệ 48
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	Tiếng địa phương 56
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Từ điển y ngữ Việt-Nam 61
QUỲNH-HƯƠNG	Bảng-khuảng (thơ) 65
NGUYỄN (dịch)	Cuộc phiêu lưu của chàng sinh viên Đức 67
ĐÔNG-XUYÊN	Trước hiên xuân sớm (thơ) . . . 73
TƯỜNG-LINH	Mùa xuân cao nguyên (thơ) . . . 74
VŨ-HẠNH	Một cái tết trong rừng (truyện ngẫu) 75
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch)	Khỏi lửa kinh thành 85

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | |
|-------------------------|---|
| HUỲNH-VĂN-LANG | : Dân số và kinh tế (IV). |
| NGUYỄN-VĂN-BA | : Dịch lý và cơ giới, cơ tâm. |
| PHẠM-NGỌC-THẢO | : Một ý kiến về cách lãnh đạo chiến tranh. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : Nguyễn - phạm - Tuân (... 1887)
Nông nghiệp và khí hậu ở các đồng bằng Trung-Việt. |
| PHAN-VĂN-THIỆT | : Án tử hình. |
| ĐOÀN-THÊM | : Chung quanh vấn đề chọn nghề. |
| SONG-AN CƯ-SĨ | { Vấn đề Cấm-bốt. |
| R. BOSC (TIÊU-DÂN dịch) | { Ti-lô Cộng-sản quốc tế hay quốc gia. |
| TRẦN-HÀ | : Quyền dân tộc tự quyết. |
| NGUYỄN-TỬ-QUANG | : Tình hình sân khấu 58. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ. |
| NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN | : Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ? |
| TÔ-GIANG | : Đặc tính của tiểu thuyết. |
| LÊ-THANH-THÁI | : Cảm hứng về thú chơi hoa ngày Tết. |
| PHẠM-LÊ-PHAN | : Chiếu đồng hồ con ngựa. |
| VŨ-HẠNH | : Những trang nhật ký. |
| KIỀU-YIÊU | : Chiều cuối năm. |
| | : Lữ vô bệnh (Liêu trai). |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

DÂN SỐ

VÀ

KINH TẾ

HUỖNH-VĂN-LANG

Trong bài trước, chúng tôi có đề cập đến những liên quan giữa dân số và Tào vật hay những tài nguyên thiên nhiên trong nước và dựa theo những nhận xét đó chúng ta đã có thể có những kết luận sau đây :

a) những tài nguyên thiên nhiên cũng như ruộng đất, đều có giới hạn, mà dân số càng ngày càng gia tăng, cho nên sự khai thác cũng cần kíp như sự không lãng phí.

b) sự khuếch trương « bề sâu », (là cải tổ kỹ thuật sản xuất, tăng thêm dụng cụ, thay đổi mùa màng, phát triển chăn nuôi...) chẳng những là cần kíp để tăng gia lợi tức của người dân ngang với sự khuếch trương « bề rộng », (là khai khẩn thêm, mở mang ruộng đất mới...) mà thường khi lại hiệu nghiệm và ít tốn kém hơn là khác.

c) hơn nữa, khuếch trương riêng mặt nông nghiệp mà quên mở mang kỹ nghệ

cho tương xứng, thì chưa thể giải quyết được vấn đề dân số ở nông thôn, cũng như không thể tránh được sự bế tắc chung cho kinh tế.

Những kết luận trên đây lại đưa ta đến những liên quan giữa dân số và tư bản, vì muốn nhằm ba mục tiêu nói trên, để có một sự khuếch trương đồng đều (balanced) thì lại phải có tư bản (theo nghĩa rộng). Bởi vậy trong phần này, chúng tôi cố gắng bàn về vấn đề tư bản, trong những liên quan của nó với sự tăng gia dân số.



1) TƯ BẢN

Chúng ta ai cũng biết rằng tư bản, tức là những tài sản để sản xuất, sanh ra lợi tức, như dụng cụ trang bị, máy móc, nhà cửa..., là một yếu tố sản xuất nếu không hơn, thì ít ra cũng ngang với cần lao, thiên nhiên, hay những yếu tố sản xuất khác, trong quá trình sản xuất hàng hóa, dịch vụ. Những tài sản quốc gia, cũng

DÂN SỐ VÀ KINH TẾ

như của gia đình, thường được chia ra làm hai loại chánh: những tài sản dễ sản xuất, tức là tư bản và những tài sản không sản xuất, nghĩa là dễ tiêu thụ. Mà theo sự nhận xét chung về các nước, thì những nước nào mà tư bản sánh với lợi tức và tư bản sánh với dân số có một tỷ lệ càng cao thì kinh tế càng mở mang, đời sống quốc dân càng cao. Hay nói một cách khác, cái tỷ lệ « tư-bản / lợi tức » và « tư bản / dân số » càng thấp là triệu chứng rõ rệt của một kinh tế càng hậu tiến.

Không cần phải nói những chuyện xa vời, ta chỉ so sánh kinh tế của Việt-Nam với kinh tế của đồng bào Thượng, thì ta thấy ngay, cái tỷ lệ « tư bản / lợi tức » của xã hội sau này rất kém, có khi không đến 1/1, nghĩa là tất cả dụng cụ, nhà cửa của đồng bào Thượng không đáng giá bằng huê lợi của họ trong một năm. Đang khi đó thì chắc chắn tài-sản sản xuất của Việt-Nam phải trên số lợi tức hằng năm của quốc gia Việt-Nam, tuy ta không có một bản thống kê các tài-sản sản xuất của ta hiện có (kể cả nhà cửa, đường sá, cầu cống, và dụng cụ trang bị). Tỷ lệ « tư-bản / dân số » của xã hội Việt-Nam và của xã hội đồng bào Thượng càng rõ rệt hơn nữa, đó là chưa kể kỹ thuật, kiến thức... dù những yếu

tố ấy cũng có sự khác xa nhau trong hai xã hội và cũng quan hệ không kém tư bản trong quá trình sản xuất và phát triển kinh tế. Ta hiện không biết chắc chắn số tư bản đồ đồng của mỗi người, nhưng ta cũng biết chắc chắn là số tư bản của mỗi người (per capita) Việt-Nam, phải hơn số tư bản của mỗi người Thượng, và phải kém xa người Mỹ hay người Pháp.

Người ta thường dùng hai tỷ lệ nói trên để so sánh sự mở mang kinh tế của nước này với nước khác. Hơn nữa, ta có thể dùng hai tỷ lệ ấy để so sánh sự phát triển kinh tế của một nước trong thời gian này với thời gian trước xem tiến triển hay thối lui, rồi căn cứ vào đó mà thiết lập kế hoạch khuếch trương kinh tế. Và hằng năm hai tỷ lệ nói trên rất có thể thay đổi chiều này hay chiều khác chỉ vì sự tăng gia dân số, ngoài sự thay đổi về kỹ thuật, khoa học...

Ngoài sự thay đổi kỹ thuật và khoa học trên đây nếu sản xuất không suy giảm (rendement constant) thì ít ra tư bản hằng năm phải gia tăng cùng một tỷ lệ như dân số thì mục tiêu thụ và sản xuất mới giữ được trung bình (per capita) cho mỗi người. Đó là chưa nói đến sự gia tăng tiến triển hằng năm. Cho nên muốn

Danh ngôn, danh lý

NGHỊ LỰC THỰC HÀNH

★ Học trò trong nước mà không có khí tiết dũng lực, thì thế nước như người hấp hối sắp lâm chung. (Tiết Huyền)

tăng gia sản xuất đồ đồng của mỗi người thì phải gia tăng tư bản với một tỷ lệ nhanh hơn là tỷ lệ gia tăng dân số. Trái lại, nếu tư bản gia tăng chậm hơn dân số hay nếu năng xuất tư bản (productivité marginale du capital) suy giảm — vì cũ kỹ hay vì không thích nghi... — thì chắc chắn là kinh tế hay sản xuất đồ đồng sẽ xuống. Nhưng nếu có sự cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học... thì có thể hy vọng giữ mức tiêu thụ và sản xuất cũ với một tỷ lệ gia tăng tư bản chậm hơn tỷ lệ gia tăng dân số.



Khi dùng hai tỷ lệ nói trên để so sánh kinh tế nước này với nước kia, nhất là một nước hậu tiến và một nước tiền tiến tưởng cũng phải dễ dặt và không thể quá đơn giản. Thường thường người ta công nhận tỷ lệ 4/1, (tư bản/lợi tức) là một tỷ lệ cần kíp để có một nền kinh tế mở mang. Nhưng ba loại chánh tư bản là dụng cụ trang bị, nhà cửa và các công tác xây cất khác... lại có một địa vị quan trọng khác nhau trong cùng một nền kinh tế và khác nhau cho mỗi nền kinh tế nữa. Với những nước tiến triển, thì nhà cửa thường chiếm 1/2 tổng số tư bản, hay là bằng hai số lợi tức quốc gia hằng năm, nhưng với những nước hậu tiến, nhà cửa rẻ tiền (nhân công và nguyên liệu rẻ) thì có khi chỉ bằng 1/5 lợi tức quốc gia hằng năm. Phần khác, ở các nước tiến triển, sự tiến bộ về kỹ thuật và khoa học có thể làm giảm bớt tỷ lệ dụng cụ trang bị, tương đối với các loại tư bản khác. Trái lại, ở các nước hậu tiến, kém mở mang thì dụng cụ trang bị, máy móc chẳng những là đắt đỏ hơn các

thứ tư bản khác mà khi khởi sự khuếch trương kinh tế các quốc gia sau này lại cần dùng nhiều hơn, và muốn tiến nhanh thì nhu cầu ấy càng mạnh, không những trong lãnh vực kỹ nghệ mà cả trong lãnh vực nông nghiệp, cũng như nhu cầu các tư bản xây cất khác, nhất là những công tác xây cất gọi là hạ tầng cơ sở (overhead capital) như đường sá, cầu cống, trường học, nhà thương...

Dù có những giới hạn nói trên, tỷ lệ tư bản trong một nền kinh tế, nói chung cho ba loại tư bản, vẫn có một vai trò hết sức quan hệ trong việc phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của quốc dân và ta có thể dùng sự thay đổi tỷ lệ ấy để so sánh kinh tế nước này với nước khác và kinh tế của một nước trong thời gian này với thời gian khác, cùng làm căn bản để lập kế hoạch phát triển kinh tế.



2) ĐẦU TƯ

Tư bản quốc gia là tài sản của quốc dân tích lũy lâu ngày mới có, ngoài sự vay mượn hay viện trợ của nước ngoài. Mà chúng ta đều biết, chỉ có tiết kiệm là căn nguyên chánh và tự nhiên để sinh ra đầu tư; mà đầu tư tức là phương thể tích lũy tư bản. Sản xuất nhiều và tiêu thụ ít, thì tất nhiên là tiết kiệm nhiều, điều ấy ai cũng hiểu. Một điều khác càng dễ hiểu hơn nữa, là nếu sản xuất ít mà tiêu thụ nhiều hơn, thì chỉ có cách là ăn nhờ người ngoài, vay nợ hay ăn vào vốn liếng đã có trước.

Cho nên ta có thể nói rằng khối lượng tư bản của ta có, là tùy ở số ta tiết kiệm, hay là khối lượng sản xuất mà

không tiêu thụ. Dù tiết kiệm không phải là đầu tư, nhưng chính khối lượng tiết kiệm định đoạt khối lượng đầu tư. Ở đây ta chỉ chú trọng đến căn nguyên đầu tư tự nhiên thôi, không nói đến việc vay nợ hay viện trợ. Nhưng có khi ta vay nợ hay nhận viện trợ mà chỉ để tiêu thụ hơn là đầu tư.

Có hai loại đầu tư :

1) đầu tư gọi là « dân khâu », là loại đầu tư cần kíp để đối phó với sự gia tăng dân số, để giữ mức sống cũ.

2) đầu tư « kinh tế » là loại đầu tư để gia tăng mức sống của quốc dân.

Trọng lượng đầu tư « dân khâu » phải tùy theo tỷ lệ gia tăng dân số. Nếu tỷ lệ « tư bản / lợi tức : 4/1 » là tỷ lệ cần kíp và nếu tỷ lệ gia tăng tư bản phải bằng tỷ lệ gia tăng dân số mới giữ được mức sống cũ, thì khi tỷ lệ gia tăng dân số là 1,5%, tất nhiên hằng năm phải tiết kiệm, và đầu tư 6% lợi tức quốc gia mới có thể đối phó được. ($1,5\% \times 4/1 = 6\%$). Nếu thật ra hằng năm dân số Việt-nam gia tăng 2%, thì phải đầu tư 8% mới đủ để giữ mức sống cũ. Đó là chưa nói đến việc tiến triển, nâng cao mức sống của quốc dân lên.

Cho nên tỷ lệ gia tăng dân số quá cao là một trở ngại cho sự khuếch trương kinh tế, vì đầu tư « dân khâu » chiếm một số lớn tiết kiệm, đáng lý ra phải để qua đầu tư « kinh tế ». Mà tiết kiệm ở các nước kém mở mang đã là ít ỏi lắm rồi.



3) TIẾT KIỆM

Tiết kiệm không phải là đầu tư, nhưng là căn nguyên mọi sự đầu tư, đầu tư « dân khâu » cũng như đầu tư « kinh tế ». Mà sự gia tăng dân số lại ảnh hưởng không ít đến sự tiết kiệm.

Sự gia tăng dân số, không những là ảnh hưởng trực tiếp đến số tư bản hiện có như đã nói trên mà nó còn ảnh hưởng nặng nề đến sự cấu tạo tư bản (formation du capital) trong tương lai, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến căn nguyên cấu tạo ra tư bản là tiết kiệm. Trong một nước hậu tiến, ảnh hưởng trên đây càng rõ rệt hơn nữa. Những nước hậu tiến là những nước mà lợi tức quốc gia kém cỏi và người dân trung bình sống dưới mức tối thiểu, nghĩa là không còn sức mà tiết kiệm nữa. Cho nên, nếu lợi tức quốc gia hằng năm chỉ gia tăng một mức như dân số, thì chỉ giữ được mức sống cũ, không thay đổi. Hơn nữa, nếu lợi tức quốc gia tăng, thì phần chắc là mức tiêu thụ hay mức sống của người dân sẽ gia tăng, nhưng chưa chắc gì tiết kiệm sẽ gia tăng được. Ở những nước hậu tiến, sự gia tăng lợi tức, có khi nâng cao mức sống lên được một chút thì lại giảm bớt tỷ lệ tiết kiệm nhưt là khi khuynh hướng tiêu thụ gia tăng, mà đầu tư lại không được khuyến khích hay không thuận lợi. Đó là cái vòng lẩn quẩn !

Cho nên sự gia tăng dân số, chẳng những là làm cho số tư bản phải cấu tạo để giữ mức sống cũ càng nhiều, mà nó còn làm trở ngại cho sự cấu tạo tư bản là khác, bằng cách gia tăng nhu cầu, gia tăng tiêu thụ, nghĩa là giảm bớt tiết kiệm. Mà với tỷ lệ gia

tăng dân số 1,5% thì không thể có khuếch trương kinh tế được, nếu tiết kiệm và đầu tư không quá 6% lợi tức quốc gia. Nước Nhật có phát triển kinh tế nhanh được là nhờ phân xuất tiết kiệm và đầu tư hằng năm vào khoảng 20%, (theo Clark, The Conditions of Economic progress, p. 406), trong khoảng thời gian 1900-1940.



Chúng tôi biết rằng, những nhận xét trên đây quá lý thuyết, vì trong thực tế ngoài những yếu tố đo lường được, còn bao nhiêu yếu tố không thể đo lường được. Hơn nữa, sự đo lường những yếu tố có thể khảo sát được, cũng không được hoàn toàn đảm bảo. Nhưng kinh tế học chỉ là một khoa học xã hội, nên ta không thể đòi hỏi nó phải chắc chắn như toán học, hình học... Và những phương pháp mà kinh tế học dùng để tìm sự thật là những phương tiện cần kíp (vì không còn phương tiện nào hơn) giúp ta nhận xét những hiện tượng kinh tế rất khó khăn, rất phức tạp. Hơn nữa, nhờ những kinh nghiệm, khảo sát, so sánh của các chuyên viên các nước, ta cũng có thể dùng những phương pháp của họ để nghiên cứu kinh tế nước nhà, vừa dè dặt vừa chắc chắn một cách tương đối.

Theo những tài liệu hiện có, thì ta biết được hằng năm Việt-Nam tiết kiệm và đầu tư lổ 5% lợi tức quốc gia, trong khi số Viện trợ lại lên đến 10% mỗi năm. Đã có lần chúng tôi nói rằng: Việt-Nam ta tiêu thụ hơn số ta sản xuất và tiêu thụ luôn cả một phần Ngoại viện,

chỉ để lại đầu tư một phần Ngoại viện thôi. Sự mất quân bình giữa sản xuất và tiêu thụ càng nguy hại hơn nữa, vì 5% lợi tức quốc gia hằng năm để đầu tư, hay cấu tạo tư bản, đã không đủ để giữ mức sống cũ, với một tỷ lệ gia tăng dân số là 1,5%. ($4/1 \times 1,5\% = 6\%$), vì đầu tư « dân khẩu » đã phải đến 6% rồi. (1)

Cho nên, nếu không có tư bản ngoại quốc vào đầu tư ở Việt-nam, thì ta chỉ còn có hai phương tiện để khuếch trương kinh tế, hoặc ta hạ tỷ lệ gia tăng dân số xuống, hoặc ta phải gia tăng phân xuất tiết kiệm, (ít ra phải trên 6% mỗi năm), Hoặc là ta vừa giảm bớt tỷ lệ gia tăng dân số vừa gia tăng phân xuất, tiết kiệm và đầu tư ?

Và nếu phải gia tăng phân xuất tiết kiệm, trong những điều kiện nói trên, (dân số gia tăng 1,5% ; tư bản / lợi tức: 4/1 ; năng xuất và kỹ thuật không thay đổi) mà muốn không những giữ mức sản xuất và tiêu thụ đồ đồng (per capita) cũ, lại còn gia tăng lợi tức đồ đồng hay mức sống của mỗi người lên 1%, thì hằng năm phải tiết kiệm và đầu tư ít nhất là 10% lợi tức quốc gia [$(4/1 \times 1,5\% = 6\%) + (4/1 \times 1\% = 4\%) = 10\%$]. Nếu muốn nâng mức sống đồ đồng của mỗi người lên 2%, thì tiết kiệm và đầu tư phải đến 14% ($10\% + 4\% = 14\%$) lợi tức quốc gia hằng năm...

HUỖNH-VĂN-LANG

(Kỳ sau : Dân số và Cần lao)

(1) Tỷ lệ « tư bản / lợi tức » thường, theo chuyên viên Liên-hiệp-quốc, lại tới 5/1.

« CHỮ TRUNG »

THẾ-QUANG

- Nhân bài « Chữ Trung » của Ô. Nguyễn-văn-Trung đăng trong « Sinh-Lực » số 3 13-11-58.

Bài khảo luận « chữ Trung » của Ông Nguyễn-văn-Trung, đăng ở số 3 Sinh-Lực, ngày 13-11-58, đã gây nên nhiều thắc mắc. « Chữ trung làm cho tôi lệ thuộc người khác, mất cả tự lập, phải giữ một điều hứa mà chính mình không còn muốn và không thể giữ được nữa », vì tình thế đổi khác, nên chúng ta không thể giữ được lời thề xưa. « Lời thề chẳng qua là một ảo vọng, một tin tưởng ngây ngô có thể vĩnh viễn hóa thời gian thay đổi ».

Nên « ta không giữ mãi được một điều đã hứa », vì ta lệ thuộc vào thời gian, không làm chủ được thời gian, không thể nhận định đúng một cách tuyệt đối và chỉ một lần hướng đi của cuộc đời ta ».

Một vài đoạn đó cho ta thấy cách lập luận của tác giả chẳng khác gì chủ trương của thuyết hiện tượng, và vô tình hay hữu ý tác giả có thể mở đường cho chủ nghĩa duy vật vô thần.

Vấn hay, những hiện tượng của chữ Trung, những áp dụng của chữ Trung có thể đổi thay, nhưng nguyên tắc làm căn bản cho chữ Trung không thể đổi thay. Xưa kia, vì phò vua, vì trung thành với một nhân vật, có người để hồng cả cuộc đời, khi vua hay nhân vật thất thế. Nhưng dù sao, trước cảnh hy sinh đó chúng ta vẫn kính phục.

Di nhiên ngày nay, hành động của ta hơi khác, vì trên và ngoài nhân vật hay chế độ, còn có tổ quốc, chính nghĩa, ích chung, tôn giáo : quan niệm của ta sâu rộng, tinh vi hơn, nhưng không vì thế mà nguyên tắc căn bản của chữ Trung đổi thay. Dựa vào tình thế khác biệt và sự biến đổi không ngừng để phi bác nguyên lý bất biến, thì quả là một ngộ nhận, và sớm chầy sẽ đưa ta đến phông túng, bại tục, vô tôn. Phải chăng đó là thực phẩm tinh thần, hay là « thực phẩm trần gian » theo kiểu Gide ?

Thực ra, Ông Trung cũng cảm thấy thế nên Ông viết : « Dĩ nhiên, xin đừng nhầm tiếng gọi bên trong đó của nhân vị với những sở thích dục vọng chốc lát, để có thể thả cửa « lòng người, dạ thú », thay đổi như áo. Nay thế này, mai thế khác như chong chóng xoay theo chiều gió. »

Lời thanh minh đó đâu đủ để bào chữa cả bài ? Phải chăng Ông đã bị những triết gia duy vật Âu-châu ám ảnh ? Câu « đời là đi tìm hơn là tìm thấy » làm cho ta nhớ đến nhà lập dị Emile Alain đã đầu độc thanh niên Pháp. Hơn nữa, Ông chọn câu của Oscar Wilde làm chủ đề cho bài khảo luận « Không bao giờ ta trung thành với ta hơn khi ta thay đổi. » Oscar Wilde là nhà văn hào Ai-nhĩ-lan đã làm hoen ố tác phẩm của mình bằng cuộc sống vô luân, chính vì bất trung, đã bị xử án vì gian dâm và hai năm khổ sai...

Chúng tôi xin nhường lời cho Ông Thế-Quang phê bình bài của Ông Trung, đứng trên lập trường Phật-giáo, một lập trường rất đáng tôn trọng.

L. T. S.

ĐỌC xong bài « chữ trung » của Ông Nguyễn-Văn-Trung, tôi có một cảm giác là lạ mà sau khi lắng lắng, có thể phân tích ra như sau :

— tôi cảm thấy nhẹ nhàng ; những gì ràng buộc tôi chặt chẽ lúc trước, nay trở nên lỏng lẻo hơn.

— tôi cảm thấy « tuột xuống », cảm thấy người tôi bây giờ không bằng người tôi trước.

Nguyên tôi có một người bạn, hiệu trưởng một tư thực nọ, mà huê lợi là nguồn sống chánh của gia đình anh. Cách đây ba năm, tôi mới bước chân vào nghề giáo, anh bạn đã dành cho tôi nhiều giờ ; về phần tôi, tôi đã hứa sẽ hợp tác với anh lâu dài và tận lực cùng anh xây dựng cái trường. Lúc bấy giờ, trường khá đông học sinh ; số lương tôi lãnh hàng tháng cũng khá. Ba năm qua, anh và tôi là hai trụ cột của tư thực. Tuy nhiên, cũng trong thời gian ấy, do sự cạnh tranh càng ngày càng gay gắt giữa các tư thực, trường bạn tôi đi dần đến chỗ suy sụp : số học sinh giảm nhiều ..

Hiện nay, số lương tôi lãnh hàng tháng kém trước nhiều ; mặt khác tôi đã có bộn kinh nghiệm giáo khoa và được những trường trả lương khá mời dạy.

Đã bao lần tôi muốn bỏ trường này vì tôi thấy những lý do khiến cách đây ba năm, tôi hứa hẹn hợp tác lâu dài với anh bạn tôi, nay không còn nữa. Nhiều người bạn mà tôi đã trình bày tình cảnh và ý muốn của tôi, cũng cho rằng tôi đi dạy trường khác là phải. Tuy nhiên, mỗi lần định thực hiện ý muốn thì tôi lại do dự, rồi lại thôi vì tôi cảm

thấy không nên xử tệ, không nên thất hứa với bạn. Rồi tôi tiếp tục dạy và tôi tiếp tục sống trong cảnh thiếu thốn, nhưng tôi lại cảm thấy một niềm vui tinh thần tự bảo rằng mình ở đời cũng khá đấy.

Sau khi đọc bài ông Nguyễn-Văn-Trung, tôi thấy cái « tình bạn », cái luân lý « giữa lời hứa lời thề » không thề ràng buộc tôi mãi khi mà những điều kiện dể ra nó đã thay đổi. Tôi cảm thấy nhẹ người.

Nhưng còn cái cảm giác, bị « tuột » xuống: tôi tìm nguyên nhân của nó thì thấy không phải vì lời chê bai của người ngoài, như đã nói ở trên, mà là một cảm giác đến với tôi từ bên trong.

Nghe lời ông Nguyễn-Văn-Trung, tôi tự nhủ : mình không thề dể cho một lời hứa, một lời thề nhất thời ràng buộc và phải nhìn vào bên trong, lắng nghe « tiếng gọi bên trong của đời mình. »

Nhưng lắng tai, tôi chỉ nghe từ bên trong vọng ra, càng ngày càng lớn, tiếng « tệ thật », « tệ thật ».

Suy nghĩ kỹ, tôi thấy như sau : ông Trung đã giải thoát cho tôi khỏi những sự ràng buộc chỉ có tính chất tạm thời, nhưng lại không cho tôi một cái gì vĩnh viễn để bám vào.

Trước kia tôi đã bám vào những cái không vĩnh viễn nhưng ít ra tôi cũng có một cái gì dể tạm thời bám vào mà đứng ; nay thì tôi mất chân đứng và cảm thấy « tuột » xuống.

Theo ông Nguyễn-Văn-Trung thì : cái bên ngoài ta biến đổi không ngừng

trong thời gian biến đổi, mà cái bên trong thì cũng là cái mà ta đang đi tìm.

Theo thiền kiến của chúng tôi thì sau cái biến đổi có cái không biến đổi, sau cái tạm thời có cái vĩnh viễn, sau hiện tượng có nguyên lý, sau luân lý có đạo đức.

Viết bài về chữ « trung », ông Nguyễn-văn-Trung chỉ thấy luân lý mà không thấy đạo đức. Trọn bài ấy, từ đầu đến cuối, ông chỉ nhắc đến chữ « đạo đức » có một lần, lúc đầu khi mới nhập đề, còn lúc đi vào trong tâm của vấn đề ông chỉ nói « luân lý », « cuộc đời luân lý », « đời sống luân lý ».

Vì không thấy « đạo đức » nên ông không thấy cái trường tồn, cái bất biến, cái tuyệt đối.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày về luân lý và đạo đức.

Thông thường, nói luân lý, đạo đức thì phải nói việc phải, việc quấy, việc lành, việc dữ và chánh yếu là phải nói đến lương tâm.

Đã là người thì ai cũng biết lương tâm. Người ta biết lương tâm bằng trực giác. Lương tâm là tiếng nói của bên trong, giúp ta phân biệt phải với quấy, lành với dữ; khen ngợi khi ta làm phải, làm lành, la rầy, trách móc khi ta làm quấy, làm dữ. Thú vật thì không phân biệt được phải, quấy, lành, dữ, vì thú vật không có lương tâm. Lương tâm là đặc điểm làm cho người khác thú vật.

Lương tâm thật là một ánh sáng kỳ diệu, một linh quang mà các nhà hiền triết gọi là « Phật tâm », « tính thiện », « chơn như » v. v... Dưới đây, khi dùng

danh từ « chơn như » là chúng tôi muốn nói lương tâm.

Trong sinh hoạt của lương tâm, ai cũng có thể có những nhận xét sau đây :

— Việc phải thường là việc lành nhưng vẫn có trường hợp việc lành lại bị cho là quấy.

Quan-Công tha Tào-Tháo tại Huê-dung đạo là một việc lành, nhưng dưới mắt một người căm thù Tào-Tháo thì hành động ấy là quấy.

— Việc dữ thường là quấy nhưng vẫn có trường hợp việc dữ được cho là phải.

Bêu thây Đồng-Trác giữa chợ, moi rún y làm tim thắp đèn là một việc dữ, nhưng bầy tôi trung của nhà Hán thì cho hành động ấy là phải.

Tuy nhiên :

— Việc lành dù bị coi là quấy, do một người hay một nhóm người, nhưng vẫn được người đời nói chung và qua các thời đại cho là một hành động có đạo đức và được lương tâm khen ngợi.

— Việc dữ, dù được coi là phải, do một người hay một nhóm người, nhưng vẫn bị người đời nói chung và qua các thời đại cho là một hành động bất nhưn, phi đạo đức và bị lương tâm trách cứ.

Qua những nhận xét trên, chúng ta thấy rằng :

— Phải, quấy là đứng trên lập trường từng người hay từng nhóm người mà nhận xét.

— Đạo đức hay phi đạo đức là đứng trên tư cách con người nói chung mà nhận xét.

Do đó :

— Người này, người kia, nhóm người này, nhóm người kia có thể nhận xét về phải, quấy khác nhau. Ngay một người hay một nhóm người cũng có thể nhận xét phải quấy khác nhau từ thời gian này qua thời gian khác.

— Trái lại về lành dữ, đã là người thì nhận xét phải nhứt trí trong không gian và thời gian.

— *Phật*, quấy là thuộc về luân lý, dựa vào người, có tính chất *tương đối*, hay *biến đổi*.

— *Lành*, dữ là thuộc về đạo đức, dựa vào tự nhiên, dựa vào *Trời*, có tính chất *tuyệt đối*, *bất biến*.

— Nhận xét về luân lý là nhận xét của cái ta ích kỷ có sự tham gia của lương tâm.

— Nhận xét về đạo đức là nhận xét đơn thuần của lương tâm.

Do đó :

— Nhận xét về luân lý và nhận xét về đạo đức có chỗ nhứt trí và có chỗ không nhứt trí.

— Lương tâm ta, chơn nhưn ta, về bản chất, dính với *Trời*.

Trên đây là những nhận xét đầu tiên về luân lý và đạo đức, đứng bên ngoài mà nhận xét vấn đề. Dưới đây, chúng tôi xin nhìn vào bên trong, phân tách nội dung để giải đáp hai câu hỏi :

— Đạo đức là gì ?

— Luân lý là gì ? Liên hệ giữa đạo đức và luân lý là thế nào ?

ĐẠO ĐỨC LÀ GÌ ?

Nếu ta sống cô độc một mình thì khó mà nhận thức thế nào là đạo đức, thế nào là phi đạo đức. Vậy nói đạo đức và phi đạo đức tức phải nói có người, có ta, có đời sống tập thể, có xã hội.

Sống trong xã hội, mỗi hành động của ta đều có ảnh hưởng đến những người xung quanh và mỗi hành động đều có một chiều hướng. Ta hướng hành động vào một chiều nào tức là ta mặc nhiên xác định một cái «*tỷ*» giữa Ta và Người. Cái tỷ ấy có thể viết ra như sau :

$$\frac{N}{T}$$

$N = \text{NGƯỜI}$, xin hiểu là một cá nhân hay một tập thể ngoài ta với những gì quan hệ đến sự tồn tại, sự phát triển của cá nhân, của tập thể ấy.

$T = \text{TA}$, xin hiểu là cá nhân ta với những gì quan hệ đến sự tồn tại, sự phát triển của nó.

Hiểu như vậy, chúng ta hãy xét sự biến đổi của N , của T và của $\frac{N}{T}$

Ở đời, có kẻ biết coi người là trọng, biết coi mình là nhẹ, cũng có kẻ coi mình lớn quá mà coi người chẳng ra gì, do đó :

N có thể biến từ 1 đến 0 cũng như T có thể biến từ 1 đến 0.

Do sự biến đổi của N hay của T , tỷ $\frac{N}{T}$ cũng biến đổi, trải qua nhiều trường hợp :

— Trường hợp (1) $N = T$; $\frac{N}{T} = 1$

Ta đặt người ngang hàng với ta, hành động ta có lợi cho ta mà cũng có lợi cho người, hoặc lợi cho ta mà không hại cho người.

Đây là hành động của một giáo sư tận tâm dạy dỗ học sinh nhưng đòi hỏi trả lương xứng đáng, hành động của một ông chủ xưởng tính toán, thế nào cho xưởng mình ngày một phát đạt đồng thời đảm bảo cho công nhân mình một đời sống dễ chịu; hành động của một người bán hàng bán với giá phải chăng, thu cho mình một số tiền lời hợp lý mà không làm thiệt hại khách hàng.

Những hành động kể trên có tánh chất công bình, làm cho mọi người thỏa mãn, gây đoàn kết, thân mến lẫn nhau.

— Trường hợp (2) $N < T$; $\frac{N}{T} < 1$.

Ta xem người nhẹ hơn ta; coi ta trọng mà coi người như cỏ rác; bóc lột người để cho ta vinh thế, ấm tử.

Từ một thương gia nói dối, lừa khách hàng để thanh toán một món đồ ứ đọng, đến một ông quan tham lam, bắt người lương thiện để khảo của; một tên bạo chúa, xây ngai vàng trên xương máu muôn dân v.v...

Tỷ là một con số dưới đơn vị, nghĩa là những hành động loại này không có lợi cho ai cả; đối với người thì gây đau khổ, đau thương, tang tóc; còn đối với ta, hành động như thế, mặc dầu tạm thời ta có thể lập nên sự nghiệp, nhưng cuối cùng, cái hoạ hoạn tài ấy nhất định tiêu tan.

Người đời gọi những hành động như thế là tàn ác, phi đạo đức.

Khi N từ < 1 tuột xuống gần 0 thì tỷ $\frac{N}{T}$ cũng từ < 1 tuột xuống gần 0 ; và khi $N = 0$ thì $\frac{N}{T} = \frac{0}{T} = 0$.

Con người tuột xuống gần con vật, không còn biết đồng bào, đồng chủng nhân quần, xã hội gì nữa; đó là hạng người uống máu không biết tanh, là quỷ, là yêu.

Trường hợp (3) $N > T$; $\frac{N}{T} > 1$.

Ta xem người trọng hơn ta, quên ta mà lo cho người.

Đây là hành động của một quân nhân bỏ mình vì nước; của một nhà cách mạng, hy sinh gia đình, vào tù ra khám, để tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, dân tộc; của một tín đồ, chịu cực khổ, giao lao, lăn mình vào giữa những kẻ dị đoan, mê tín, để truyền bá chánh đạo.

Người đời thường gọi đó là những hành động đạo đức.

Trường hợp (1) và trường hợp (2) hằng ngày được cụ thể hóa trước mắt ta.

Những hành động thuộc trường hợp (2) $N > T$ thường được kẻ nham nhân trên báo chí, làm cho chúng ta than dài, thở vắn, lo âu.

Những hành động thuộc trường hợp (1) $N = T$, may thay, cũng được thường thấy, được ta khen ngợi, mến phục, khiến ta tin tưởng nơi con người, nơi tương lai xã hội.

Tuy nhiên, những hành động thuộc trường hợp (3) $N > T$ thì hiếm; nhưng

đó là đích nhắm của chúng ta ; vì thế, chúng ta cần phân tích để nhận xem, bất đẳng thức $N > T$, $\frac{N}{T} > 1$ tượng trưng cho những sự kiện cụ thể gì.

Khi con người tiến tới nhận thức được tương quan giữa ta và người như biểu diễn trong bất đẳng thức $N > T$, $\frac{N}{T} > 1$, thì trong con người có những biến đổi mà sau khi phân tích, chúng ta thấy những sự kiện sau đây :

— Sở dĩ con người nhận thức $N > T$ là vì, nhìn ra cái không phải ta, cái phi ngã, con người không thấy từng cá nhân lẻ tẻ, mà thấy một đại thể ; cái đại thể ấy gồm bao nhiêu cá nhân khác, trong số đó có chính mình.

Đem nhận xét này mà rọi lại những tỷ dụ đã nêu ở trên, chúng ta thấy :

— Quân nhân bỏ mình vì nước là thấy mình hy sinh cho Quốc-gia dân tộc, một đại thể gồm ức triệu con người, trong số đó có mình.

— Nhà cách mạng hy sinh hạnh phúc gia đình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc cũng có một nhận thức như vậy.

— Tín đồ vượt gian lao, nguy hiểm để truyền bá chánh đạo cũng thấy mình phục vụ một cái gì lớn lao, cao cả, đem chân lý lại cho toàn thể chúng sinh, trong đó có mình.

Tóm lại, con người nhận thức mình phụng sự một đại thể mà những người khác và chính mình là những bộ phận ; và nhận thức ấy có một năng lực cực

kỳ mạnh mẽ, động viên con người làm những việc phi thường.

— Làm những việc anh dũng, phi thường ấy, con người cảm thấy một niềm vui sướng tinh thần khó tả, một niềm vui trong sạch, lâu dài, khác hẳn những lạc thú nhục dục ô trọc, thoáng qua ; vui sướng vì thấy rõ hành động của mình đem hạnh phúc lại cho những người xung quanh, vì được lương tâm khen ngợi, người đời mến phục.

— Con người tin tưởng chắc chắn rằng mình đã đi vào con đường đúng đắn, đưa tới lý tưởng cao cả của đời mình.

— Về trí tuệ, vì con người, được động viên mạnh mẽ, đem hết khả năng, toàn tâm, toàn lực ra thi hành nhiệm vụ, nên học hỏi kinh nghiệm trong hành động rất nhiều ; mặt khác vì không bị cái cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, che mờ nhận thức, nên trí tuệ con người phát triển mau chóng lạ thường.

— Do sự phát triển mau chóng của trí tuệ mà dần dần, sau bao nhiêu công phu học tập, tu tâm, dưỡng tánh, trầm tư mặc tưởng, con người tiến tới nhận thức càng ngày càng rõ cái Đại Thể mà mình và những người khác là bộ phận.

— Đến một mức giác ngộ cao độ, con người nhận thức được cái chân lý kỳ diệu sau đây :

— Cái bản ngã chân chính của mình không phải là cái ta ích kỷ đắm say nhục dục, mà là cái chơn nhưn khát khao lý tưởng.

— Mỗi người quanh ta là một chơn
nhơn. bằng những danh từ khác nhau.

— Ta và người không đối lập nhau ;
giữa ta và người, tuyệt đối không có mâu
thuẫn. Ta và người là đồng nhứt thể,
xuất phát từ một Đấng Đại Thề.

— Đấng Đại Thề ấy là Thực Thề
trường tồn của vũ trụ, Đấng Toàn Chân,
Toàn Thiện, Toàn Năng, Nguyên lý
tuyệt đối của vũ trụ.

Đấng Đại Thề ấy, các vị thánh hiền
Đông Tây đã thấy được và kính cần gọi

Logos (của phái Khắc Kỷ Zénon) Le
Verbe (Thánh Gioan) Idée (Hégel) —
Noumène (Kant) — Mind, Spirit (Emerson)
Brahman (Giáo phái Védanta, Ấn độ),
Chân Như (Phật giáo). Danh từ phổ biến
ở Á-châu là Đạo, của Lão-tử. Dưới
đây, mỗi khi đề cập đến Đấng Đại Thề,
chúng tôi xin phép dùng danh từ Đạo.

(Còn liếp)

THẾ-QUANG

- ★ Có nghị lực thì mới chỉ huy được, nhưng nghị lực không phải là
hung bạo, cố chấp. Nghị lực là cái sức bền vững để tiến
lên một cách có phương pháp, có đắn đo và biết lượng
sức mình.

Đạo thờ người quân tử

Tề-Cao-Đình hỏi Khổng-Tử rằng :

— Đình tôi chẳng quản non sông cách trở, thân mang
lễ vật tới đây yết kiến thầy, chân thành hỏi thầy cái đạo
thờ người quân tử, dám xin thầy chỉ giáo cho.

Khổng-Tử đáp :

— Phải chính trực để làm cốt cán, kính cần để giúp
thêm vào, thì hành điều nhân không hề mỏi chán. Thấy
người quân tử thì cất nhắc lên, thấy kẻ tiểu nhân thì rút
bỏ đi. Gạt bỏ lòng ác của người mà thành thực hợp tác.
Đào luyện hành vi, sửa sang lễ độ, người ngoài ngàn
dặm thân như anh em. Nếu hành vi không đào luyện, lễ
độ không sửa sang thì ngay trong cửa nhà cũng không
thông được với mình. Ôi ! Trọn ngày lời nói không bỏ sót
điều đáng lo của mình, trọn ngày việc làm không bỏ sót
sự đáng ngại của mình, duy có bực tri giả mới được
như thế mà thôi.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

thắc mắc...

Sau hai trận đại chiến, sau những cuộc tranh đấu vô trang hoặc chính trị giành độc lập, sau những năm chung sống với Cộng-sản, sinh hoạt cũng như tư tưởng của con người bị xáo trộn quá nhiều, quá mạnh. Hoàn cảnh mới, tư tưởng mới, phát minh khoa học mới... mỗi ngày mỗi gieo thêm vào lòng người dân Việt biết bao hoài bão mà cũng biết bao niềm thắc mắc băn khoăn. Những thắc mắc băn khoăn đó, bạn Phạm - Hoàng, sau bao biến cố thời đại, sẽ lần lượt trình bày cùng bạn đọc Bách-Khoa mỗi kỳ. Tác giả trang thắc mắc này hi vọng sẽ cùng các bạn, nếu không tìm được phương giải quyết, thì ít ra cũng làm nhẹ bớt tâm tư của riêng mình và của các bạn đồng tâm sự.

L. T. S.

MẶC CẢM TỰ TI

Trước khi bắt tay vào một công cuộc hay nghe ai thúc giục xây dựng một công cuộc, tôi thường e ngại, vì tự cho mình là kẻ tài hèn sức mọn, hành động lẻ loi của mình chắc sẽ chẳng đem lại được kết quả gì.

Song, nếu tôi nghĩ như vậy, bạn tôi cũng nghĩ như vậy và xung quanh tôi, ai ai cũng nghĩ như vậy, thì liệu nước Việt của chúng ta có thể tránh được cái tròng nô lệ và cái họa diệt vong không ?

Tôi tự bảo tôi : mọi việc phải có thời cơ.

Nhưng tại sao tôi không tạo ra thời cơ hay ít ra chuẩn bị đề khi thời cơ tới thì tôi sẵn sàng ?

Tôi lại tự bảo tôi : Chuẩn bị rồi, chắc gì thời cơ đã đến ?

Nhưng nếu thời cơ đến mà chưa chuẩn bị thì sao ? Vả chăng, thời cơ đến hay không đến, nỗ lực của tôi, dù sao, cũng không thể mất. Con cháu tôi sẽ lợi dụng nỗ lực của tôi và sẽ nối chí của tôi. Thế hệ tôi không thực hiện được chí ấy thì thế hệ sau, hay thế hệ sau nữa. Phải chăng điều quan trọng chính là ở chỗ tôi phải nỗ lực làm phần vụ của tôi ngay từ bây giờ ?

PHẠM-HOÀNG



ÚC VIÊN THI THOẠI
 郁園詩話



MỘT cuối năm lịch trắng, đúng vào đầu năm lịch trời, vị chủ nhân ở Vương Giả Hương Đình nhận được một gói quà Tết.

Mở phong ra : một hộp đầy ăm ắp những quả ô-mai muối tầm gừng, dăm phiến trầm hương miền núi ngũ Quảng, và một cánh bạch ngọc phiến. Cánh quạt trắng tinh, mười bảy rẻ.

Mười bảy hay là mười tám đây ?

Sao mà đề thiếu chỉ một rẻ, khiến cho cánh quạt thu không phe phẩy được gió sâu, như lời dao ca :

Cánh quạt mười tám rẻ xương
 Hai bên phất giấy tư niên quạt sâu
 Có nắng thì đề đội đầu
 Có mưa xếp lại, đi đâu mà cầm
 Sớm mai đi chợ từ lân
 Lấy quạt che miệng âm thầm cùng ai...
 Mở cánh quạt ra nhìn.

Mặt quạt bên này, vẽ một bức tranh sơn thủy. Trong nét sơn thủy, ẩn ước có bóng lâu đài cung điện. Có hai lạch nước quanh co, có chiếc cầu bắc ngang vắt vẻo. Đằng sau xa, bóng núi lơ mờ, ẩn hiện trong những đám sương, đám khói tỏa mung lung. Nhìn thấy lạ, mà không nhận rõ là cảnh trí nào. Nhìn kỹ lại, ở chỗ đầu trên góc quạt, có mấy câu đề lạc khoản :

Tràng kiều ngọa ba.

Vị vân hà long

Vị tề hà hồng

Nhị xuyên dung dung

Lưu nhập cung tường.

Nhờ có câu đề mà vỡ nghĩa : Dòng nước quanh co là hai lạch Vị-xuyên và Phần-xuyên. Lâu đài ẩn ước là cung Tràng-lạc ở mé nam và cung Hàm-dương ở mé bắc, dọc sông Vị-thủy. Chiếc cầu mỏng vắt vẻo là chiếc hồng kiều bắc liền bờ nước, làm nẻo thông sang cho hai tòa cung điện gần nhau. Không phải toàn cả qui mô, mà chỉ một phần thể thế của A-Phòng cung mà thôi. Bức tranh này tất phải có một dụng ý :

Lật qua.

Mặt quạt bên kia, chữ viết chi chít nhỏ như đàn kiến bò trên nan tre. Là bản chép bài cổ văn « Tần cung nữ oán báai công » của tác giả Đặng Trần-Thường.

Chép hết bài văn tứ lục dài đủ 86 câu, mà chỉ mới đầy mười lăm rổ quạt. Còn thừa hai rổ. Trước khi đề ngày ký tên, người chép còn viết thêm mấy câu gói ghém :

« Ngoài trời mưa bão rớt, trong phòng vãn giá lạnh, phảng phất tiết đại-hàn phương bắc. Chép áng văn xưa trên quạt, phụng trời gởi tặng khách say văn. Đề kỷ niệm trận bão Kathy đã làm mưa làm gió ở miền Trung. Kính gởi chủ nhân Vương Giả Hương Đình một làn hương ngát lạnh, đề mãi lòng ta phảng phất cảm hoài xưa ».



Dưới đây là bài thơ đáp tạ phong quà : mơ muối, trầm hương và cánh quạt, đề ghi một giai thoại trong áng tân thi thảo của Vương-Giả Hương-Đình :

*Mặn ngọt chua cay mơ những mơ
Đất chìm trời nổi kiếp mơ hồ
A-phòng sự nghiệp cung tan khói
Đặng-thị văn chương mực đậm thơ
Cánh quạt chữ đề hương phảng phất
Mảnh trầm hương đượm chữ thơm tho.*



*Ba mươi năm mộng mà chưa ảo
Vạn tám ngày xuân vẫn cứ thu
Học mãi chưa thông câu sách cũ
Sống lâu đề nhắc chuyện thời xưa.
Không gần gần vẫn không xa cách
Chẳng đậm đà nhưng chẳng hững hờ.*



*Vương-Giả Hương-Đình lan mấy
khóm :*

Dò tương, nụ mộng, là đông-hồ.

ĐÔNG-HỒ

Úc viên, ngày cuối năm cũ.

HỒN TRUNG-HOA VÀ KI-TÔ GIÁO

F. HOUANG

Phan-Khoang và
Hoàng-minh-Tuynh (dịch)

Khổng-giáo, quốc giáo của Trung-hoa.

Đời Hán (206 trước Thiên-Chúa — 200 sau Thiên-Chúa), Khổng-giáo được nhận là quốc-giáo, đó là giai đoạn thứ ba của lịch sử tôn-giáo Trung-hoa. Sự công nhận ấy đã được sửa soạn từ thế kỷ III trước Thiên-chúa, do vị Hoàng-đế đầu tiên của nhà Tần, Tần-Thủy-Hoàng, người đã xây Vạn-lý-trường-thành. Để thực hiện sự thống nhất nước Trung-hoa mà các tiểu vương phong kiến chư hầu cứ tranh giành, chia xẻ mãi mãi, Tần-Thủy-Hoàng trước hết, muốn đoàn tuyệt nước Tàu với dĩ vãng. Ông đốt hết sách và chôn nho sĩ. Nhưng lịch sử khéo trớ trêu, kẻ thù của tư tưởng Khổng-giáo này đã vô tình góp sức làm cho Khổng-giáo trở thành chánh thống ở những thời đại sau. Vì thu hẹp mọi tư tưởng lại trong một hệ thống luân lý và xã hội, ông đã giúp cho Khổng-giáo có thể chiếm địa vị ưu thắng dưới triều Hán, triều mà các vị Hoàng-đế

tìm sự ủng hộ của các nho sĩ.

Vậy thì nền Khổng-giáo chánh thống, nền Khổng-giáo đã chi phối đời sống người Trung-hoa từ đầu kỷ nguyên Kitô-giáo cho đến cuộc cách mạng Tân-Hội ấy, gồm có gì ?

Trước hết, người ta lo sưu tập, biên chép lại các sách vở của Nho-gia đã bị chánh sách của Hoàng-đế nhà Tần làm hư, mất, tàn mác đi, rồi đặt nó thành như những qui tắc có tính cách thiêng liêng. Đồng thời để ngăn học phái Mạnh-Tử hưng khởi, người ta cho rằng học phái Chuộng hoạt động tích cực của Mạnh-Tử cũng nguy hiểm như học thuyết huyền bí của Lão-Tử.

Khổng-giáo được tôn làm quốc-giáo rồi cũng đặt ra nghi lễ tỉ mỉ trong các sự thờ cúng. Thờ Trời, thờ Khổng-tử, thờ tổ tiên là những sự thờ cúng được Nhà nước thừa nhận.

Chỉ Thiên-tử mới được thờ cúng Trời, các nho-sĩ và môn đồ thờ cúng

Khổng-Tử, còn việc thờ cúng tổ tiên trước kia dành riêng cho các gia đình quyền quý, sau mới lan rộng đến dân gian. Khổng-giáo cũng lập lên một đoàn tể, từ Thiên-tử xuống đến một gia trưởng tầm thường : trong nước, Thiên-tử làm chủ việc tể tự Trời và quỉ thần, trong mỗi gia đình, có người gia trưởng làm chủ việc tể tự tổ tiên. Sự tổ chức nửa tôn giáo nửa thế tục ấy lấy đạo hiếu làm nền tảng, coi là căn bản của tất cả nền luân lý. Có một bài sách mà không người Trung-hoa nào sinh trưởng trong gia đình thủ cựu không học đến lúc nhỏ, nên khi nói đến đạo hiếu, không thể không nhớ lại. Sách Hiếu-kinh chép : « Đạo hiếu là gốc rễ luân lý của con người... Hiếu thảo với cha mẹ, ấy là dựng cái khung luân lý cho mình, đi trong con đường chính đạo, để tiếng thơm lại đời sau, làm hiển vinh cha mẹ. (1) » Hồi chúng tôi còn nhỏ, chúng tôi đã đọc trong các sách ấy học rất nhiều truyện nêu lòng thương cha mẹ của con cái để làm gương.

Chúng tôi xin kể lại đây một truyện, lựa trong những truyện cảm động nhất : « Một người trai trẻ có mẹ đau nhưng không tìm được thứ cá mẹ muốn ăn để dâng mẹ, nên lấy làm buồn rầu, thất vọng. Tối lại, anh ta ra nằm dài trên dòng sông đóng giá. Lòng hiếu ấy cảm động đến Trời. Trời liền đào trong giá sông một cái lỗ, rồi một con cá chép từ trong lỗ ấy nhảy đến trước mặt anh. Sung sướng, anh mang cá về nhà, đem kho nấu rồi dâng mẹ. Bà mẹ ăn cá và lành bệnh. »

(1) Hiếu kinh, chương I

Khổng-giáo xây dựng trên đạo hiếu ấy đã đào luyện nước Trung-Hoa trong 20 thế kỷ, như là một tổ ong có kỷ luật nghiêm minh. Nhưng vì thu hẹp giáo lý ban đầu của Khổng-tử, và đè ép tôn giáo hành động của Mạnh-tử, Khổng-giáo này đã đưa đến một thói tôn trọng hình thức thái quá. Cá nhân bị giam giữ trong sự thẳng phước của gia đình, phải tìm một lối thoát tinh thần ở sự trầm tư mặc tưởng của Lão-giáo. Vì đó, nhiều họa sĩ, thi sĩ undic trong tinh thần Lão-tử đã phát triển.

Tuy vậy, Khổng-giáo cũng không thay thế được những sự thờ cúng linh hồn trước kia. Từ thế kỷ I, bọn vu hích, đồng bóng, phương sĩ đã nhân danh Lão-học để truyền bá tín ngưỡng và pháp thuật của họ. Trương - đạo - Lăng sinh năm 34 (kỷ nguyên Ki-tô giáo) nói có được Lão - tử mặc thị, tượng trưng ra một thần miếu gồm nhiều vị thần, thuộc các đẳng cấp, để cùng thờ với các Thần trên trời, dưới đất và ở thủy phủ. Ông tìm được một linh được và theo lời của các môn đệ, nhờ linh được ấy ông và vợ đã lên được trời. Ngày nay, các đạo sĩ của Lão-học tin chắc rằng một hậu duệ chánh thống của Trương-đạo-Lăng hiện ở núi Long - hổ trong tỉnh Giang-tây ; họ tôn vị ấy danh hiệu Thiên - sư và nhìn nhận là Giáo-trưởng của Lão-giáo (hoặc Đạo giáo).

Sự du nhập Phật giáo

Dưới triều Hán, trong khi Khổng-giáo tổ chức thành quốc giáo, Lão-giáo biến thành những mê tín dị đoan, thì Phật-giáo từ Ấn-độ qua Trung-Á mà du nhập nước Trung-hoa.

Người ta biết rằng giáo lý mà đức Thích-ca-mâu-ni, tức đức Phật sau khi ngộ đạo, đã thuyết pháp, đến đầu kỷ nguyên Kỉ-tô giáo thì chia giáo đồ làm hai tông phái lớn. Tông phái Tiểu-thặng lấy Niết-bàn làm mục đích, chỉ lo tu để tự độ lấy mình; còn Đại-thặng thì nghĩ rằng chính đức Phật khi đã thành chánh quả rồi, chưa chịu vào Nát-bàn, còn lo đi thuyết pháp để giải thoát chúng sanh khỏi vòng đau khổ và sự luân hồi, nên mình phải theo gương ấy, nhận lấy nhiệm vụ tự giác, giác tha, nghĩa là tu để độ mình và độ hết thảy chúng sanh. Tiểu-thặng chủ việc tu trì, giữ theo đúng lời dạy của đức Phật, mong đến được bậc La-hán, vào Nát-bàn. Họ tôn thờ Phật, nhưng không trông đợi Phật cứu giúp điều gì, nghĩa là không nương dựa vào một sức thiêng liêng nào ngoài cái tâm của mình.

Tông phái Đại-thặng ít phân biệt kẻ tăng, người tục, phát nguyện tu đến được bậc Bồ-tát, tức là một bậc nhờ tu hành đã có được đức tính của Phật. Không bác bỏ thuyết « Tứ-thánh-đế » và thuyết « Thập nhị nhân duyên », phái này chú trọng ở đức từ bi vô lượng của Phật và Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh.

Phật-giáo du nhập nước Trung-hoa do tông phái Đại-thặng, và phát đạt mau chóng. Nó liền sinh ra nhiều tông phái, đều chánh thực là của người Trung-hoa. Xin kể sau đây những tông phái biểu lộ được thiên tài về tôn giáo của giống người này hơn hết.

Tông phái phổ thông hơn cả là Tịnh-thờ-tông, Âu-châu gọi là phái A-di-đà. Vị sáng lập ra tông này là Huệ-Viễn (Hwei-yuan) tịch năm 416 sau Tây-

lich, trước theo Lão-giáo rồi sau mới theo Phật-giáo. Ông tự nhận là sứ đồ của A-di-đà là một vị Phật chịu hiện ở thế gian để độ hết thảy chúng sanh. Ông tin chắc rằng nếu hòa hợp được với Chân-như thì không chỉ diệt được cái ngã kiến của ta trong cõi Nát-bàn, mà còn làm cho nó nảy nở ở Tây-phương cực lạc là nơi ở của đức A-di-đà, ánh sáng vô biên. Phật-giáo Ấn-độ hình như không chú trọng đến Phật A-di-đà lắm, Huệ-Viễn thì cho đây là vị Phật giải thoát chúng sanh, nhận những lời cầu nguyện và ban ân huệ cho mọi người. Cá-nhân lịch sử của đức Thích-ca-mâu-ni cũng phải nép mình trước vị Phật này. Theo Huệ-Viễn chỉ một đức tin giản dị và vững chắc ở A-di-đà cũng có thể làm cho chúng ta được vắng sinh ở Tây-phương cực lạc. Muốn chắc được giải thoát, người tu hành cần phải tụng niệm câu này với một tấm lòng tin cậy : Nam mô A-di-đà-phật.

Những câu kinh A-di-đà rất cảm động vì giản dị và đẹp đẽ.

Phái A-di-đà thờ rất nhiều Phật. Để giúp vào công cuộc phổ độ thế gian, bên cạnh A-di-đà còn rất nhiều vị Bồ-tát, đức hạnh đầy đủ để cầu nguyện hộ cho hạng người còn kém, thiếu về đức hạnh. Trong các vị Bồ-tát, có đức Quan-âm là một vị Bồ-tát đầu bà. Các họa sĩ, điêu khắc Trung-hoa thường trình bày đức Quan-âm, vẻ mặt tươi đẹp, giúp đức A-di-đà lái con thuyền Bác-nhã qua Khô-hải để đi đến bến Thiên-đường. Trong thuyền Bác-nhã, đàn ông, đàn bà đủ hạng, chen chúc nhau, thốt ra mãi mãi lời cầu nguyện này : « Đức

Quan-âm, Ngài là đấng đại từ đại bi hơn hết, kiêu diễm hơn hết, an ủi cả thế gian, xin đến với chúng tôi trong lúc may cũng như trong khi rủi, và đưa chúng tôi đến cảnh cực lạc » Linh mục Wieger S.J. là người có rất nhiều thiện cảm với các tôn giáo Trung-hoa, đã phê phán sự thờ phụng A-di-đà như sau : « Ai có thể chứng minh rằng những lời cầu đảo của hạng người tầm thường ấy, xuất tự thâm tâm mình qua những thề thốt của A-di-đà, không đến thẳng với Chân Chúa của lương tâm, là vị Chân Chúa độc nhất, là Cha của tất cả mọi linh hồn (1) ? »

Tông phái Chân-ngôn, mà người Nhật dịch là Zen, cũng là một biểu hiện độc sáng của Phật-giáo Trung-hoa. Đó là một sự chống đối của nội tâm với sự hiểu biết bằng sách vở và những nghi thức bề ngoài. Tông này căn cứ trên một trong những thuyết chính của phái Đại-thặng là : chúng sanh ai cũng có thể thành Phật. Người sáng lập Houei Neng (637-713) là một kẻ không học vấn, nhưng có nhiều lương thức, chủ trương rằng ngưng tập tất cả năng lực của linh hồn là phương tiện độc nhất để ngộ đạo. Vậy chỉ đọc thuộc kinh sách, thực hành những nghi thức bề ngoài thì chẳng khác nào người đánh cá chỉ lo lắng cái giỏ đựng cá mà để cho cá thoát đi mất. Nhưng ông thấy dùng kỹ thuật để mong ngộ đạo là một việc nguy hiểm. Ông cho rằng lịch nghiệm thần bí không thể tả được, không thể truyền thông được. Ông dạy phải mặc quần áo mà không biết ; ăn

uống mà không nghĩ đến món ăn, thức uống ; cưa gỗ, múc nước mà không biết mình làm gì. Làm như thế, rồi đến một lúc nào đó, mình thành linh giác ngộ, được Phật tánh bao trùm cả tâm hồn.

Vì thái độ thần bí ấy của tôn phái Chân ngôn mà nhiều tín đồ phái này đã quyết không chịu thờ Phật - tượng. Một hôm, một thầy tăng phái này vào một ngôi chùa, khắc nhoe trên tượng Phật. Có người trách mắng, thầy ta đáp : « Ông có thể chỉ cho tôi một nơi nào không có Phật để tôi khắc nhoe được ? » Một đặc tính khác của tín đồ phái này là hay dùng lối nói hoạt kê. Một đệ tử hỏi một vị sư : « Giáo lý căn bản của Phật-giáo là gì ? » Sư đáp : « Trong cái quạt này, có đủ gió hiu hiu để cho tôi mát. » Ai hiểu được thì hiểu.

Ở đây, chúng tôi không bàn đến tất cả các hình thái của Phật-giáo Trung-Hoa. Chúng tôi chỉ cần nói rằng Phật-giáo đã truyền bá và phát triển được trên đất Trung - Hoa. Nó đã làm cho Khổng - giáo hợp với nhân tính nên dễ cảm được người ta. Nó đã đưa vào Trung-Hoa một hình thức mới về chế độ, khổ tu : chế độ độc thân và cách sinh hoạt của kẻ tu hành trong tăng viện, trước đó đều không có ở Trung-hoa. Ảnh hưởng của Phật-giáo lớn lao đến nỗi Đạo-giáo của các thầy phù thủy, đề tồn tại, đã phải bắt chước cách tổ chức tu viện và sự sinh hoạt thế gian của nó.

Và Khổng-giáo cũng phải phát biểu một phần siêu hình học phỏng theo Phật-giáo để mở rộng khuôn khổ mà bảo vệ địa vị của mình.

PHAN-KHOANG và
HOÀNG-MINH-TUYNH dịch

(1) Histoire des Croyances religieuses et des opinions philosophiques en Chine, 1922 của Léon Wieger, trang 593.

Thú chơi sách

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

(Xin coi từ B.K. số 49)

ĐỂ tiện việc tra khảo, tôi xin trích lục ra đây hai chuyện thuộc về nhân vật cổ thời, và có liên lạc mật thiết đến thú chơi sách :

Chuyện thứ nhứt, tựa là « Tá thơ ngu, huồn thơ ngu » (đăng trong bộ tiểu đàm Phụng-Hoàng-Sang và Dương-Diệp ở Mỏ-Cày, bản in năm 1914 nhà in « de l'Union »).

Tích rằng : « Có tên kia mới mua được một
« bộ truyện hai cuốn hay lắm. Anh bạn nọ nghe,
« lết tới nhà mượn về coi chơi. Tên kia tiếc của lại
« xấu bụng, nên cố ý giấu lại một nửa và cho
« mượn có một cuốn mà thôi.

« Anh bạn đọc thấy chuyện đứt khúc, tức mình
« nên không trả.

« Lâu ngày, tên kia đến đòi, anh nọ trả lại có
« nửa cuốn, cất đi nửa cuốn.

« Tên kia hỏi sao vậy ?

« Thì trả lời rằng : « Anh cho tôi mượn có
« phân nửa, bây giờ tôi trả lại phân nửa cũng
« như anh vậy chớ sao ? »

« Tên kia tức mình, đem việc ấy đi kiện với ông
« huyện sở tại.

« Quan huyện nhà ta cho đòi hai đảng tới, hỏi
« ắt chất rồi mới xử như vậy :

« Thằng cho mượn thiệt là quá đại,

« Mượn rồi trả găm lại chẳng khôn !

« Hai đảng dà lời giữa nhà môn,



« Vậy thì nín mà nghe ông xử :

« Đánh vát chục biều sau đừng như vậy nữa ! »

(Truyện Tiểu-Đàm của Phụng-Hoàng-Sang và Dương Diếp, trang 25)

Câu chuyện không có gì đáng cười, đề xứng với cái tên là chuyện tiểu đàm. Sở dĩ tôi trích lục ra đây là cố ý để cùng các bạn xét xem cứ chỉ lạ lùng của hai anh chơi sách thời xưa. Ta hãy bỏ qua cái cách xử kiện chìm xuống của quan lại cự trào, cái tâm lý khiếm nhã của cả ba nhân vật trong câu chuyện. Một điều ta nên ghi nhớ là đời xưa đời xưa, nước ta đã có người biết chơi sách và không phải đến thế kỷ Hai mươi này mới trở thành hạng người mượn sách xấu bụng !

Chuyện thứ hai, cũng rút trong bộ tiểu đàm nói trên.

Sự tích như vậy :

« Có anh học trò ham sách mà có tánh hay kiêu ngạo. Khi nọ, có một ông huyện mới dời lại chưa quen biết gì với anh ta.

« Dinh ông huyện thì ở ngang nhà anh.

« Trước nhà anh này có một hàng tre. Muốn khoe của và để chọc tức quan huyện không có nhiều vật quý như mình, nên anh học trò cho trẻ dán trước ngõ hai câu liễn như vậy :

« Đình chuông thiên can trước,

« Gia tàng vạn quyển thư. »

Nôm.— « Sân mọc ngàn cây tre,

« Nhà đầy muôn cuốn sách. »

« Ông huyện thấy thẳng xác, ghét, mới sai lính rằng : « Bầy qua đồn

« hết tre nó cho rảnh, coi còn gì mà tre trước na ».

« Lính vung lệnh qua đồn hết hàng tre ; nhưng thường thường đồn tre hay bắc thang đồn nửa chừng hay là dùng câu liêm giựt nội khúc ngọn mà thôi, đề khỏi bị gai đâm.

« Thừa đó, anh học trò không gỡ câu liễn, đề vậy dán nổi thêm rằng :

« Đình chuông thiên can trước đoán,

« Gia tàng vạn quyển thư trường.

« Nghĩa nôm.— « Sân mọc ngàn cây tre vẫn,

« Nhà đầy muôn cuốn sách dài.

« Ông huyện giận quá, mới troàn rằng : « Lính bầy qua bứng hết và gốc và rễ cho tao, coi còn gì mà dài vẫn na ! »

« Lính nghe dạy sao thì làm như vậy.

« Anh ta cũng không gỡ cặp liễn xuống, cứ đề vậy, dán thêm vô hai chữ nữa như vậy :

« Đình chuông thiên can trước đoán vô,

« Gia tàng vạn quyển thư trường hữu (1).

« Nghĩa nôm.— « Sân mọc ngàn cây tre vẫn hết,

« Nhà đầy muôn cuốn sách dài còn !

« Ông huyện giận quá, mà không làm chi anh ta dặng... »

(Đến đây câu chuyện có thể tạm dứt được, nhưng tôi thấy đoạn sau cũng

(1) Có bản chép : đoán tận : trường tồn.

vui vui, rất giọng khôi hài Việt-Nam, nên tôi chép hết ra luôn, để quý bạn cùng thưởng thức) :

« Năm ấy, trời nắng hạn, ông huyện
« đòi làng tổng tới dạy ăn chay năm
« đất ba ngày ba đêm, cầu trời khàn
« phật, nhưng vẫn không mưa hột nào.

« Anh học trò diên chữ, mới làm
« thơ dán trước cửa mà ghẹo quan huyện
« ta rằng :

« Huyện đường quan đảo khuyết,

« Tổng thôn đồng thịnh khiết !

« Bán dạ khai song quan :

« MINH NGUYỆT !

« Nghĩa nôm. — « Quan huyện ta cầu
vỗ.

« Tổng làng đều tới
đó.

« Nửa đêm mở cửa
xem :

« TRĂNG TỎ !

« Ông huyện giận quá, đòi nó qua
« mà rằng : « Ta làm chuyện phải, cầu
« khàn cho trời mưa xuống cho dân làm
« ruộng, mầy là đồ hủ nho không làm
« gì cho ích quốc lợi dân, lại làm thơ
« mà kiêu ngạo quan trên... » Bèn kêu
« lính toàn rằng : « Nó làm thơ mười
« bảy chữ, đem nó ra mà đánh mười
« bảy roi... sắp nóc (1) thêm một roi
« là mười tám roi cho biết chừng bỏ
« thói kiêu ngạo ».

» Anh ta bị đòn một bữa lết lết mà cũng
« không bỏ tánh cũ. Về nhà, làm bài thơ
« dán trước cửa như vậy.

« Thi chương đề thập thất,

« Huyện đường đã thập bát !

« Nhược tắc liên thiên thi :

« ĐÁ SÁT !!

« Nghĩa nôm : « Thơ làm mười bảy
kết,

« Bị mười tám roi lết !

« Nếu làm bài liên thiên :

ĐÁNH CHẾT !!

« Ông huyện giận quá, xúi làng tổng
« kiện, đặng ông làm thiệt hại nó. Cái
« nghề học trò tự phụ, lâu nay ở trong
« làng kiêu ngạo họ chịu đã không nổi, nay
« sẵn có tiếng ông huyện đốc vào, ối thôi,
« họ vào không biết mấy chục lá đơn.
« Ông huyện không hỏi chi cho nhiều, làm
« án phát phối đầy va ra xứ xa.

« Anh ta bị đầy lâu ngày, có một người
« cậu đến thăm mà người ấy có tật chột
« hết một con mắt. Cậu cháu gặp nhau,
« mừng rỡ khóc lóc, than thở thăm thiết
« lắm. Đến lúc cậu cháu từ biệt nhau, kẻ
« về người ở, anh ta mới làm một bài
« thơ đưa cậu lên đường như vậy :

« Phát phối tại viễn phương,

« Kiến cữu như kiến nương.

« Lương nhơn giai thống khốc :

« TAM HẰNG !!

« Nghĩa nôm : « Bị đầy đi xứ xa,

« Thấy cậu như mẹ ta.

« Hai người đều khóc mướn :

« LUY BA !!

(Truyện Tiểu-Đàm của Phụng - hoàng -
San và Dương Diếp, trang 7 - 8 - 9 - 10.)

Bài tiểu đàm này đến đây là dứt.
Dứt một cách đột ngột như thế, mặc

Xin xem chú thích đoạn cuối bài.

tình độc giả muốn hiểu cách nào thì hiểu, muốn cười hay chẳng cũng được.

Trong chuyện có ngụ ý hai bài học khôn :

— *Phần thứ nhứt*, dạy cho ta biết cái nạn hay khoe tài khoe của thường chuốc hại vào mình, cũng như cái tánh kiêu ngạo ý hay ý giỏi chỉ đem phiền lụy vào thân ;

— *Phần thứ nhì*, ám chỉ cái hại của văn chương dùng không nhằm chỗ, và văn hài hước thường chỉ chọc chúng ghét.



Lại có bài thơ sau này nói về cái họa cho mượn sách, thơ tuy không mấy hay, nhưng cũng chép vào đây cho đủ chuyện.

Thơ rằng :

- « *Truyện hay mua lấy đề mà coi,*
- « *Tốt mượn không cho nói hẹp hòi.*
- « *Quân tử trao ra nào có tiếc,*
- « *Mắt công cho mượn, mắt công đòi.*

Vô danh

Bài thơ này, tôi thấy viết trong những bìa các bộ truyện Tàu của bà ngoại tôi, người gốc gác ở Bãi-xàu. Nay bà tôi đã mất từ lâu, các bộ truyện « in kỳ thứ nhứt », tôi vẫn còn giữ kỹ làm dấu tích của bà và quý nó hơn các bộ tôi sắm được sau đây.



Tôi nhớ như trong văn Pháp, của Charles Nodier là phải, cũng có câu tương tự như vậy :

- « *Tel est le triste sort de tout livre prêté :*
- « *Souvent il est perdu, et toujours maltraité !*

Dịch đỡ như vậy :

Cuốn sách cho mượn, thường có số phận hẩm hiu : không mất mát thì cũng bị dày vò.

Viết đến đây tôi ngùi ngùi nhớ đến mẹ tôi. Mẹ tôi mất lúc tôi vừa mười hai mươi ba tuổi, còn ngây thơ chưa biết gì, Mẹ tôi mua nhiều bộ truyện Tàu, Tam-quốc, Nhạc-Phi ; dành dụm từ các tờ xu, đếm đủ bốn các bạc mới mua được một cuốn truyện mỏng đánh « xem một chút một lát thì hết », thế mà mẹ con đêm nào như đêm nầy, thức chong đèn dầu lên đọc đi đọc lại mãi, cũng bao nhiêu cuốn ấy : mẹ tôi nhờ nó mà biết chữ quốc ngữ ; tôi cũng nhờ nó mà hiểu qua các điển tích Tàu. Nay mẹ còn ở chốn âm cảnh lạnh lẽo tối tăm hay đã đi đầu thai lớp khác ? Con đây, mỗi khi lấy truyện cũ ra xem lại, lật đến những trang vấy dầu lem luốc con không quên những đêm mẹ con đọc truyện dưới ánh đèn tạ-đăng. Truyện còn đây, đèn vẫn còn đây, con cũng còn đây. Duy mẹ đã không còn và chừng nào mới đến phiên con về chốn ấy đề ở gần bên mẹ ?

Bây giờ, có bạn sẽ hỏi tôi : « Muốn coi sách thì lại nhà bán sách mua mà xem, hà tất lựa bản in năm nào và in trên thứ giấy nào, khéo bày đặt đòi cho giấy Japon, Hollande, Impérial, [Vélin, Alpha, giấy Bạch-Tuyết, giấy lụa Tây-Hồ, Trữ-La, Đại-La, chỉ chi đủ thứ, được giấy Dó-Văn đặc biệt thủy ấn, giấy Dó-Lụa thủy-ấn có triện riêng, sách có kèm chữ ký của tác giả, vân vân và vân vân, in trên giấy tốt cũng vậy mà bản thường in trên giấy thường cũng vậy, một nhà

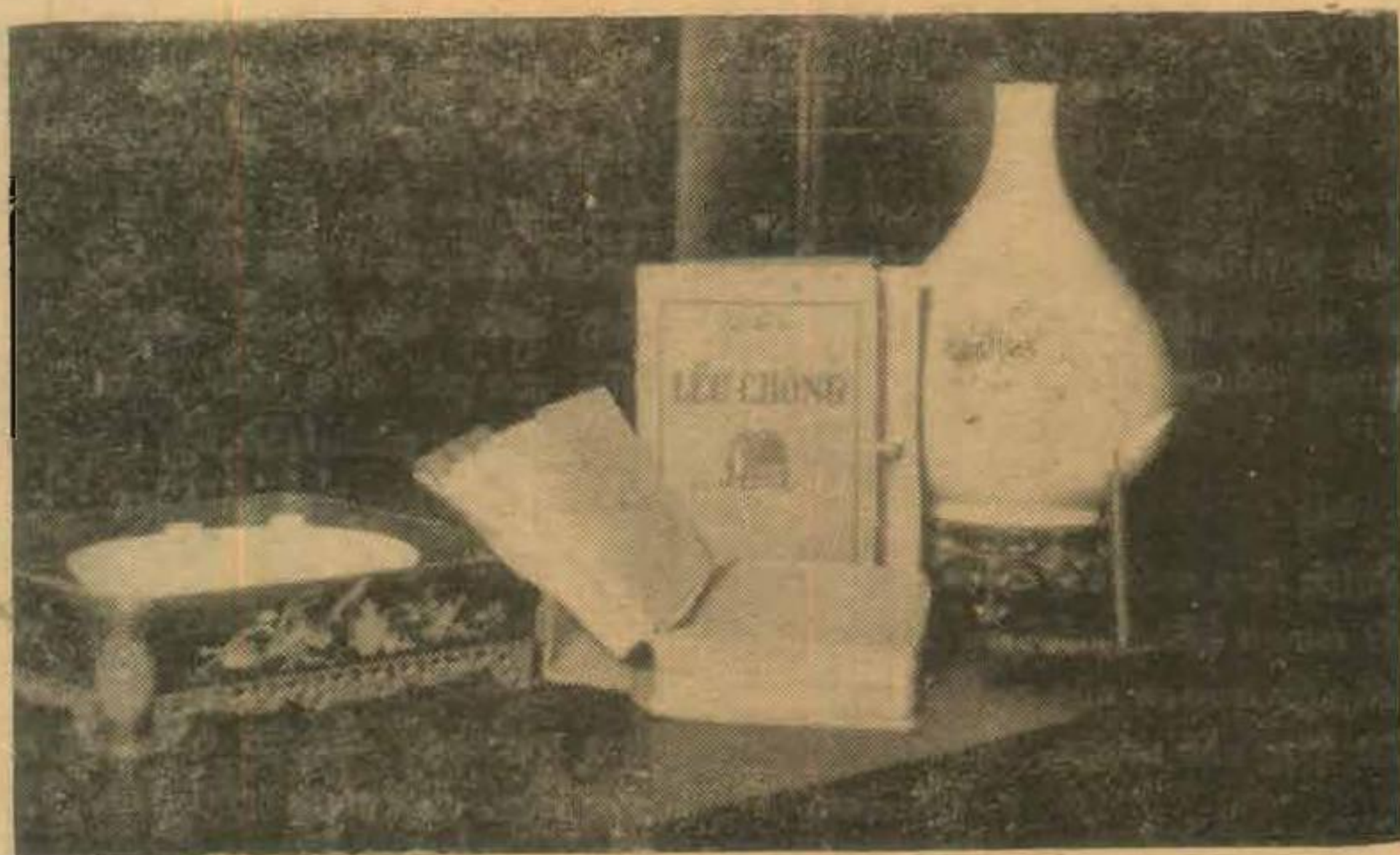
văn, một nhãn sách mà có đến hai văn phẩm trong đó hay sao ?

— Câu hỏi dài dòng nhưng hãy khoan chậm chậm, không khéo giữa đây mà vấp, thì còn gì cái giọng hùng hồn !

— Xin đáp rằng : « Không ! Nhưng cũng có khi quả có hai văn phẩm khác nhau thật ! (2) Vả chẳng, cũng một món thịt xào, một thứ rau luộc, một thì để trong

Muốn nói cho sắc đáng hơn, sách thường làm người bạn bố kinh, giỏi từ trong bếp đến mọi việc trong nhà, sách tốt là một mỹ nhân sang trọng chỉ có phận sự ngồi salon cần hạt dưa tiếp khách !

Một cuốn sách hữu danh, khi xuất bản, thường chia nhiều hạng : ngoài một số in thường thấy, còn thứ đặc biệt in trên giấy tốt có chữ ký của tác giả và đánh số thứ tự



Bộ « Lều Chông » giấy dó và bộ chén trà « Bạch đính »
(sưu tập của tác giả).

dĩa sứ « Giang Tây », « Nội phủ », một thì dọn trong mệ rang chén đá, xin hỏi thứ nào ngon mắt thấy « muốn ăn » hơn ?

Nếu ta có thể ví sách với y phục, thì ta phải công nhận rằng hạng sách in trên giấy thường có đóng bìa bố, bìa vải chắc chắn là những đồ nghề để giúp ta làm việc thường ngày, còn trái lại, những quyển sách in giấy đẹp có bìa mạ vàng lại là những y phục sang trọng vận ngày lễ, khi đi ăn cưới hoặc đi hãnh diện ngoài phố ngày chủ nhật với chị em bạn gái ! (3)

hần hoi, sách ấy hoặc để tặng thân bằng, hoặc để riêng dành cho hạng người chơi sách đẹp. Số in đã ít, giá tiền lại cao, nhưng đó thật là một bảo vật trong văn phòng nhà phong lưu, giấy in tuyệt hảo, chữ rõ rệt đậm đà, người xem không mỏi mắt mà người sở hữu chủ cầm nó trên tay lại được thêm cái vui mãn mê thưởng thức một công trình khéo léo của nghề ấn loát. Những bản cổ thường in trên cỡ giấy rộng khổ, cắt bìa duy một góc trên, có

(2) (3) Xin xem phần chú giải ở đoạn cuối bài này.

ý khoe cái đẹp tự nhiên của loại và cỡ giấy đặc biệt đã đen ra dùng Sổ trương đánh dấu. thật kỹ càng, lật mau không thấy so le, xê xít, chữ lựa cỡ vừa coi không nhỏ lắm, vì nhỏ thì khó đọc cho mắt già, xem lâu thêm mệt nhãn, mà cũng không lớn lắm vì chữ lớn quá thì hao giấy thêm trương lại ô dề mất khéo. Từ ngày người đọc sách thường hay châu lưu, du lịch xa xôi, và thường dùng tàu bay thế cho xe cộ, ghe thuyền, vì thế, nhà xuất bản kim thời có chế ra in các sách hữu danh trên một thứ giấy vừa nhẹ vừa chắc bền dễ tiện bỏ túi, bỏ tay xách đem theo

đi đường, — sách cắt bìa thâu càng hẹp khò càng hay, còn chữ cũng thâu nhỏ lại, — nhưng khỏi nói, — nhỏ mà sắc sảo lắm, không bao giờ lem tuốc và luôn luôn được phần kỹ lưỡng vén khéo, vừa gọn vừa sinh. Có nhiều bộ thật là một kỳ công sáng tác, rất tiện cho những gia đình bé gọn, ham sách nhưng không đủ chỗ chứa, hoặc những bạn văn chương tư bản chuyên đi đó về đây, hoặc nữa cho các bậc tiên ông thường đi mây về gió ! (4) (5)

VƯƠNG-HỒNG-SÈN



CHÚ THÍCH

(1).— Hai tiếng « sắp nóc » đã đem lại cho tôi những ý nghĩ nông nổi như sau nay xin góp vào bản « danh-từ địa-phương » của hai bạn Nguyễn-Hữu-Ngư và Bình-Nguyên-Lộc :

Nên nói : « sắp nóc », hay « xấp nóc », hoặc « xóc nóc » ?

— Dựa theo từ điển Huỳnh-Tĩnh-Cửa, thì nói « sắp nóc » là đúng.

« Sắp nóc » = sắp ngôi, lá, làm ra cái nóc nhà. (Từ-điển Huỳnh-Tĩnh Cửa).

Nhưng theo chỗ tôi biết, tại xứ tôi ở Sóc-trăng, nhà lá mới cất mới lợp lần đầu, ít ai nói « sắp nóc ». Hai chữ « sắp nóc », hoặc « xấp nóc », hoặc « xóc nóc » riêng để dùng khi nào nhà lợp cũ rồi, — có chịu đựng một vài mùa mưa, — nay vì muốn tiết kiệm, muốn o bế lại xài đồ nóc ấy thêm một mùa nữa để kiếm thêm tiền chạy thêm vốn năm sau sẽ lợp mới lại hết một lần, nên nay, « sắp nóc », hoặc « xấp nóc » hay « xóc nóc » nó lại. tức là thay đi một ít lá cũ đã mục nát, chỗ nào dột nhiều, chỗ nào hở thừa quá, mưa sa nắng tấp, thì chèn thì kèm lá mới thêm vào, nhưng làm gì thì làm cũng phải « sắp nóc »

cái lợp lá trên gần đôn đông cho thiệt khít khao, dón những lá cũ cho thiệt kỹ, đoạn chêm thêm một lớp lá mới bề xấp đôi cho thiệt dày, có thể mới khỏi lo mái dột. Việc làm như vậy đó, nay gọi « sắp nóc », hay « xấp nóc » hay « xóc nóc ».

— tôi xin nhường các nhà ngữ học trả lời : Lê Thọ-Xuân, Lê Ngọc-Trụ và Đông Hồ. Tóm luận :

— nói « sắp nóc », có nghĩa là sắp ngôi, lá, làm ra cái nóc nhà (Huỳnh-Tĩnh Cửa).

— nói « xấp nóc » có nghĩa là xếp lại, nhập lại, xếp nóc lại...

— nói « xóc nóc » có nghĩa như xóc tiền kẽm, tiền điều thời xưa, xóc dây cột lại thành xâu, hoặc như mấy chục năm về trước, xóc bạc đồng gói thành từ nang, từ cây cho dễ đếm, như xóc bài, vắn vắn...

Đến như câu : « đánh nó mười bảy roi, sắp nóc thêm một roi cho chẵn một chục rưỡi, mười tám roi, thì nghe vừa gọn vừa linh động vô cùng. Sắp nóc một roi, nghe bắt nhớ đến ông

quan thời xưa, ban bố roi vọt cho dân đen, làm đoan làm phước giùm chúng, giúp thêm một hèo cho thẳng dân được « ăm cái bản tọa », không khác nào chị bán hàng rong thêm một cái bánh hay một trái cây cho trẻ con nó mừng, — cứ chỉ của cha mẹ dẫu thuở ấy, thật là tử tế quá chừng !

(2) Riêng về bản « Vang bóng một thời » của Nguyễn-Tuân, tôi biết hai bản khác nhau :

1^o Một bản giấy thường, in năm 1940, do nhà in Tân-Dân Hà-nội xuất bản trong loại « Những tác phẩm hay », sách dày 196 trang giá 0đ50 (1940).

2^o Một bản đặc biệt của nhà Thời-Đại, Hà-nội : có bản phụ và minh họa của Nguyễn-đỗ-Cung, in 1943, nhà in Xuân-Thu Hà-nội. — Sách dày 277 trang kể luôn trang minh họa. Đặc sắc nhất là bộ này có in lại nhiều đoạn đã bị kiểm duyệt xóa bỏ trong bản nhà in Tân-Dân. — Giá năm 1943 5đ.

(3) Nhiều nhà chơi sách phong lưu và khá tiền, sắm mỗi bộ sách hữu danh, đến hai bản, một bản thường và một bản tuyệt đẹp. Bản thường để tra cứu hằng nhật, thỉnh thoảng cho bạn thiết mượn qua mượn lại, rủi ro thất lạc cũng chưa đến nỗi gì. Bản đẹp đóng bìa xanh, thi để chưng trong tủ và ít đem ra dùng, trưng tiu như món trân ngoạn.

Năm xưa, trong đời thơ ký của tôi, tôi có làm chung với một học giả Pháp ông Pierre Dupont, nhân viên trường Bác Cổ Viện Đông, ông này chơi sách có tiếng, và chủ trương sắm mỗi bản hai bộ khác nhau như tôi đã nói ở trên. Ông có một tủ thẻ (fichier) đựng từ điển Đào Duy Anh cắt ra và do ông Nguyễn-văn-Tổ dán lên thẻ, dạy rằng mỗi lần gặp một danh từ mới thì hãy lấy thẻ ra bỏ cứu, và bộ từ điển đựng trong tủ làm ấy rất là linh động và hấp thối luôn. Có bữa kia tôi hỏi và lấy làm lạ cho rằng sắm hai bộ một danh tác là phí tiền Ông

Dupont mỉm cười đáp rằng : « Bộ sách tốt tôi để dành như tiền bỏ ống. Nếu một mai tôi ty trần thì đó là món tiền quả phụ tôi tặng lại vợ tôi ! »

Hay, hay thật ! nhưng phương pháp này khó đem ra thực hành. Kể như nhà chơi sách Pháp sầm Montaigne hai bôn, nhiều bộ Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient và Bulletin des Amis du Vieux Hué, nghe đều hữu lý, chớ như người Việt, muốn lên mặt học giả, phải sắm sách Việt, Hán, Pháp, Anh, Mỹ, vân vân và cứ cái đà ấy tiến mãi, ngày kia sẽ mua sách Miên, Ấn-độ, Nga, thêm nữa ngày nay giá sách đều chợ đen chợ đỏ rồi ; mới đảo tiền đâu ra ? (Riêng tôi, tôi có một bộ hai quyển sách khảo về đồ sứ Tàu, trước mua 100.000 quan, nay vọt lên 200.000fr mà bạc quan không để gì có...)

(4) Từ ngày có lệnh cấm triệt để không cho hút a-phien nữa, thì danh từ « đi mây về gió » đã mất hết một nghĩa ! Chính xưa kia « đi mây về gió » dùng để ám chỉ cái thú phong lưu « phun mây nhả khói » của các đệ tử của ả phù dung. Nay thú ấy đã không còn tự do, thì danh từ « đi mây về gió » chỉ còn một nghĩa duy nhất dùng để gọi những người hành khách lấy tàu bay thể làm chân vạy.

(5) Trong trận đại chiến giữa Pháp Nga, đầu thế kỷ XIX, hoàng đế Napoléon đệ nhất, trên đường binh bại, có bỏ lại trên đất Nga, những hòm sắt đựng trọn một thư viện thân nhỏ lại gồm những tác phẩm của danh nhân, văn sĩ Pháp, in trên giấy nhẹ, mỗi bộ đều đóng bìa da mỹ thuật có dấu ấn nhà vua, vì hoàng đế Napoléon vừa là một nhà tướng đại tài, vừa một nhà học giả văn nhưn tốt chúng, làm việc nhiều mà đọc sách cũng rất nhiều. Những cảo thơm này hiện nay còn thấy đem ra bán và mỗi lần có đấu giá, sách ấy đều được giành giật hơn vàng.

V. H. S.



Đêm Bất dạ



XUÂN SỰ KÝ của MỘNG-TUYẾT thất tiều muội.

Xuân tiều nhất khắc trị thiên kim
 Hoa hữu thanh hương nguyệt hữu âm
 Ca quân lâu đài thanh tể tể
 Thu thiên viện lạc dạ trăm trăm
 (Tô Đông-Pha)

Trăm quện hương đào tỏa gió đông
 Vàng gieo bến liễu nguyệt dờm song
 Muốn soi hồng lạp lìm hoa chủ
 Khôn đòi hoàng kim lấy giọt đồng
 (Hư-Chu)

Rằm tháng giêng... Tết đã qua mười
 lăm ngày rồi. Phong vị Tết đã nhạt

dần từ hôm mồng ba, mồng bốn.

Chiều hôm nay, lòng bỗng thấy nôn
 nao. Dư vị của ba ngày xuân còn lắng
 đọng, tự nhiên, như phôi phôi dâng lên.

Trẻ con lại được cho dỡ ra quần áo
 mới. Người giai nhân lại dự bị, từ
 sáng sớm, để hưởng một đêm Tết Có
 Trăng.

Mặt trời khuất sau tấm màn gió biếc
 của dạng Bình san thì ở bên kia bờ
 Đông - hồ, vành trăng cũng từ từ nhô
 lên khỏi nước. Một cái ấn vàng đóng
 tròn lên mặt gương ngọc.

Người người ở xóm Chợ lủ lượt đồ về xóm Rầy, xóm có nhiều lá và nhiều hoa. Đoàn người kéo đi dự hội « Bể lộc ».

Lộc là hoa tươi và lá dọt. Ở khắp xóm Rầy, vườn nào mà chẳng có lá dọt và hoa tươi, nhưng mọi người lại chỉ cứ ưng tìm về Vườn Muôn Hương của nàng Út mà thôi.



Mỗi năm mỗi thắp đèn trời

Cầu cho cha mẹ sống đời với con

Tục thắp đèn trời để cầu thọ cho bậc cao niên đã thành lệ. Một lệ tục đẹp như thế mà nhà nào lại không muốn giữ. Riêng nhà nàng Út, còn đủ hai thân, mà trên, hầy còn bà ngoại, thọ hơn tám mươi tuổi.

Năm nay, lại vừa đúng tuần thượng thọ của bà ngoại. Vị gia trưởng, cụ Hương lão, định sửa lễ thắp đèn trời thực long trọng, để cho các cháu cầu thọ cho bà.

Thảo nào, Út thấy từ trước Tết, mẹ mình mua trứ nhiều sáp ong thối. Những bát sáp trắng, không gợn tí bụi, bà Hương đã đặt mua từ mùa mặt năm cũ. Người thâu « Ngan ong » đã gánh lên một gánh sáp để cho cụ Hương chọn. Sáp nào là sáp của loại ong hút nhụy hoa vông thì màu ngà ngà mà trong suốt. Còn sáp của loại ong đã hút nhụy hoa dã thì màu đục đục như bát mỡ đông.

Sáp lấy được ở ngan ong, làng Dương - hòa, là tốt có tiếng. Ngan ở đây là một cánh rừng to, mọc toàn cây

dá và cây vông, đặc biệt là tư niên, có ong đến đó làm tổ khắp giải rừng.

Sở phong ngạn này là của triều đình chúa Nguyễn cấp, làm đất hương hỏa đời đời, cho dòng họ Mạc đã có công khai sáng trấn Hà-tiên.

Năm năm có người thâu, đóng hoa lợi cho làng để cúng việc tế tự.

Sáp lấy ở rừng này quý là vì loài ong chỉ ăn thuần một giống hoa, không ăn tạp giống hoa khác, cho nên chất sáp có một màu trong và một vị thơm đặc biệt.

Hai bát sáp úp lại là một nan, no tròn, trông ngon mắt như cặp bánh dày trắng mịn.

Thắp đèn trời đúng lễ là phải biện một đôi đèn sáp cao bằng người được cầu thọ. Bà ngoại vốn người nhỏ thó mà đôi đèn cũng phải cao đến một thước năm mươi phân.



Sau hôm mồng bảy, hạ cây nêu trước nhà rồi, là cụ Hương lo việc đan tim và phoi sáp. Trước nhất là thái sáp thành lát mỏng, chắp lại thành từng cái đĩa bằng, đem phoi giữa lúc nắng đang to. Rồi cả nhà, anh Ba, anh Tư cũng góp tay vào việc hơ lửa nhồi sáp, nắn cho sáp được nhuyễn mềm.

Việc quan trọng là việc đặt tim vào lòng sáp. Cả khối sáp mềm, vừa lăn dè trên tấm ván, đặc biệt dè dùng xe đèn, vừa nắn cho nhanh và đều tay, khối sáp dôi ra bao bọc đều vừa hết sợi tim đèn. Nắn sửa lại cho tròn thành cây đèn ngay thẳng, xong thì lớp vỏ

sáp cũng từ từ se nguội. Tưới một ít nước lá vào, lán thêm ít ngoai, là sáp cứng lạnh.

Bà Hương cũng phải tìm lâu lắm ở tận sau góc vườn, cây chuối hột già, để cắt lấy một bẹ cao hơn thước rưỡi. Gọt lau sạch sẽ, dành sẵn cho cụ Hương đặt đôi đèn sáp nằm vào lòng mán bẹ chuối, cho êm thẳng, đợi sáp thật cứng mình.

Cụ Hương lão vốn là người có tay xe đèn khéo nhất làng. Trong làng, thường đến nhờ cụ việc này luôn. Nhưng lần này, phải sửa sang một đôi đèn to lớn, có một tính cách khác thường như vậy, cụ cũng phải đề hết tâm vào. Việc được hoàn hảo cụ cũng lấy làm đắc ý.



Hương án đặt trước bàn trời, ba bề căng vải để che gió. Trên bàn, bày ngũ hoa và ngũ quả. Cả chè cả bánh. Và món lễ chánh vẫn là đôi bạch lập.

Đúng giờ tỵ, đêm mười bốn rạng mặt ngày rằm, thì bắt đầu cuộc lễ lên đèn.

Cả nhà đều hoan hỉ.

Bà ngoại vui, vì thấy con cháu sum vầy đông đủ. Mẹ của Út vui, vì thấy được cầu thọ cho mẹ, kể như báo hiếu được một phần nào. Các anh em, chị em của Út vui mừng, vì nhà có lễ, tha hồ mà bạn bè mà khách khứa.

Riêng cụ Hương lão sung sướng nhìn tác phẩm của mình, đôi đèn sáp vĩ đại, trục kính chân đèn có gần một tấc. Đôi đèn đứng sừng sững như hai cột trụ bằng cẩm thạch trắng.

Đâu có phải cụ Hương chỉ sung sướng vì được nhìn đôi bạch lập do tay mình làm nên mà thôi. Điều cho cụ sướng khoái hơn hết là, nhân việc nắn đúc công trình bằng sáp ong, mà cụ đã nắn đúc, thêm trong đó, được một công trình chữ nghĩa.

Hai câu đối, sơn son thếp vàng, đúc chữ cũng bằng sáp, nổi bật trên thân đèn. Một mặt :

*Nghiễm nhĩ lập thân chánh trực
Đoan nhiên mãn phúc kinh luân*

Và một mặt :

*Bát thập huyền vinh Nam cực vụ
Tam thiên đào thực Bắc đường xuân*

Thỉnh thoảng cụ ngâm to lên, rồi cụ mỉm cười, gật gù thưởng thức. Ba tiếng « Bắc đường xuân » rung dài, âm hưởng ngân vang, trong ánh nến hương trầm, dầu ai không hiểu nghĩa lý văn chương, cũng cứ thấy có cái gì thanh cao kỳ diệu.

Ngọn lửa bạch lập sáng trong như ánh lưu ly, nở to như hai búp hoa sen trên chót cột.

Lên xong được đôi đèn trời, tim cháy rít đều, cụ Hương mới thấy nhẹ nhàng công việc hương đăng.



Sáng ngày rằm, sau tuần trà sớm, cụ sai bề những quả dưa hấu mà cụ đã cắt công đi chọn, hồi phiên chợ đêm hôm hai mươi chín Tết.

Đã không biết từ bao lâu, từ thuở các ông già bà cả, thuật chuyện lại cho con cháu nghe, cũng đều nhận có một điều kỳ quái :

Ở chỗ tây giao của thành Hà-tiên, có một giải núi tên là núi Giếng Tương. Có một chòm sao, giữa giải núi, không cây mọc. Chòm núi trọc như là cái đầu sói của ông Thọ trong bức tranh tam đa. Về mùa mưa, cỏ tranh non phủ trùm đỉnh núi, như tuyết phủ trên núi Phú sĩ, cũng có một nét đẹp ưa nhìn. Về tháng chạp này thì người ta quên nhìn nó. Một là bận ăn Tết, một là cỏ tranh đã khô tự bao giờ, còn xanh xanh đâu nữa mà nhìn. Nhưng đến chiều tối hôm hai mươi chín Tết, thì mỗi người ai cũng phải nhìn xa xa lên ngọn núi.

Ôi là lạ thường ! Lửa đã bốc trên đầu núi. Vùng cỏ tranh khô bên lửa cháy lan tràn. Lửa phủ đỏ rực cũng như trước kia, cỏ non đã phủ xanh, khắp chòm núi trọc.

Chòm núi cháy, khói lửa bốc cao giữa trời đêm, khiến cho nhớ chuyện các triều thiên tử phong kiến, đốt phong hỏa dài để cầu viện chư hầu, mỗi khi quốc biến.

Lửa cháy từ chiều tối, độ đến chợ đêm tan thì lửa cũng tàn theo. Là một ngọn lửa thề bồi truyền kiếp nào chẳng mà chưa tìm ra nguyên cớ bí mật.

Lửa cháy núi Giếng Tương đã thành lệ. Người ta không kinh dị nữa, mỗi năm đều mỗi cháy như vậy, mà cũng chẳng thấy tai vạ gì. Người ta cũng lại quen đi. Làm như ngọn lửa đó là ngọn lửa thiêng liêng phải có đề báo hiệu đánh dấu cho chỗ thời gian hết năm cũ sang năm mới.

Trên đỉnh núi, lửa vẫn cháy đều.

Dưới này, người ta vẫn đều đều họp chợ.



Út cũng được theo đi chợ đêm, đi khánh thành đôi guốc gù ngà mới được bà chị họ ở Sài Gòn gởi về cho, vừa đúng vào ngày chợ đêm đó.

Trẻ con ở đây, quanh năm, không có dịp được mặc áo mới. Cho nên hai mươi chín Tết, đã rộn ràng nô nức diện áo mới « đi chợ đêm ».

Trọn năm chỉ có mỗi một buổi chợ đặc biệt họp ban đêm. Cả hoa tươi quả tốt, bánh kẹo mứt ngon, ai cũng dành để bán vào phiên chợ cuối năm.

Đêm áp tết, trời tối như mực. Cảnh chợ họp giữa trời, những ngọn lửa đèn chai cháy bập bùng, ánh đuốc linh lung trong làn khói đặc, như những cuộc đốt đình liệu.

Những đồng dưa hấu chất cao như núi, đèn ngòm trong tối, và những khóm hoa vạn thọ vàng ánh như những chòm sao.

Bóng người đi lại thấp thoáng như cảnh thậu lâu hải thị, mua bán âm thầm như cảnh chợ âm phủ mà Út đã được nghe kể trong những chuyện thần tiên.

Dưới ánh lửa bập bùng tuôn khói đặc của ngọn đuốc, kê trên nạng cháng hai, cụ Hương nâng từng quả dưa hấu, chọn quả nào thực to và tròn, da nó tuyền một màu xanh đậm.

Những quả dưa đó đã được cắt kỹ dưới găm bàn. Trong mấy hôm Tết, vẫn không được bỏ ra đâu.

Bữa rằm tháng giêng này, cụ mới cho khuôn ra.

Trước nhất, cụ bảo cắt mặt dưa, dù đỏ hay không đỏ cũng cứ để nguyên quả dưa mà bóc hết sạch ruột đi. Quả dưa đã

biến thành cái đáy bụng chiếc hồ lô. Rồi cạy dùng mũi dao sắc nhọn tỉa gọt, chạm sâu những nét lan, nét trúc, cánh bướm, bài thơ, trên mặt vỏ dừa. Bỏ vào bồn nước, ngâm giữ cho vỏ dừa đừng héo.

Trăng giải khắp. Trong Vườn Muôn Hương, dưới cành, trong lá, loáng thoáng những quả lồng đèn dừa. Nét vẽ bằng ánh nến thấp trong lòng dừa, nổi bật trên nền vỏ xanh, lọc ánh sáng thành một màu xanh ngọc bích.

Chiếc đèn to, tròn kiểu nhất thi nhất họa của cụ Hương, treo giữa hiên. Những chiếc khác của các anh các chị cũng chạm khắc phẳng phất một lối đó, nhưng không ai kể được đủ cả một bài thơ, bằng lối hành khái thư, như chiếc đèn chính. Chỉ tỉa một đôi câu :

Nguyên tiêu thiên bất dạ

Đối cảnh phú tràng an

Hoặc chỉ có ba chữ *Bất dạ thiên* hay bốn chữ *Nhất khắc thiên kim*, theo lối lệ triện.

Riêng có chiếc đèn của nàng Út thì cụ Hương cũng vạch phá cho mấy nét hai chữ *Úc viên*, rồi để cho Út tự gọt lấy. Ngoài nét chữ ra, Út còn móc thêm những điểm sao rơi, và những liềm trăng non. Chiếc « *Úc viên đăng* » được treo trên cành mai, giơ trước cổng, có dán đôi câu đối viết trên giấy hồng đơn :

Thế thượng mai hoa vô song phạm

Nguyệt trung đan quế đệ nhất chi

Cây mai trước cổng hãy còn đầy hoa và nụ. Khác với mọi năm, cụ Hương không lật lá để giục cho hoa nở thịnh, nở dồn vào ba ngày Tết, mà cụ cứ để

tự nhiên cho hoa đến kỳ hoa nở, lác đác liên tiếp trổ một mùa xuân. Không chiều nào là không có những cánh hoa rơi điểm điểm, không sáng nào là không có mấy mươi nụ hàm tiếu, và không trưa nào là không có những đóa mãn khai.

Cánh bướm chấp chới, tiếng ong vo ve, tiếng chim riu rít ; tiệc hoa náo nức tung bừng.



Đôi bạch lạp cháy đượm, từ giờ tí đêm mười bốn cho đến giờ thân hôm rằm, đã mòn hơn phân nửa. Những giọt lệ sáp nhỏ khô, đóng thành khối, tượng thành những hình non bộ, đôi núi chập chùng, hang hóc ngổ nghinh.

Vườn nhà ai, trong xóm Rầy, cũng có trồng hoa Vạn thọ, nhưng đều đã nhỏ bán hôm chợ đêm hai mươi chín hết rồi. Chỉ vườn nàng Út là còn giữ cả một luống hoa tươi nguyên vẹn, để dành lại làm lộc đầu xuân.

Có gì đâu, ai ai cũng cuốc giống và gieo hoa vào hôm rằm tháng mười. Cứ bảy mươi lăm ngày là hoa đã mãn khai, và hoa nên nhỏ hết cả đi. Nếu còn để lựa lại, thời kỳ hoa tàn tạ, là thời kỳ nhìn hoa không đẹp mắt. Duy có ở Vườn Muôn Hương này, cụ Hương lại chia làm hai kỳ tỉa giống.

Lúa đầu cũng đúng kỳ hoa Tết. Lúa sau, thì tỉa trước Tết độ sáu mươi ngày thôi.

Vì thế, mà các cô ai cũng thích đến đây bẻ lộc. Cả một luống hoa tươi vừa lúa, cành nào cũng có vài cái hoa nở, hoa hàm tiếu, hoa nụ và lá non.

Có một dạo cuối năm, cụ Hương vì bận nhiều việc, nên quên nhắc tía một lứa hoa thứ hai đó. Đêm rằm tháng giêng, cụ lấy làm ái ngại mà thấy cành lộc trên tay mọi người, không tươi đẹp như ý muốn.

Do ý thích được thấy ai ai cũng thỏa mãn đón tiếp một tượng trưng may mắn cho đầu năm. Từ đó, cụ Hương không chènch mảng việc trồng hoa cho người hái lộc nữa.

Một tục lệ vui vẻ của thời thanh bình nào rớt lại, chỉ Vườn Muôn Hương, nhờ có ông già xưa, mà còn giữ được trọn ý nghĩa của nó.

Trăng vườn bao la, trong hoa trong lá, thấp thoáng dáng yêu kiều đi lại của bóng giai nhân, hoa cài mái tóc, tay hái cành xuân. Hoa nở đầy tròn thì kính dâng người lớn tuổi. Những hoa hàm tiếu thì cùng nhau trang lứa đôi trao. Những nụ non

còn phong nhị thì để làm duyên cho em út.

Cứ tự do mà hái, không phải hỏi xin ; cứ tự nhiên mà cầm, không phải cảm ơn chủ vườn nữa. Thế là người trồng hoa và người bẻ lộc, đều được vui cái vui của ý xuân hồn nhiên tế nhị.

Có bạn, Vườn không đủ hoa cho khách hái, người ta lại cũng tự nhiên

mà bứt cả một bờ cúc đông ly của cụ. Cụ Hương chẳng những không giận, mà còn vuốt chòm râu bạc cười hả hả, khi đứng nhìn vòng cúc cành lá xác xơ.

*Trần thế hân phùng khai khẩu tiểu
Cúc hoa tu tháp mãn đầu qui
Nhoãn miệng nụ đời cười được mấy
Cài đầu hoa cúc trầy về chơi.*

Cứ mà bứt hoa, cứ mà cài tóc đi cho đẹp, nào ai nỡ hẹp gì một chậu hoàng hoa mà không để cho người đời hưởng thêm chút lượng xuân trời.



« Đêm xuân một khắc ngàn vàng khó mua » cồ nhân đã từng đem ngàn vàng sánh với một khắc của đêm xuân.

Nhưng mà, liệu có phải khắc xuân nào cũng là khắc xuân đáng giá.

Trong chín chục đêm xuân, được có ba đêm trăng tròn,

mà có phải đêm trăng tròn nào cũng được xưng là đêm « Bắt dạ » đâu.

Cái đêm Bắt dạ đó đã từng là đêm « Kim ngô bất cầm » của thời Đường, thời Tống, xa lắc xa lơ nào, là đêm hội hoa đăng náo nhiệt tung bừng của những Trạng an, những Lạc dương xưa cũ. Cồ nhân đã tiếc xuân mà dốt



được chơi đêm, có lẽ cũng chơi vào đêm nguyên tiêu đó.

Tết nguyên đán đã tung bừng trong hoa thơm hương ngát, đã rộn rã trong tiếng pháo hồng, đã ngọc vàng gấm vóc trong những xuân nữ nồn nường. Nhưng mà tết vẫn là tết trong những đêm mực xạ của ngày hội sóc.

Cũng bằng ấy cái xuân tâm, xuân sự, cũng bằng ấy cái phong vị Tết còn lắng đọng lại lòng người, hôm nay, nhân tuần trăng đầu, rủ nhau làm sống lại ý xuân, tìm cách kéo dài thêm từ lá tinh hoa hương vị tết tưởng đã thoảng qua mau, cho càng thêm thấm đượm.



MỘNG-TUYẾT, Thát tiêu muội
(Văn cảo Dưới Mái Trắng Non)

PHỤ NGÔN CỦA ÚC VIÊN THI THOẠI

Bách-Khoa kỳ số thứ 49 (kỷ niệm đệ nhị chu niên), ở mục *Úc viên thi thoại*, về *Những cảnh thiếp Tết*, có câu hẹn rằng :

« Cảnh thiếp Tết thứ mười, xin hẹn đến cùng một lượt với tiếng pháo giao thừa, thi nhân sẽ khai bút cho nàng Thơ năm sớm ».

Nhưng mà, từ giao thừa cho đến khai hạ, báo quán, ấn quán, bưu quán đều bận việc ở nơi « phương thảo địa » không thể vì nàng Thơ đem khắp mọi nhà, văn thơ khai bút.

Vậy bạn đọc Úc viên, có hảo ý muốn nhìn thấy và muốn cầm tay cảnh thiếp thứ mười hẹn đó, thì xin vui lòng qua chơi *Yiêm Yiêm Thư Trang*, ở số 113-115 Đại-lộ Nguyễn-thái-Học, Thủ-đô, thì nhân sẽ trình tặng bạn cảnh thiếp của năm Kỷ hợi, kỷ niệm tuổi xuân lên mười của nàng Thơ diễm diễm.

ĐÔNG-HỒ
cần thưa

- ★ Có nghị lực thì mới chống lại được những thú tính trong mình và gìn giữ được tự do, lý tưởng.
- ★ Đối với quốc sự, phải cố công cùng sức, lo toan cho đến khi chết mới nghỉ (Gia cát Khổng-Minh).
- ★ Ở đời bất luận làm việc gì, cũng cần phải làm một cách thật cương quyết. (Lyautey)
- ★ Trên gương mặt của người biết tự kiềm chế thường nổi bật lên những nét cương nghị khiến cho người xung quanh thâm cảm thấy họ có thể đặt tin tưởng và kỳ vọng vào người ấy được. Người biết tự kiềm chế tự nhiên tạo ra uy tín cho mình.
(L. Toutlemonde)

« TÔI ĐÓNG PHIM BÊN ANH »

HAY LÀ

« mang danh kịch sĩ một thời »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

— Allo ! K. đó hả ? Sáng nay có rảnh đến văn phòng của bà Betty có mấy người quay phim Anh sang tìm độ 6, 7 người « phi-guy-răng » (1). May ra được chọn mình sang Anh chơi mấy hôm cho vui.

Anh bạn, họa sĩ Mai vừa có một « tuy-ô » (2) vội gọi điện thoại mách tôi hay. Ai ngờ đâu, từ hôm đó tôi bắt đầu sống cuộc đời của một kịch sĩ màn bạc quốc tế.

Văn phòng bà Betty tuy không to lớn nhưng ở ngay đại lộ Champs-Élysées (Săng-ê-li-zê) gần hai hiệu cà phê Le

Marignan (Lơ Ma-ri-nhăng) và Le Colisée (Lơ Cô-li-zê) là nơi gặp gỡ của giới điện ảnh Ba-lê. Ngoài bàn viết cho bà và cô thư ký, vài cái ghế cho khách đến ngồi, trong phòng chỉ có một cái tủ đựng hồ sơ của các đạo kép hát bóng. Và trên tường bức ảnh phóng đại của Marlène Dietrich (Mạc-lên Đì-tờ-rích) đề tặng bà Betty chen lẫn với bao nhiêu ảnh nhỏ to của nhiều tài tử chớp bóng khác : có ảnh những ngôi sao danh tiếng có ảnh những « mầm non chớm nở ». Tất cả đều có một câu đề tặng bà Betty người đã giúp cho họ bước vào giới điện ảnh.

Bà Betty là người Do-thái Đức, năm nay tuổi đã hơn 60.

Người đầy đà nặng nhọc, hai mắt nặng mí chớp luôn sau đôi kính trắng, cái cằm đôi đầy mỡ làm cho câu nói, tiếng cười của bà có vẻ mệt nhọc. Bà quen thân với

(1) Tiếng Pháp ngày xưa gọi là « figurant » nay gọi là acteur de complément. Những người này chỉ đóng vai không quan hệ như « người đi xem hát », người đi đường v.v... có cử ông mà không nói năng chỉ cả.

(2) Tiếng Pháp là « tuyau », tiếng lóng dùng để chỉ những dịp may có thể đem đến một việc làm hay một mối lợi mà ít người biết.

nhiều nhà sản xuất, đạo diễn, và kịch sĩ. Thuở xuân thời bà giao thiệp rộng. Nhà bà là nơi gặp gỡ của văn nhân nghệ sĩ. Bà thường khoe rằng chính bà đã đưa Marlène Dietrich (Mạc-lên Đê-tơ-rích) lên địa vị ngôi sao chớp bóng. Bà nói tiếng Đức tiếng Pháp và một ít tiếng Anh. Nhưng cô thư ký của bà, người mảnh mai, nói thạo 4 thứ tiếng Pháp Anh, Đức, Ý. Bà chỉ nói chuyện với mấy nhà sản xuất, đạo diễn, hoặc tiếp khách còn tất cả hồ sơ về kịch sĩ do cô thư ký sắp soạn cả. Trong mỗi hồ sơ có tên, họ, địa chỉ, số điện thoại của kịch sĩ màu tóc, màu mắt, bề cao, bề vòng ngực, và ảnh. Hồ sơ sắp theo loại. Vai lão vai hề, vai đào kép chánh, đào kép phụ. Khi một đạo diễn cần một vai gì, hỏi bà có ai đề giới thiệu chăng thì bà gọi điện thoại cho các kịch sĩ hạp với vai ấy, sắp đặt cho đạo diễn và kịch sĩ gặp nhau tại buồng giấy của bà rồi nếu đạo diễn ưng thuận, nhà sản xuất sẽ ký giao kèo với kịch sĩ trước mặt bà. Đứng trung gian như thế bà được một số tiền huê hồng bằng 10 hay 15 phần trăm của lương kịch sĩ.

Anh Mai biết bà trong buổi trình bày phim « Vì đâu nên nỗi » lần đầu tiên tại Ba-lê. Bà khen anh ấy đóng hay nên nay có người muốn tìm mấy vai sĩ quan Nhật — mà anh bạn Mai tưởng lầm là « Phi-guy-răng » — bà liền gọi anh nhờ anh giới thiệu với bà một ít kịch sĩ người Việt để bà tiến dần với đạo diễn. Theo lẽ bà tìm kịch sĩ Nhật, nhưng trước kia vì bà là Do-thái, nên dưới thời Quốc-xã Đức bà bị nhà đương cuộc bắt vào trại giam. Nhật thuở ấy là đồng-minh với Đức nên bà giận Đức

giận lây cả Nhật, không thêm tiến dần kịch sĩ Nhật.

— Xin giới thiệu bà anh Ca bạn tôi, anh Mai nói.

— Hân hạnh, mời ông ngồi. Tôi được thấy tài ông Mai trong một phim Việt-Nam. Nay có một đạo diễn người Anh cần dùng mấy vai sĩ quan Nhật trong một phim mà họ sẽ quay tại Málai, Úc-châu và Luân-đôn.

Không dẫu gì ông, tôi vì những lẽ riêng rất thích người Việt nên tôi sẽ tiếng dần ông. Nhưng khi gặp nhà sản xuất và đạo diễn ông cứ nói ông là người Nhật nhé.

Tôi chưa biết trả lời ra sao thì bà hỏi tiếp

— Ông nói được tiếng Nhật chứ ?

— Thưa bà, chỉ một ít thôi.

— Còn tiếng Anh ?

— Thưa bà, tiếng Anh tôi nói thạo hơn nhiều.

— Thế là tốt lắm. Ông chỉ trả lời họ về thân thể hay khả năng của ông thôi nhé. Còn về việc tiền nong, lương bổng để tôi liệu.

Sau khi ghi tên họ, địa chỉ xong chúng tôi ra buồng ngoài ngồi đợi vì 11 giờ hơn người đạo diễn mới đến.

— Anh biết ông Inkiřinoff) Inh-ki-jĩ-nô-phi) không ? Anh Mai hỏi nhỏ tôi.

— Tôi nhớ hình như ông ta có đóng trong phim « Bão tố bên Á - châu » « Tempête en Asie ».

— Phải đấy. Ông ta cũng quen với bà Betty. Hôm nay, ông ta cũng đến, chắc là vai chính sẽ về ông vì ông ta là

người Nga sinh đẻ tại Sibéri (Xi-bê-ri) mà mặt mũi lại giống người Mông-cô. Ông ta chuyên môn đóng các vai Á-châu hơn 25 năm nay.

Nhìn chúng tôi nói chuyện thì thảo, ông Inkiijinoff mỉm cười và hỏi « các ông chắc là người Nhật ? »

— Thưa không, chúng tôi là người Việt. Thưa ông, có phải ông là Inkiijinoff chăng ?

— Phải, tuy ở bên Pháp nhưng tôi thường đóng phim bên Đức hơn.

Cô thư ký mở cửa.

— Mời ông Inkiijinoff vào.

Tôi thấy không có bao nhiêu hy vọng. Vì ngay lúc ông Inkiijinoff vào buồng giấy của bà Betty, thì có mấy người Nhật bước vào. Rồi đến lượt nhiều anh Việt-Nam đã từng đóng vai phụ trong kịch « Tiểu trà lâu » (La petite maison de thé). Chẳng biết họ cần bao nhiêu kịch sĩ mà họ định gặp nhiều người thế này. Thế nào họ cũng hỏi qua « thành tích » của mình về ngành kịch trường và điện ảnh. Mình sẽ trả lời ra sao ?

— Đi vào mà chơi chớ chắc gì mình được một vai tôi nói với anh Mai.

Đang băn khoăn, suy nghĩ, lo âu, thì ông Inkiijinoff bước ra, cô thư ký gọi : « Ông Ca »,

Vừa bước vào bà Betty giới thiệu ngay :

« Ông Joseph nhà sản xuất, ông Lee đạo diễn, và ông Ca kịch sĩ Nhật », Tôi thấy khó chịu như người sắp tiêu bạc giả.

Họ nhìn tôi từ đầu đến chân xong đưa tay bắt :

— Hân hạnh. Ông sinh đẻ tại miền nào bên nước Nhật ? Ngượng quá, tôi không thể nhận mình là người Nhật, tôi chưa kịp nói thì bà Betty tiếp lời.

— Ông Ca có nói với tôi rằng ông sinh tại nước Việt-Nam nhưng ông bà của ông là người Nhật.

Không biết trong tổ tiên tôi có ai là người Trung-hoa, hay người Nhật chăng, tôi không thốt nửa lời. Bà Betty nhìn tôi, nháy mắt ra hiệu có ý bảo tôi cứ nhận là thế đi. Cũng may, họ không hỏi thêm về thân thế tôi.

— Ông biết nói tiếng Nhật chớ ?

— Thưa tôi chỉ biết một ít thôi.

— Nhưng tiếng Anh thì ông nói rành lắm.

— Cám ơn ông.

— Ông nói một câu tiếng Nhật tôi nghe thử.

— Konnichiwa ! Okaga desuka (chào ông ! Ông mạnh giỏi không)

Cũng may là nhà đạo diễn cũng biết mấy câu thường thức như tôi nên ông ta nhìn nhà sản xuất và gật đầu. Ông quay lại tôi.

— Ông có biết chỉ huy bằng tiếng Nhật theo lối nhà binh chăng ?

— Thưa tôi không có trong quân đội Nhật, nhưng nếu học thì tôi có thể làm được.

— Ông thử ra lệnh bảo binh sĩ đứng yên cho tôi nghe.

Tôi còn nhớ ngày xưa khi quân đội Nhật chiếm đóng Việt-Nam. tôi nghe họ hô to : kiô-sukê. Tôi đứng dậy nhìn thẳng vào nhà đạo diễn và hô to :

« Kiô ô... kê... ». Mọi người đều giựt mình và bật cười.

— Ông đã đóng phim nào chưa ?

— Tôi chỉ đóng vài phim nhỏ về quảng cáo. Nhưng tôi đã thay tiếng cho gần một chục phim.

— Tôi muốn thấy ông đóng trong một phim, dầu là phim quảng cáo. Chẳng biết có cách nào cho tôi xem chẳng ?

Bà Betty nói sẽ mượn phim của hãng S.R. cho ông Lee xem.

Tôi vừa sửa soạn đi ra thì ông đạo diễn Lee nói :

« Ông chịu khó đợi tôi đến 12 giờ rưỡi. Tôi muốn gặp ông một lần nữa. Chào ông. »

Đi ra ngoài, gặp anh Vũ, một kịch sĩ đã đóng vai chính trong vài phim Việt, do tôi gọi điện thoại mời đến. Anh sắp vào gặp ông Lee. Tôi chúc anh được may mắn, (1) rồi đi một vòng. Anh Mai nhờ bà Betty giới thiệu đặc biệt nên cũng được mời trở lại.

— Anh có hi vọng hơn tôi nhờ anh biết nói tiếng Anh và tiếng Nhật ; Anh Mai nói. Từ lâu, tôi định học tiếng Anh luôn, mà lười quá. Phèn này nếu được lựa chắc phải học nói cho thạo.

12 giờ rưỡi, lúc trở lại, gặp anh Vũ vừa ra buồng giấy. Anh ấy được lựa đóng một vai đại úy Nhật, một vai phụ chỉ quay trong ba hôm là xong. Mừng anh ấy đã chắc được đóng phim, tôi phân vân chưa biết mình sẽ ra sao. Ông Inkiřinoff vừa ra chào chúng tôi : « Xin

chào hai ông. Chúc hai ông được việc. Riêng tôi, tôi đã từ chối vì tiền lương quá ít. »

Cửa buồng giấy mở ra. Anh Mai và tôi đi vào. Trong lúc đó nhà sản xuất và ông đạo diễn đang bàn tán.

— Ông liệu vai hạ sĩ quan có được chẳng ? ông B hỏi.

— Có thể. Nhưng tôi nghĩ đến vai đại úy chỉ huy trại giam hơn.

Trong bụng tôi phập phồng.

— Ông có thể ngày mốt (ngày kia) sang Anh đề quay thử một đoạn (2) cho chúng tôi xem trước khi chúng tôi quyết định chẳng ?

— Thừa được. Nhưng tôi sợ vẫn dễ phê nhận giấy thông hành rắc rối.

— Không sao ? Tôi sẽ viết thư lại giới thiệu ông cho lãnh sự Anh và chịu tiền đánh điện tín về bộ Nội-vụ Anh đề xin phép gấp cho ông được sang Anh. Tiền lộ phí chúng tôi chịu. Sáng ngày kia ông đến Luân-đôn vào buổi sáng. Chiều lại ông có thể trở về Ba-lê. Nên nhắc ông là quay thử một đoạn. Bao giờ, chúng tôi quyết định sẽ gửi thư cho ông biết sau.

Họ định chỉ lựa một mình tôi sang quay thử. Nhưng bà Betty không ngớt khen anh Mai : « Thật uổng. Tiếc là ông ấy không nói được tiếng Nhật và tiếng Anh. Chớ ông ấy đóng tuồng xuất sắc. Xuất sắc. Nghe bà Betty trầm trồ mãi, ông Lee hỏi nhà sản xuất phim : « Hay là cứ mời ông Mai đi một chuyến với ông Ca sang Anh quay thử một đoạn ? »

(1) Người Pháp tin dị đoan không bao giờ nói Bonne chance mà 13 fois M... (mot de Cambronne) để chúc nhau may mắn trong khi tìm việc.

(2) Tiếng Pháp là bout d'essai tiếng Anh là test film.

— Cũng được.

Thế là sau một ngày chạy lo phê nhân giấy thông hành, anh Mai và tôi sáng ngày ấy đáp phi cơ sang Luân-đôn.

Chúng tôi vừa bước vào phi trường Luân-đôn thì nghe máy phóng thanh gọi :

« Xin mời hai kịch sĩ Nhật từ Ba-lê sang Luân-đôn đến phòng thông tin. Có xe của hãng phim A. Rank đến đón.

Xin mời hai kịch sĩ Nhật từ Ba-lê... »

Buồn cười chưa ? Bỗng nhiên mà anh Mai và tôi liền thành kịch sĩ Nhật. Đến phòng thông tin, chúng tôi gặp một anh tài xế người Anh, đội kết lễ phép chào chúng tôi và hỏi :

— « Hai ông Ca và Mai thì phải ».

— Phải.

— Xin mời hai ngài theo tôi ra đường này.

Không phải đi xe ca như những hành khách khác đề vào châu thành Luân-đôn, chúng tôi được xe riêng của hãng A. Rank đưa thẳng từ phi trường đến phim trường Pinewood Studios (Pai-nơ-u-dờ Xờ-tiu-đi-ô). (Phim trường rừng thông). Vừa lên xe, anh tài xế đưa cho anh Mai và tôi mỗi người một xấp giấy. « Ông Lee gửi lời chào hai ông và xin hai ông học thuộc vai của mình đề đến nơi là bắt đầu quay thử ngay.

Đường đi từ phi trường Luân-đôn đến phim trường có nhiều nơi ngoạn mục. Mà hôm đó chúng tôi không để ý đến hơn mấy tờ giấy đánh máy trong đó ngoài những câu đối thoại còn có những đoạn nói qua bộ điệu của người đóng tuồng. Tôi phải học 2 vai : Vai một hạ sĩ quan

Nhật thuộc về cảnh binh đội đi điều tra coi ai ăn cắp gà của Đại úy Sugaya và vai một Đại úy bảo tù binh phải chịu đi bộ hằng mấy trăm cây số vì chẳng có xe tàu chi cả. Các câu đối thoại không có gì là khó. Nhưng cách làm việc và ý thích của đạo diễn Anh thế nào, mình làm sao biết được. Anh Mai và tôi nhìn nhau cười mà lòng ai cũng bồn khoăn.

50 phút sau, xe đến trước một cái công to. Ngoài ngõ có tấm biển lớn : Pinewood Studios người gác cổng ra hỏi giấy. Anh tài xế trả lời :

« Hai kịch sĩ Nhật ở Balê đến quay thử phim « A town like Alice » (một châu thành như tỉnh Alice) (1). Đạo diễn Lee sân khấu E (2). »

Đủ giấy tờ, đủ bằng chứng.

Cánh cổng mở nhẹ. Xe chạy vào phim trường chúng tôi đã viếng một vài phim trường to bên Pháp. Trong vùng Boulogne Billancourt (Bu-lô-nhơ Bi-ăn-cua). Nhưng phim trường Pinewood to rộng ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi. Nhiều ngôi nhà chỉ chít dưới rừng thông xanh. Đường sá rộng rãi. Tôi có cảm giác đi vào một châu thành nhỏ.

Xe đậu trước một tòa nhà to. Một người Anh cao lớn mang kính trắng đến chào chúng tôi.

« Tôi xin tự giới thiệu. D.N. phụ tá của đạo diễn Lee. Ông Lee đang bận

(1) Alice không phải là tên của một thiếu nữ mà là tên của một tỉnh nhỏ bên Úc - châu Alice Springo.

(2) Chúng tôi tạm dịch là sân khấu chữ Stage của người Anh. Người Pháp gọi là Plateau. Chúng tôi chưa biết giới điện ảnh Việt-Nam gọi là gì.

trên sân khấu E, bảo tôi đến đây tiếp hai ông và đưa hai ông đến phòng số 101 để hai ông rửa mặt, thay quần áo rồi bao giờ đến phiên chúng tôi sẽ gọi điện thoại cho hai ông.»

Trước khi đến phòng số 101, ông D.N. dẫn chúng tôi đến nhà y phục để lựa bộ nào vừa chúng tôi. Một tòa nhà hai tầng độ một trăm thước bề dài, hai mươi thước bề ngang, trong đó có đủ thứ y phục, nhung phục! Nhung phục sĩ quan bộ binh, thủy quân, nước Anh, nước Pháp, nước Đức đời xưa và đời nay nhung phục đại sứ, đại thần, áo quần, mũ, giày đủ cỡ! Ông D.N. tìm cho chúng tôi hai bộ nhung phục sĩ quan Nhật và hai đôi giày.

— Đây chỉ là nhung phục dùng tạm để quay thử. Bao giờ ông được chọn đóng phim thì chúng tôi sẽ cho thợ may đặc biệt cho ông. Giày cũng thế. Hiện giờ chúng tôi chưa có loại ủng của sĩ quan Nhật. Ông đi tạm đôi giày bột-tin này.

Lựa quần áo giày vớ xong xuôi, ông D.N. đưa chúng tôi đến phòng số 84.

— « Xin lỗi hai ông chịu phiền ở chung phòng này. Theo lẽ chúng tôi phải để 2 phòng riêng nhưng hôm nay có rất nhiều kịch sĩ đến quay thử.

— Không sao, xin ông đừng lo.

— Hai ông thay đồ xong nằm nghỉ đây. Bao giờ đến phiên chúng tôi gọi điện thoại hoặc đến mời hai ông. Chào hai ông.

Bước vào phòng; chúng tôi không khỏi trầm trồ. Anh Mai có đi theo nhà đạo diễn Joannon và có dịp biết phòng tài tử màn bạc Pháp thay đồ thế nào: « Nếu họ cho mình phòng thế này chắc là vai trong phim cũng khá lắm » Anh Mai nói.

Phòng rộng lớn có 2 cửa sổ, 2 ghế bành, 1 cái divan và một buồng tắm, trong ấy có tắm kiếng 3 mặt. Trên bàn viết gần cửa sổ có điện thoại. Thay đồ xong chúng tôi ngồi học lại vai tuồng của mình và đợi điện thoại reo.

(còn tiếp)

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

★ Hành động là gì nếu không phải là đem cả thân mình, đời mình ném vào một mục đích mình đã trông thấy rõ ràng và kiên quyết thực hiện cho kỳ được.

★ Dù lý tưởng ta chọn lựa có cao cả đến đâu, nhiều khi trên đường theo đuổi, ta cũng cảm thấy ê chề mệt mỏi và có khi cay đắng, nhất là khi ta làm một công việc khô khan, vô vị mà người ta thường gọi là công việc bạc bẽo. Những khi đó, ta nên nhớ rằng không một nỗ lực nào có thể mất được, không một thất bại nào có thể coi là tuyệt vọng được.

Góp ý kiến với Ông Nguyễn-hiến-Lê về vấn đề :

Dịch kinh sách

UNG-TRÌNH

ĐỌ C Bách-Khoa số 43, ngày 15 tháng 10 năm 1958, trong bài « Báo trước một tin mừng », ông Nguyễn-hiến-Lê viết : « Chúng tôi muốn đọc những sách căn bản của đạo Khổng, tức là Tứ - thư, Ngũ - kinh... Bây giờ, sau khi thấy những hoạt động của Hội Khổng-học Việt-Nam, chúng tôi mừng lắm. Không lẽ nào Hội xúc tiến công việc xây dựng một tòa Khổng miếu, mà lại không dịch những tác phẩm của Khổng-tử, đó « mới là một nhiệm vụ cấp bách của nhà Nho... »

Chỉ bấy nhiêu lời, đủ làm cho người nghe cảm động ! Trong lúc thiên hạ đương lo về đời sống độc lập, đời sống tự do, đời sống theo cơ giới tối tân, thế mà có người lo cho đạo Khổng sẽ bị tiêu trầm, nếu nhà Nho không dịch ngay bây giờ những di thư bằng chữ Hán.

Tuy lo cho cả hiện tại, cả tương lai, song ông Nguyễn-hiến-Lê cho việc

dịch sách cấp bách hơn việc xây dựng miếu thờ ; tôi cũng biểu đồng tình, vậy thì chúng ta là bạn đồng chí. Trước khi có dịp bàn cùng nhau, đề giải quyết hai vấn đề quan trọng ấy, tôi sức nhớ trong bản tề sử của Tôn-Văn, có một việc mà không ai dám nói bao giờ, hể nói ra là náo động cả phương Đông, là bộ Quốc-dân Giáo-dục y lời đề nghị của Viện Đại-học, nói về Khổng miếu.

Chúng ta đều biết : những người đề nghị, toàn là những bậc thâm Nho, thế mà trình lên bộ Giáo-dục rằng : « Tại Trung - quốc, cũng như tại các nước đồng văn, hơn hai ngàn năm nay, xuân thu có làm lễ tế Đình nơi Văn miếu. Nhạc khí thì có chuông, có trống ; lễ nghi thì có biên đậu, có sinh tư. Long trọng biết chừng nào ; thế mà các vua còn làm cho long trọng hơn, tự đặt quan thay cho mình đến làm lễ nữa.

« Sở dĩ các vua tôn sùng như thế, là vì muốn lợi dụng oai tín của Khổng-

Tử, tự coi Không-Tử là vị đại biểu của phái tôn quân, thờ cho hết sức trang nghiêm, đề lao lung bận sĩ phu, bắt phải phục tùng chính thể phong kiến : truyền kể theo huyết thống, lấy nước làm nhà. Vì vậy mới vu cho Không-Tử là một vị thần, tế tự theo nghi thức của các nhà tôn giáo.

« Theo chúng tôi nhận xét, thì Không-Tử, là thánh, không phải là thần. Hơn nữa, Không-Tử sùng bái Thang Võ, là hai nhà đại cách mạng, đã đuổi vua, đã giết vua ; Không-Tử cũng đã có nói : « quân quân, thần thần ! » Vậy càng đủ rõ : Không-Tử không bao giờ tôn quân một cách mù quáng.

« Không-Tử người nước Lỗ, vì không chịu a tòng Lỗ Định-Công, cho nên đi ra các nước ngoài, mong được gặp một vị vua nào, biết làm theo thiên chức, biết lấy dân làm gốc, biết dùng mình vào việc nước, để tự mình có thể phục vụ cho nhân quần. Những điều này lịch sử đã chứng minh, tôi không phải nói thêm gì nữa.

« Nếu quốc dân tự giác, thấy chỗ đời Phong kiến sai lầm, thì từ nay về sau, không nên thờ Không-Tử như một vị thần, mà phải thờ Ngài là vị Chí thánh, vị Tiên sư ; chúng tôi xin đề nghị rằng : bỏ lễ tế Đình, bỏ luôn văn miếu... »

Mới nghe lời đề nghị, chúng ta có thể hiểu lầm : cho Viện Đại học xu thời, nếu quốc dân cứ bảo tồn cồ lễ càng hay, dầu thờ Không-Tử là thần, cũng không hại gì về tư tưởng. Song trước ngày Trung-hoa dân quốc thành lập, trong tập văn « Âm băng thất » của Lương-khai-Siêu, có nhiều bài đã bàn đến vấn đề thờ thần thờ thánh.

Theo tác giả, thì tôn giáo với Không giáo khác nhau : tôn giáo là về thần, Không-giáo là về thánh. Thờ thần thì có chùa có miếu, còn thờ thánh là thờ những vị hiền triết, mà mình có cảm tình, như mình kính mến cha mẹ mình, nghĩa là cá nhân đối với cá nhân, nói một khác, thì chỉ là người với người, không phân biệt theo nghi thức.

Các nhà tôn giáo vì thờ thần cho nên phải có nghi thức, cũng như phải có kinh điển, mới có thể cảm thông ; thần với người hai giới khác nhau, thần chủ trương về thưởng phạt kiếp lai sinh, lấy họa phúc làm pháp môn ; các giáo chủ, dầu tôn chỉ có chỗ khác nhau, song đều lấy tín ngưỡng làm luật chung ; còn Không-Tử thì không phải là giáo chủ ; thành thử, không có thần quyền, không thưởng phạt ai về đời sau, chỉ khuyên răn cho người đồng thời với Không-Tử.

Nhiều nhà Nho, vì thờ Không-Tử theo nghi thức tôn giáo, cho nên lấy di thư làm kinh điển, chỉ đọc thuộc lòng, chẳng dám phê bình gì, thậm chí tôn kính những giấy tờ có chữ. Nói cho đúng, thì Không-Tử là nhà chính trị, nhà triết học, nhà kinh học, nhà giáo dục, mà không phải là nhà tôn giáo.

Cũng trong bài ấy, tác giả còn nhấn mạnh rằng : « Không-Tử vẫn không có thế lực như các nhà tôn giáo, được tín đồ thờ ; mà chính là chỗ Không-Tử lưu ân cho bọn chúng ta, được tín ngưỡng tự do, hơn hai ngàn năm nay, dân tộc Trung-hoa không tương tranh giáo quyền, như nhiều nơi khác.

« Thế mà nay có người muốn thần hóa Không-Tử, khắc thần vị, lập đền

thờ làm cho Không-Tử ngang với Thích-Ca ; vào đền thờ phải quì cả hai chân, phải cúi đầu sát đất. Không-giáo sở dĩ thường còn trong vũ trụ, là vì Không-Tử không báng tạ vào lòng tín ngưỡng của người, mà cũng không muốn có người tín ngưỡng. Không-Tử chỉ dạy chung cho nhân quần xã hội : thế nào là người, thế nào là nhà, thế nào là nước ; vì loài người chưa có thể trừu tượng nguyên tắc, đề tự qui chế lấy lối hành vi ; cho nên Không-Tử phải theo phép tự nhiên, mà lập thành những gì thích ứng cho cộng đồng sinh hoạt.

« Không-giáo nếu có ngày suy kém, mất hiệu lực, không phải vì Không-giáo hết thời ; mà vì người theo Không-giáo không giữ gìn chữ đạo. Chữ « đạo » của Không-tử không phải như chữ đạo của các nhà tôn giáo, chữ đạo của Không-tử như con đường công cộng của loài người ; đạo làm cha, đạo làm con, đạo làm vợ, đạo làm chồng, ở trong gia đình ; cho đến đạo làm người, ở ngoài xã hội, rộng biết bao nhiêu !

« Các nước phương Tây có chữ *raison*, chữ *doctrine*, mà không có chữ đạo của phương Đông ; thành thử, chỉ lấy tài lấy trí làm bằng, mạnh được yếu thua, dầu trong các nước đồng minh, mà cũng không có đạo giao lân, không cố gắng cùng nhau, giữ gìn lấy trung lấy tín. Sở dĩ gọi là « đạo », là vì đã làm người thì phải cố gắng mà theo. Có khi phải chịu hy sinh, để giữ cho toàn đạo.... »

Theo các nhà thâm Nho ở Trung-quốc, như tôi đã lược thuật trên đây, thì từ ngày Trung-hoa Dân-quốc thành

lập đến nay, tuy có bài trừ chế độ Phong kiến ngàn xưa, song vẫn tôn sùng đạo Không. Tôn sùng không phải chỉ là bảo thủ, mà còn tìm cách phát huy thêm. Không-tử nói : « Ôn cố nhi tri tân ! » — đọc sách cũ mà phải biết phát minh thêm, — Các nhà Nho đã xuất bản biết bao nhiêu sách mới.

Đối với đồng bào ở Việt-Nam lại khác, còn phải dịch Hán văn ra Việt văn. Như ông Nguyễn-hiến-Lê đã nêu lên, vấn đề thứ hai này, phải được giải quyết cấp bách hơn vấn đề xây dựng đền thờ, vì tiếng của nước này dịch ra tiếng của nước kia không phải dễ. Erwin Rohde đã nói : « Văn tự có phần đặc biệt, có phần tinh hoa, không thể truyền dịch ra tiếng nước ngoài, mà không bị sai nghĩa ! »

Nếu nhà Nho vui lòng đảm nhận phần dịch Ngũ kinh ra Việt ngữ, thì trước khi hạ bút, dịch giả nên tự hỏi rằng : « Dịch cho ai » ? Vì dịch có hai lối khác nhau : dịch cho nhà khảo cứu, thì phải dịch cho đúng nghĩa từng chữ từng câu, lấy Hán văn làm chủ, Việt văn làm khách.

Nguyễn-Khuyến, đậu Tam nguyên triều Tự-Đức, làm thơ ngày Tết, có câu : « Loạn ly xuân sắc chân vô lại, Ưu khổ nhân tình tổng bất kham ! » Bèn nghĩ đến những nhà khảo cứu sau này, mới tự dịch ra quốc âm : « Xuân về ngày loạn còn lơ lảo, Người gặp khi cùng cũng ngắt ngơ ! » Chúng ta không phê bình gì về chữ Nho, dầu khen nữa cũng thừa ; duy về phần quốc âm, thì nghe sượng sùng, không xứng với ngôi bút « tam nguyên », song tác giả đã cố gắng dịch cho sát với nguyên văn, chính là chỗ công phu của nhà thi sĩ.

Năm 1907, Đăng cổ tùng báo ra chào đời, quốc âm đã mãn nhiệm kỳ, quốc ngữ đã thành quốc văn chính thức. Thế mà đến năm 1913, Phan - kế - Bính, một nhà Nho học thuần túy, chưa bị ảnh hưởng đến lối văn nay, bắt đầu dịch Hán văn ra quốc văn, đã dịch kinh Lễ về Nhạc ký, có đoạn sau này : « Thiên cao địa hạ, vạn vật tán thù, nhi lễ chế hành hĩ ; lưu nhi bất tức, hợp đồng nhi hóa, nhi nhạc hưng yên ! » « Trời cao đất thấp, muôn vật tán nát, đều khác nhau ; đó là cái thứ bậc tự nhiên của trời đất, vì thế mà thánh nhân đặt ra lễ. » Nguyên khí trời đất chu lưu cả vũ trụ, không lúc nào dừng ; rồi hòa hợp với nhau mà đều hỗn hóa ; đó là cái hòa vui tự nhiên của trời đất, vì thế mà thánh nhân đặt ra nhạc.

Chúng ta nhận thấy chỗ khỗ tâm của dịch giả, đã chịu hy sinh quốc văn trước Hán văn, chỉ lo dịch cho sát nghĩa từng câu, để giúp ít nhiều cho nhà khảo cứu. Như Erwin Rohde đã nói, quốc văn đương còn chất phết, chưa có thể dịch ra tiếng nước ngoài theo lối tản văn ; thành thử, nhiều nhà Nho đã phải dịch theo lối văn vần, có âm điệu, cố nhiên là dễ nghe hơn ; song hai thứ chữ chẳng đi đôi, thì không phải là dịch nữa.

Như ông Nguyễn-hiến-Lê đã nhận xét, gần nửa thế kỷ nay, có nhiều nhà đã dịch Tứ Thư, tạm đủ cho nhà khảo cứu ; còn Ngũ Kinh thì chưa có bản dịch ra Việt ngữ, bạn thanh niên đương khao khát, mong có những bản dịch ra quốc văn ; để tìm hiểu được giáo lý của nhà Nho, mà phải theo thì giờ đã hạn chế.

Nếu dịch cho bạn này, thì không phải như dịch cho nhà khảo cứu, mà

dịch giả phải đóng vai các vị giáo sư ; muốn đưa bạn học đến nhà Nho, thì phải đốt đèn, như Phan-Sào-Nam đã viết bản « Khổng-học đăng », như Lương-Khai-Siêu đã viết về kinh Lễ, trong bản « Âm-băng thất », vẫn căn cứ vào sách, song các thầy giáo phải soạn bài, phải ôn cố và phải tri tân, như những đề tài mà Lương-Khai-Siêu đã viết.

Theo câu : « Bất học Lễ vô dĩ lập. Vậy yếu chỉ của kinh Lễ thế nào ? — Lễ trị chủ nghĩa là thế nào ? — Pháp trị có trước, hay là Lễ trị có trước ? — Các xã hội, sau khi có pháp trị, còn phải dùng đến lễ trị nữa thôi ? — Nhà Nho định nghĩa chữ « lễ » thế nào ? — Về lễ, Khổng-Tử đã nói những gì ? — Trị nước, vì sao mà nhà Nho cho Lễ là kinh duy nhất ? — Nội dung kinh Lễ có những gì ? — Có sách nào bàn tán kinh Lễ không ?

— Ký-tế-thông nói : Đạo trị người thì kinh Lễ là hay nhất, vì những lẽ gì ? — Theo kinh Lễ mà trị nước, trị dân, có những hiệu lực gì ? — Có người nói : Kinh Lễ vẫn có giúp cho xã hội tiến hóa kỳ đầu ; về sau, xã hội biến thiên, thì kinh Lễ lại là chướng ngại vật. Nhà Nho có nhìn nhận như vậy không ? Các nhà phản đối với nhà Nho, như Trang-Tử, Mặc-Tử, thì phê bình kinh Lễ thế nào ?... »

Sở dĩ tôi dám đề nghị thế này, là vì tôi đọc Minh-Tân, trong mấy số 49, 50, đã có nhiều bài diễn dịch về Khổng-giáo theo lối ấy. Nói tóm lại, nếu Hội Khổng-Học công nhận sở hành của nhân vật Trung-hoa là phải, thì sẽ đúc tượng Khổng-Tử, đặt giữa công viên, cũng

như đã in trên bìa báo Minh-Tân ; để cho cả bốn phương được chiêm ngưỡng vị Chí thánh, vị Sư-biêu ngàn xưa ; còn miếu đường thì dùng làm Hội quán cho bạn nhà Nho, hay là làm Không-Học thư viện, sưu tập tất cả những gì có tương quan đến Không giáo, về đạo đức, về luân lý, mà Không giáo đã có những thành tích vẻ vang, trên nền văn hóa phương đông ; rồi dịch những sách trong thư viện ấy ra quốc văn, cả sách Tàu, cả sách Tây, chính là nhiệm vụ cấp

bách của nhà Nho, mà các nhà Nho cũng có dịp, để vừa chuộc tội vừa đền ơn, đối với vị Tiên sư, mà trong lòng sùng bái.

Nhân « Một tin mừng » của ông Nguyễn-hiến-Lê, bạn đồng chí của tôi, mà tôi sẽ được đọc những sách hiện thời chưa có, Hội Không Học cũng sẽ hóa thành một cơ quan truyền bá, làm cho cả hiện tại, cả tương lai, đều có đủ phương tiện, để tìm hiểu Không giáo một cách sâu rộng hơn.



Sau khi đọc bài « Dịch kinh sách » của cụ Ứng-Trình

Nguyễn-Hiến-Lê

Tòa soạn Bách-Khoa có nhã ý cho tôi coi bài « góp ý kiến với ông Nguyễn-Hiến-Lê » của cụ Ứng-Trình, trước khi cho sắp chữ.

Tôi đã được nghe danh cụ, nhưng chưa được cái hân hạnh gặp cụ. Về tuổi tác cũng như về hán học, tôi còn kém cụ xa, vậy mà cụ đã rộng lượng cho tôi vào hàng bạn thanh khí thì thực là một vinh dự cho tôi.

Cụ có ý biểu đồng tình với các học giả Trung-Hoa gần đây, coi Không-Tử là một vị Chí thánh, một vị Sư biểu, chứ không phải là một vị thần ; và muốn đề nghị đúc tượng Không-Tử đặt giữa công viên, còn miếu đường thì dùng làm Hội quán cho các nhà Nho và làm thư viện cho những người muốn tìm hiểu đạo Không. Điều đó rất hợp với ý tôi. Tôi tuy chưa nói rõ ra như cụ đã nói, nhưng đọc giả đọc những bài viết về Nho giáo của tôi trong Bách-

Khoa và một vài tạp chí khác tất đã nhận rằng tôi vẫn chủ trương Nho giáo là một triết lý chính trị, chứ không phải là một tôn giáo. Nhưng nếu Hội Không-học có chủ trương khác, thì đó là việc riêng của hội. Tôi là người ở ngoài hội, chỉ bàn góp như vậy thôi.

Việc quan trọng nhất vẫn là việc dịch ngũ kinh. Cụ Ứng-Trình đã xét vấn đề kỹ hơn tôi và đã phân biệt hai lối dịch : một lối dịch cho các nhà khảo cứu, cần sát nghĩa từng câu, từng chữ ; một lối dịch cho các thanh niên hiếu học, cần giải thích, hướng dẫn phê bình, như một giáo sư giảng cho học trò.

Trong bài « Báo trước một tin mừng », tôi chỉ nghĩ đến lối dịch thứ nhất. Công việc đó không có tính cách ích lợi trực tiếp và phổ biến như công việc dịch cho các thanh niên hiếu học, nhưng cấp bách hơn. Cứ dịch sát rồi chú thích cho đúng bộ ngũ kinh đi đã, rồi

sẽ có nhiều nhà văn học thêm trong các sách ngoại quốc bàn về đạo Khổng để viết những bài tổng hợp, phê bình, hoặc những sách phổ thông. Như vậy những người đọc những bài tổng hợp, phê bình, hoặc những sách phổ thông này, gặp chỗ nào nghi ngờ có thể tra cứu lại ở bản dịch bộ ngũ kinh được, và công việc dịch tuy là để cho các nhà khảo cứu mà thực là ích chung

cho tất cả các người hiếu học. Tất nhiên, nếu Hội Khổng-học làm được hai công việc đó một lúc thì càng quý.

Đó là vài cảm tưởng của tôi sau khi đọc bài : « Dịch kinh sách » của cụ Ung-Trình ; tôi xin ghi lại đây để góp ý với Hội Khổng-học và đề tạ tấm lòng hạp cổ của cụ Ung-Trình.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

- ★ Không vào hang cọp, không bắt được cọp con. (Hậu-hán thư)
- ★ Không có hành động nào mà không cần phải liều lĩnh ít nhiều, nhưng liều lĩnh mà vẫn biết dẫn đo, cân nhắc.
- ★ « Khí » kiêng nhất là hung hăng. (Lã Khôn)

Cách thờ phụng song thân của Tử-Lộ

Tử-Lộ tới hầu Khổng-Tử và nói rằng :

— Khi mang nặng đi đường xa, chẳng cần chọn chỗ dễ nghỉ ; khi nhà nghèo, cha mẹ già, chẳng cần chọn bổng lộc để ra làm việc. Trước đây, đương lúc Do này còn thờ phụng song thân, thường phải ăn chèm rau cỏ và vì song thân phải đội gạo xa hàng trăm dặm đường. Đến khi song thân đã mất đi rồi, qua phía nam sang chơi nước Sở, xe theo hàng trăm cỗ, gạo chứa hàng vạn chum ; trái chõng đem mà ngồi, bày hàng đỉnh mà ăn ; nhưng muốn ăn rau cỏ để vì song thân mà đội gạo thì không thể nào lại có được nữa ! Cá khô ngâm dấm, mấy chốc mà không bị sàu mọt ăn hết ? Cái tuổi thọ của hai thân, thoáng như đi qua lỗ hồng vậy.

Đức Khổng khen rằng :

— Cách thờ Do thờ phụng song thân, có thể đứng là sống thì phụng sự hết sức, mà chết thì phụng sự hết lòng vậy.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

NGUYỄN-HUỆ

(1752 - 1792)

HAY LÀ GIÁC MỘNG LỚN CHƯA THÀNH

NGUYỄN-NGU-I

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỐI VỚI
TRIỀU TÂY-SƠN và NGUYỄN-HUỆ (1)

Sau cuộc Cách-mạng 1945, người anh hùng áo vải đất Tây-Sơn lại càng được nhắc nhở với những lời khen tiếng chê thẳng thắn, cởi mở. Chúng ta hay nghe Phạm-Văn-Sơn nêu cao con người quân sự của Nguyễn-Huệ :

« Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ tuy là nhà võ xuất thân, sức khỏe phi thường, nhưng không phải là hữu dũng vô mưu. Ngài là nhà tướng siêng năng, cần mẫn, sẵn sàng đến quân lính, năng cho luyện tập, tuy rằng trong gần mười năm trời chiến trận luôn mà những bữa nghỉ công vẫn bắt quân lính luyện cho khỏi quên. Ngài lại hay dùng chiến thuật chớp nhoáng, tập trung sức mạnh để tấn công địch đông hơn mà vẫn lâm vào thế cô. Có tài làm cho quân sĩ tin vào chủ tướng và sự thắng trận, vận chuyển binh mã rất nhanh chóng, nếu thấy thế yếu thì rút lui ngay, không ham chiến. »

Phạm - Văn - Sơn

(Việt-Nam tranh đấu sử — Vũ-Hùng xuất bản, Hà-nội - 1950).

Toàn là lời khen. Hữu dũng lại hữu mưu, có tài chế biến, có mắt nhìn xa, luôn luôn sẵn sàng, luôn luôn sáng suốt, bao nhiêu đức tánh do tác giả « Việt-Nam tranh đấu sử » nêu lên, không một sự giả nào có công tâm mà chẳng nhìn nhận.

Dựng sự nghiệp bằng đường gươm mũi giáo, cứu dân cứu nước trước rừng tên mưa đạn, Quang-Trung sừng sững trên đài vinh quang dân tộc với chiến mã xông pha, với chiến bào đen thuốc súng.

Khi tiến biết tiến, khi lùi biết lùi, khi phải dụng sức, thì tung toàn sức, khi cần dụng mưu, thì khéo tìm mưu, con nhà tướng đến chết chưa hề nếm mùi thất bại ở sa trường ấy lại được những lời khen nồng nhiệt dưới ngòi bút ông Ngọc Dương :

(1) Những lời phê phán trước 1945, mời bạn đọc xem lại « Bách-Khoa », số 39. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng bạn đọc : vì một lẽ riêng, đến nay chúng tôi mới có thể cho đăng tiếp loạt bài này.

« Trong lịch sử Việt-Nam, Nguyễn-Huệ là viên tướng tài giỏi bậc nhất ; vừa có uy vũ, vừa có đức độ, đã tổ chức toàn dân thành bộ máy chiến tranh, và hành quân một cách cực kỳ nhanh chóng. »

Ông Ngọc-Dương lại ghi công thống nhất cho người áo vải ấp Tây-sơn : (...) « Nguyễn-Huệ, nhà dụng binh số một ở Việt-Nam, một viên tướng có sức khỏe, mưu lược vô cùng, khôn ngoan đặc biệt, một tay tổ chức quân đội và thống nhất được sơn hà trong khi Trịnh, Nguyễn đánh nhau hàng trăm năm mà không dứt. »

Con người kiêu hùng ấy, như sấm như sét trong việc dùng binh, lại cũng là người giàu tình nặng nghĩa, và có lúc cũng mềm lòng : « Nguyễn-Huệ (...) rất khôn khéo, biết mua chuộc lòng người, và có từ tâm. Khi có việc bất bình với Nguyễn-Nhạc mà phải đem quân vây anh trong thành Qui-nhơn, Nguyễn-Huệ đã không tán tận lương tâm để làm cho anh chết. Thấy Nguyễn-Nhạc khóc mà yêu cầu chấm dứt cảnh cũi đậu nấu đậu, Nguyễn-Huệ đã động tâm mà rút đi ngay. »

Nhưng đáng ân hận — ân hận cho riêng nhà Tây-Sơn hay ân hận chung cho toàn đại gia-đình Bách-Việt ? — là tài ấy, uy ấy và chí ấy sớm không còn : « (...) Nguyễn-Huệ là một tướng tài giỏi và uy dũng vô cùng, nên khi Huệ mất đi, bộ máy chiến tranh để lại không còn ai tiếp tục điều khiển được nữa. Đây là một điều đáng tiếc vô cùng. »

Ngọc-Dương

(Tài dụng binh của Nguyễn-Huệ — tuần báo « Điện-báo » số 5, ngày 19-5-1951)

Đến học giả Lê-Văn-Hoè như bác cái thuyết « con người chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh. »

Thời thế tạo anh hùng. Không ai cãi.

Nhưng anh hùng có thể tạo hẳn thời thế hay xoay thế chuyển thời chẳng ?

« Người anh hùng có thể xoay chuyển thời thế và tạo ra cơ hội thuận lợi cho mình ; nhưng trước hết, người anh hùng phải lựa chiều thời thế, lợi dụng cơ hội mà hành động. »

« Đó chính là trường hợp của vua Quang-Trung [trong trận đại phá hai chục vạn quân Thanh] »

Lê-Văn-Hoè

(Những bài học lịch sử. — Quan-Trung — Quốc-học thư xã xuất bản, Hà-nội, 1952).



Con người tay không dựng nghiệp cả, dọc ngang từ Trung vào Nam ra Bắc, dẫn binh tướng băng rừng, vượt biển, lội ruộng, qua sông... để luôn luôn ca khúc khải hoàn, và nuôi mộng khác thường, lại lo vun quén nền quốc học, trọng dụng chữ nước nhà, con người vượt kẻ đồng thời ấy, cứ đến mỗi lần hai năm mới cũ sắp giao nhau, là con nhà cầm bút không quên nói đến.

Mà nói đến « Người của mùa Xuân » ấy thì làm sao quên được gò Đống-đa lớp lớp xương thù chồng chất, mà đã gọi cái gò lịch sử diệt ngoại xâm này, thì ai chẳng nhớ tài quân sự phi thường, mà lịch sử dạn-tên Đông. Tây, kim, cò ít kẻ sánh tày. Đến một nhà chuyên môn về y học mà cũng sốt sắng lục binh thư Tôn-Tử để hiến cho chúng ta một bài báo lý thú, bài « Vua Quang-Trung và Tôn-Võ-Tử » đăng trong tuần báo « Mới », số Xuân giáp-ngọ. 1954. Xin nhường lời cho bác sĩ Dương-Tấn-Tươi :

(...) « Chúng tôi muốn đem đối chiếu chiến lược hành binh của Nguyễn-Huệ với 13 thiên binh thư của Tôn-Vô-Tử, kim chỉ nam của người đại tướng.

« So sánh đề rõ trí thông minh của trang anh hùng « áo vải » khi đem áp dụng những câu bất hủ của binh pháp.

« So sánh đề đánh đổ một ngoa truyền ; vì trái với lời đồn, « ngụy chúa » là một viên tướng có sức học uyên thâm — tuy chẳng hề khi nào làm nô lệ cho sách — nên thích dụng mưu hơn dùng sức. »

Rồi sau khi so sánh những cuộc hành quân, những trận đánh do Quang-Trung sắp đặt, điều khiển, với những lời Tôn-Vô-Tử ghi trong binh thư, tác giả kết :

« Đến đây, có thể nào ta phê bình độc đoán rằng nhờ am hiểu binh pháp của Tôn-Tử nên Nguyễn-Huệ mới thắng dễ dàng Tôn-Sĩ-Nghị chăng ?

« Không thể được là vì không có bằng chứng nào giúp ta giải quyết điều thắc mắc : « Nguyễn-Huệ có tham khảo binh thư chăng ? »

« Nếu không thì tại sao nhiều đoạn hành binh phản chiếu những lời dạy của Tôn-Vô-Tử, nhiều mưu mô có vẻ áp dụng binh thư ? Điều ấy có thể hiểu được vì quyền binh pháp là sự kết cấu của bao nhiêu kinh nghiệm được một bộ óc thông minh kiểm điểm, suy xét để tìm ra nguyên tắc.

« (...) Các nguyên tắc ấy [nguyên tắc bất hủ của thuật làm tướng] đều do óc của một người tìm ra, thì nếu có một trí tuệ khác cũng thông minh, cũng có khiếu khảo xét tinh vi thì cũng nhận thấy được đề đem ra áp dụng vào việc

quân... mặc dầu không có ngọn bút tài ba để diễn ra trên mặt giấy. Sự gặp gỡ của hai thiên tài nào phải là việc hiếm có. Sự hiểu biết của vua Quang-Trung vì nhờ lấy gốc rễ nơi kinh nghiệm trong sự chung dụng với đồng loại nên đã không kém sâu sắc lại còn có phần thực tế hơn cái học tìm trong sách vở. »



Lời khen, đến đây, tưởng cũng đủ rồi. Giờ, mời các bạn hãy cùng chúng tôi lật những trang sách báo mà khen, chê lẫn lộn.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng một đoạn thơ, cho không khí đôi đi đôi chút.

Ông cử-nhân Hán-học Nguyễn-Nam-Đàn, năm 1953, đã cho xuất cuốn « *Lịch sử vua Quang-Trung* » bằng thơ lục bát. Chúng tôi xin sao vài đoạn của phần

KẾT-LUẬN

« Xem trong *Lịch-sử ghi truyền* :

Vua Quang-Trung thực giá nên anh hùng.

Một tay diệt kẻ thù chung,

Nghìn năm giữ vững Non, Sông nước nhà.

.

Uy thanh lừng lẫy trong ngoài,

Anh hùng như thể trên đời hiếm thay.

Ví hay lượng cả đức dày,

Tự mình lấy đạo hiền ngay cảm người.

Võ dân chúng, lợm nhân tài,

Ra công xây đắp kịp thời mở mang,

Lòng người đâu dấy qui hàng,

Mệnh giới ầu cũng thuận thường về ta.

Non Tây cao sáng hiện ra,

Giang-sơn thu lại một nhà như chơi.
 Hiềm vì khí lượng hẹp hòi,
 Việc làm so với đạo người qual-vì :
 Với dân không có ơn gì,
 Với anh em lại hiềm nghi đủ điều.
 Vì quyền lợi đánh lẫn nhau,
 Nồi da nấu thịt đã nhiều người chê.
 Nhất là đối với vua Lê,
 Đạo thần tử lại thiếu bề thì chung.
 Tôn phù trước mặt Hiền-lông,
 Thụ phong rồi lại ra lòng kiêu căng.
 Nhân điều diệt Chính quay xằng,
 Bách Lê-thần phải biểu xưng tên mình.
 Lại thêm đổ kị tính thành,
 Những người tài cán đem tình nghi sai.
 Vô-Nhậm, Nguyễn-Chính hai người,
 Có công mà vị có tài giết luôn.
 Rồi truyền hận trách thâm ơn,
 So cùng họ Nguyễn nghìn muôn khác
 vời.

Vậy nên chỉ được hai đời,
 Bé rồi đến bé chân đầu nước tan.
 Mối hay việc cả thế gian,
 Có tài, có đức vẹn toàn mới nên.
 Tài cao mà đức không tuyền,
 Cùng đời vật lộn muôn nghìn uổng công.

Quang-Trung tài trí hơn người,
 Sánh cùng Nã, Hít (1) trên đời ai
 đương.

Vì chung chẳng có đức thường,
 Xui nên nghiệp cả Đế vương không
 bền. »

Lời trách, chê không phải ít. Đoạn nói về lượng hẹp hòi của Quang-Trung với họ Lê, với Vô-Văn-Nhậm, với Nguyễn-Hữu-Chính, hẳn là ít ai đồng ý, và riêng chúng tôi cũng đã tỏ qua trong mấy kỳ trước.

(1) Nã-Phá-Luân, Hít-Le

Đáng buồn một nỗi là cụ cử Hán-học này đã hạ bút : « So cùng họ Nguyễn nghìn muôn khác vời ». Đề cao họ Nguyễn (họ Nguyễn diệt Tây-Sơn) phải chăng vì lúc bấy giờ, ông vua cuối cùng của họ Nguyễn còn « trị vì » dưới cái nhãn hiệu Quốc-trường ? Bởi ai có chút công tâm thì chẳng bao giờ đem so sánh Nguyễn-Huệ với Nguyễn-Ánh ở điểm : đức độ rộng, hẹp, và giết hại công thần.

Hãy để nhà cựu học ấy qua bên, mời các bạn thử xem lời phê phán của một nhà tân học, từng dạn dày trên trường tranh đấu, từng xót xa trong chốn lao tù : Thiên-Giang đã hơn dịp phê bình La-Sơn phu tử mà nói đến Quang-Trung.

« Theo ý Phu tử thì phò Lê là anh hùng, đuổi Lê là gian hùng. Phu tử luận việc gian ngay, chân nguy chung quanh một ngôi vua. Ngoài ngôi vua ra, phu tử không còn thấy gì khác hơn nữa. Phu tử không bao giờ thấy rằng chỗ gian hùng của Nguyễn-Huệ không phải là cướp ngôi nhà Lê mà là phụ lòng dân chúng đã giúp Huệ lập nên nghiệp bá. Chính Huệ đã tự nhận mình « nguyên là một trư ấp trưởng, nổi lên ở Tây-phương. »

« Đuổi hôn quân, diệt bạo chúa, liều chết để chống ngoại xâm, đó là một cử chỉ anh hùng. Đến như lợi dụng lòng tín nhiệm của dân để lập nên sự nghiệp, rồi hi sinh quyền lợi của dân để lo quyền lợi của mình thì là cử chỉ của kẻ gian hùng. Đó là nguyên nhân sụp đổ chánh của Tây-Sơn và của bao nhiêu anh hùng khác như Nã-Phá-Luân ở Tây-phương chẳng hạn. Lòng dân đã

mất rồi (« Tiếng sấm dậy đường sá »), thì dầu cho cái tài phong thủy, thuật số cùng kinh bang của Phu tử có cao đến đâu cũng không sao cứu vãn địa vị Quang-Trung được. Có lẽ biết vậy nên Phu tử khuyên Quang-Trung nên chú ý đến dân.

« Tuy có công đánh đuổi quân Thanh, nhưng Quang-Trung lại giẫm lên con đường của bọn bạo chúa. « Tiếng sấm dậy đường sá ». Sự sụp đổ của nhà Tây-Sơn đến đời Cảnh-Thịnh mới hoàn toàn, nhưng đã bắt đầu ngay từ đời Quang-Trung rồi vậy. »

(Một ít cảm tưởng khi đọc « La-Sơn phu tử » của Hoàng-Xuân-Hân : người xưa và người nay — tuần báo « Mới », số 18, ngày 21-3-1953).

Buộc tội trên giấy trắng mực đen, có lẽ cho là chưa đủ, nên hai năm sau, tác giả « Dân chủ và dân chủ » còn mượn lời đề nói với đám học trò, tương lai của đất nước, trong bài diễn văn thường lệ đọc ngày 30-6-1955 tại rạp Thống-nhất, trong buổi lễ phát phần thưởng của một trường tư thục lớn ở kinh-đô.

« [...] bao nhiêu ý nghĩ [...] gọi trong trí tôi, trong lòng tôi hình ảnh Quang-Trung, bậc anh hùng tôi kính yêu nhất, mà cũng oán hận nhất, khâm phục nhất mà cũng bất bình nhất. »

« Trong tình trạng chiến tranh loạn lạc thường xuyên ấy, biên giới các lãnh địa phải đóng chặt, dân chúng không lối đi lại. Toàn dân đều sống trong sự lo sợ, đau khổ. Ai nấy ước mong một người đủ tài năng đứng ra tái lập trật tự, an ninh. Cho nên khi Tây Sơn dấy lên, ai

cũng hưởng ứng theo. Hưởng ứng theo Tây-Sơn, dân chúng đã bày tỏ những nguyện vọng sau này : tiêu diệt chế độ phong kiến cùng những kẻ đã lợi dụng nó, thống nhất quốc gia cùng mở đường cho sự phát triển xã hội, cải tạo sinh hoạt để nhân dân khỏi cảnh lầm than.

« Đó là những điều kiện lịch sử cụ thể đã tạo nên sự thành công cho anh em Tây-Sơn, nhất là Nguyễn-Huệ. Can đảm, tài năng, tinh thần quyết đoán, cùng bao nhiêu đức tính khác chỉ là những điều kiện chủ quan phụ vào hoàn cảnh lịch sử đã sẵn có.

« Nhưng khi cướp được chính quyền rồi, anh em Tây-Sơn có thực hiện ý muốn của dân không ? »

Diễn giả lần lượt xét từng khoản một đề ba lần kết luận : không.

« Về khoản thứ nhất : tiêu diệt chế độ phong kiến [cùng những kẻ đã lợi dụng nó], ta thấy rằng sau khi tiêu trừ bọn Nguyễn, Trịnh, anh em Tây-Sơn vẫn bảo tồn chế độ lãnh chúa, và, hơn nữa, chính mình đứng ra lợi dụng chế độ ấy. »

« Về khoản thứ hai, khoản thống nhất quốc gia, thì như ta đã thấy, nhà Tây-Sơn bảo tồn chế độ phong kiến, chia đất, phong vương ngay từ đầu, thì lẽ cố nhiên không thể thống nhất quốc gia được. »

« Về khoản thứ ba (mở đường cho sự phát triển xã hội, cải tạo sinh hoạt để nhân dân khỏi cảnh lầm than), đáng lẽ sau khi cầu hòa được với nhà Thanh, trong nước đã tương đối bình trị, Quang-Trung phải nghĩ ngay đến những cải cách cần yếu để hàn lại một phần nào những vết

thương do bọn phong kiến Nguyễn, Trịnh và đám quyền thần gây ra cho xã hội, ông lại không làm việc ấy mà chỉ lo củng cố địa vị hoàng đế. Ông cho xây Phượng-hoàng trung đô ở đất Nghệ-an là quê quán của mình, đặt lại quan chế, tổ chức việc dinh điền như kiểu các vua chúa trước. »

Tiếp theo, diễn giả đưa ý kiến về cái « mộng đòi đất » của Quang-Trung :

« Về uy của Quang-Trung lúc ấy có thừa thật đấy, nhưng nếu vì đòi đất Lưỡng-Quảng mà ông gây giặc với Tàu thì liệu ông có thể vừa đương đầu với nước Tàu to lớn, vừa đương đầu với Chúa Nguyễn có quân Pháp giúp sức, trong lúc dân trong nước phải trốn vô rừng mà ở, tiếng sào oán dậy đường không ? »

Sau cùng, diễn giả kết :

« Nếu Quang-Trung tỏ ra có biệt tài về phương diện quân sự, thì về phương diện tổ chức, cai trị, ông đã tỏ ra thủ cựu, độc đoán, có thể nói là phản tiến hóa.

« Thay vì nhắm vào quyền lợi dân tộc, ông chỉ lo củng cố ngai vàng để bảo vệ quyền lợi riêng cho mình, cho gia tộc mình. Tại sao ông dòm ngó đất Lưỡng-Quảng xa xăm mà không lo bình định đất Nam - kì là nơi Nguyễn - Ánh tung hoành ? Giặc trong nước chưa yên, tại sao ông lại lo lập tin bài, tổ chức Bắc-chinh mà không thấy rằng dân chúng đã kinh khiếp vì giặc giả, dờ sống dờ chết vì giặc giả ?

« Dấu hiệu sụp đổ của nhà Tây-Sơn đã bộc lộ ngay khi Nguyễn-Huệ còn sống. Các mâu thuẫn xã hội chỉ chờ ông nhắm mắt là tàn phá cả sự nghiệp của ông.

« (...) Tôi nhận thấy rằng Quang-Trung khi đánh đuổi quân Thanh là một tượng trưng hùng tráng của tinh thần dân tộc. Nhưng khi lên ngôi Hoàng-đế rồi, Người đã quên dân tộc mà chỉ nghĩ đến mình, đến dòng họ mình. Vì sự quên dân, bỏ dân ấy mà đầu được tiếng là đệ nhất anh hùng, sự nghiệp của Người không bao lâu phải sụp đổ ».

Người từng là chiến sĩ và đang là nhà văn nhà giáo ấy đã cho ta thấy sự đau lòng của mình khi phải lên án khắc khe một vị anh hùng mà thuở thiếu thời mình đã say sưa sùng bái. Một nhà giáo khác, trong một cuốn sử Việt cho lớp tú tài phần nhất, cũng chia hai đoạn đời của Nguyễn-Huệ mà khen, chê: đoạn đuổi quân ngoại xâm, đoạn dựng nền đế chế.

« Ta đã nhận thấy cuộc khởi nghĩa Tây-Sơn bản chất là phong trào nhân dân bạo động lật đổ một chế độ thối nát. Anh em nhà Tây-Sơn đã khéo liên hiệp được những lực lượng hùng hậu của nhân dân chống lại nhà Nguyễn, nhà Trịnh, nhà Lê, đánh đuổi quân ngoại xâm ra khỏi đất nước. Nhưng một khi thành công, nhà Tây-Sơn lại rời bỏ dân chúng mà đi theo con đường của thời đại cũ. Nền đế chế quân phiệt của nhà Tây-Sơn còn hà khắc hơn nền quân chủ của Trịnh, Nguyễn. Một vài cải cách bộ phận của vua Quang-Trung không thể thay đổi tính chất của toàn bộ chế độ mà căn bản là một chế độ chuyên chế và đã căn cốt so với nhu cầu của xã hội thời bấy giờ. Cho nên chẳng bao lâu xã hội Việt-Nam lại tỏ ra nhiều dấu

hiệu rối loạn. Khi vua Quang-Trung còn sống, con thuyền quốc gia còn được một tay cầm lái vững chắc. Nhưng khi vua chết rồi, triều đình Tây-Sơn chia ra bè, đảng, giết hại lẫn nhau. Nhân dân vẫn bị bóc lột, dần áp khờ sờ. Địch thủ của nhà Tây-Sơn là Nguyễn-Ánh, lợi dụng tình thế, một mặt dựa vào lực lượng nhân dân phản đối nhà Tây-Sơn, một mặt dựa vào sự viện trợ của người Pháp đang muốn gây ảnh hưởng ở Á-đông nên đã đánh đổ nhà Tây-Sơn và lập nên cơ nghiệp nhà Nguyễn.

(Nguyễn-Văn-Mùi. — *Việt sử*: từ 1788 đến 1884: từ tài phần 1, Thăng-long xuất bản — Sài-gòn — 1956).

Gần đây, ông Trần-Lang, trên tuần báo Tân-dân số xuân Mậu-Tuất (1958) trong bài « Ngày Xuân uống rượu luận anh hùng » có phê bình Nguyễn-Nhạc, khen là một vị anh hùng, có đủ đức tính làm nên nghiệp lớn, tiếc rằng chỉ vì cá nhân anh hùng chủ nghĩa, coi đất nước như của riêng mình, lại phân làm ba mảnh để anh em chia nhau trị vì, làm cho quốc gia suy nhược, và cơ nghiệp nhà Tây-Sơn đến chỗ suy vong. Rồi, ông Ngũ-Hồ trong tờ Thời-Luận số 439 ngày 22 và 23-3-58, bài « Vua Quang-Trung Nguyễn - Huệ » cũng có những nhận xét tương tự như ông Trần-Lang: « bị oa trừ nhục, tham quyền cố vị, nhất khoảnh tam vương — không biết bảo nhau thống nhất lực lượng... » đó là nguyên nhân thất bại của Tây-Sơn. Ông Ngũ-Hồ lại thêm ý kiến: Nguyễn-Huệ đã biết Nhạc chỉ mưu đồ phú quý thì sao không bắt chước Trịnh-Trang-Công đối với Thái-Thức-Đoạn mà trừ

khử Nhạc từ trước để thu giang san về một mối!

Và Xuân năm nay, dường như để trả lời cụ cử Nam-Đàn về chỗ so sánh hai đối thủ cùng họ: Huệ và Ánh mà có người ghi:

« Trong khi Nguyễn-Ánh hành động với tinh thần vô quốc dân đó [cầu cứu với bất cứ ngoại bang nào], thì Nguyễn-Huệ chỉ bằng vào lực lượng của dân tộc. Huệ đã kết tình ý chí của dân tộc thành một khối đó, chọi lại với tất cả những sức mạnh nào, bất cứ từ đâu đến xâm phạm đến quê hương xứ sở, bất cần dưới danh nghĩa nào ».

VIỆT-NHÂN

(Thủ so sánh Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Ánh — báo « Tân-dân » số Tết Kỉ-Hợi, 1959.)

Ý kiến chúng tôi

Trình bày một số ý kiến mới đây đối với triều Tây-Sơn, nói chung, và với Nguyễn-Huệ, nói riêng, chúng tôi có ý muốn các bạn thấy thêm vài ngọn trào tư tưởng trong việc phê phán người xưa, cũng như vài nỗi thiết tha của người Việt trong khoảng mười năm nay được lồng vào bao lời phán, xét.

Khen Nguyễn-Huệ, nhà phê bình nào chẳng đi đến chỗ suy tôn một chiều, chỉ nêu lên những điều thấy rõ: dụng binh như thần, dùng người khéo léo, trọng dụng chữ Nôm, có những cái nhìn vượt kẻ đồng thời đôi, ba thế hệ.

Còn chê Nguyễn-Huệ, thì gần như không ai giống ai. Thiếu đức, hiểm nghị, hại kẻ tài, không làm gì cho dân nhờ, mấy điều buộc tội này đành không đứng vững. Nhưng anh em hiểm khích, đề

mình yếu bên trong, đề kẻ địch thừa cơ phá khuấy, đề sự nghiệp chung vì đó một phần mà phải lung lay, chúng ta công nhận. Nhưng trách Huệ lúc đó, đối với một ông anh chí nhứt tài suy như Nhạc mà chẳng mạnh bạo ra tay trừ đề gom về một mối, thì e có chỗ quá đáng chăng.

Chính cái mềm lòng của Nguyễn-Huệ, chính những giọt lệ của kẻ làm em thế lực đang lên kia đã làm ta thương mến con người áo vải cờ đào nọ. Ta phục tài, ta trọng chí, ta lại được dịp thương tình...

Mà ví phòng Huệ có vì sự nghiệp chung của dòng họ mà bức bách Nhạc xuống ngôi hay tự vận, thì thử hỏi dòng lịch sử có vì thế mà đổi thay chăng? Hay chỉ để lại ngàn sau một gương không mấy đẹp.

Chỉ vì Huệ chết sớm, chết bất ngờ. Chính Huệ cũng không ngờ, đề mà lo liệu.

Bốn mươi tuổi! Cái tuổi của mùa xuân phát huy trọn vẹn! Cái tuổi của dựng xây bền, của hành động vững!

Khóc người cờ đào mạnh dựng, có riêng gì nàng công chúa họ Lê.

Chăm mặt Bắc, lảng mặt Nam, Huệ tin rằng ít nhất mình cũng còn với non sông mười năm nữa. Thì bận rộn

chỉ với một ông anh đang dưỡng lão, với một kẻ đối thủ tài hèn như Nguyễn-Ánh?

Ta đứng ở địa vị người Việt giữa lòng thế kỷ XX, khi bao trào lưu dân chủ, xã hội, bao thuyết vì dân, do dân, bởi dân tràn ngập, mà lấy con mắt người nay, lấy tư tưởng giờ đây, mà buộc tội người xưa, chẳng hóa ta bất công, mà còn thành ra là kẻ phụ phàng.

Duy vật sử quan đã lúng túng khi đứng trước cái hiện tượng: « **anh hùng** », « **thiên tài** » trong thiên hạ, ví phòng ta có mượn cái « *ánh sáng một màu* » ấy mà rọi một kẻ anh hùng, một bậc thiên tài mà hằng vài thế kỷ mới có một người như Quang-Trung Nguyễn-Huệ, thì liệu ta có hiểu, có giải, có đạt gì chăng?

Rút những bài học cho ta giờ đây, là một việc.

Nhưng phê bình người xưa, việc cũ, trong trường hợp chúng ta đang làm đây, là **định giá trị hành động của một vai trò lịch sử**. Đặt trở lại *thời gian* đó, đề vào *hoàn cảnh* đó, hiểu *tâm lý* người *thời* đó, phải chăng là ba điều kiện tối cần?

NGUYỄN-NGU-Í

★ Nói đương sướng miệng mà nín thinh được; ý đương hớn hỏ mà thu hặn được; tức giận, ham mê đương sôi nổi, nồng nàn, mà tiêu trừ biến mất được; không phải là người rất kiên nhẫn, thì không tài nào được như thế.

Vương-Dương-Minh.
(Cổ học tinh hoa)

★ Chí của người trượng phu càng gặp bước càng lại càng kiên quyết, càng về lúc già lại càng hăng hái. (Mã-Viện)

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

X

Trong Bách - Khoa số 45, chúng tôi có vấn ý các bạn xa gần về « *những ngày câu dằm* » của nhà văn N. T. trong « *chiếc lư đồng mắt cua* ».

Và đây là những lời chỉ giáo của hai bạn đọc thân mến : Ông Quan-Thị Châu K. B. C. 4522 giải thích.

Câu dằm (*Tĩnh từ*) ở miền Bắc tỉnh từ này có nghĩa gần như « *lai rai* » trong Nam, nhưng có vẻ trang trọng và buồn buồn chứ không vui và bình dân như tiếng *lai rai*.

Thí dụ : *Hàng bán câu dằm*.

Những ngày *câu dằm* là những ngày buồn tẻ phải lưu lại một nơi nào.

Ông Quan-Thị Châu lại cho biết thêm rằng tiếng « *thắng chông* » trong Nam có tiếng tương đương ở Bắc, là tiếng cái bông bênh. Và tiếng *huông* cũng có tiếng tương đương là *dốp* và hai tiếng *thắng* và *tới* nói về đường là tiếng thống nhất chứ không phải tiếng địa phương.

Chúng tôi xin đồng ý về tiếng *thắng* thôi. Đến như tiếng *tới* thì khác.

Ông Quan-Thị Châu cho thí dụ sau đây :

Cơm vừa chín tới

Vâng, chữ *tới* trong câu thí dụ ấy, Nam, Bắc đều có, nhưng nghĩa không giống *tới* trong việc *thắng* đường.

Cơm chín tới là cơm nấu đến vừa độ chín.

Còn đường tới là đường nấu đến độ nào đó tùy theo công dụng. *Thắng* kẹo, đường phải *tới* theo độ A, mà *thắng* nước màu thì đường phải *tới* theo độ B v.v.v...

Xin đa tạ ông Quan-Thị Châu.



Ông Lương - Huy ở An - xuyên cho biết rằng ở Nam *câu dằm* có nghĩa là những lúc *mưa dầm*.

Cũng xin đa tạ ông Lương-Huy.

Đề bồ tức những tiếng Cà và lặc
đăng ở kỳ V, bạn Nguyễn-văn-Viện ở
Nha-trang gởi về những danh từ sau
đây, mà miền Nam cũng có và chúng
tôi tự tiện bồ tức định nghĩa của bạn
lại cho thật ổn.

Cà nhắc hay **cà nhót** (lính từ và
trạng từ) Đi không vững vì đau một
chơn.

Cà thọt (lính từ và trạng từ) Đi

không đều vì một chơn dài một chơn
ngắn.

Cà rịch cà tang hoặc **cà rịch cà
tơn** (trạng từ) lâu lặc, chậm lụt.

Lắt xắt (lính từ) Dáng điệu bôn
chôn, không đứng đắn. Có lẽ đó là
nghĩa ở Nha-trang, hoặc ở khắp miền
Trung. Trong Nam lắt xắt là trạng từ
có nghĩa là làm lụng mãi không nghỉ
tay mà làm toàn những việc nhỏ nhỏ
lặt vặt.

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Sọan giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điền được trích tự do, khỏi phải hỏi)

X

Ăn lột, hoặc ăn lột (Thành ngữ)
Ăn chay.

Cồ lột (Danh từ ghép) Mâm cơm
chay sang trọng.

Dộng (Động từ) Ăn. Đây là nghĩa
miền Trung. Ở miền Nam, **Dộng** là ăn
ngốn-ngấu vội vàng.

Xộc (Động từ) Ăn một cách hối hả.
Đây cũng là nghĩa miền Trung. Ở miền
Nam. **Xộc** là ăn một cách xấu xí và ồn
ào như heo ăn.

Đàn (Động từ) Ăn.

Túra (Động từ) Ăn.

Hục (Động từ) Ăn (tục).

Thời (Động từ) Ăn. (Có nghĩa như
xơi ở miền Bắc. Những tiếng và định
nghĩa trên đây do ông Đồ Tấn và lính
lang (Huế) gởi vào.

Cán (Động từ) Đây là động từ riêng
biệt của miền Nam chỉ sự ăn thật nhiều
và ăn ngốn ngấu vội vàng. Nguồn gốc
của động từ này chắc là do tục ngữ sau
đây : **Ăn như xe cán cùn.**

Xe cán là cái máy thô sơ dùng để làm
rót hột bông.

Cán (Động từ) Dùng muỗng kim khí
hoặc khúc móp để cưỡng bách người hay
thú hả miệng ra hầu đồ thuốc vào đó.

Ních (Động từ) Tiếng thân mật và trẻ
con, dùng để giễu sự ăn.

Quảng Nam hay cải,

Quảng Ngãi hay co,

Bình Định hay lo,

Thừa Thiên nich hết.

Động từ này, miền Nam và miền Trung
đồng nghĩa.

Đi bộ (thành ngữ) Đi chơn

Miền Bắc vẫn có thành ngữ đi bộ và cũng nghĩa đó, nhưng ít dùng hơn đi chơn, trong khi ở đây luôn luôn nói đi bộ.

Đi chơn không (thành ngữ) Đi dất.

Bộ hành (danh từ ghép) Ngoài nghĩa toàn quốc, trong Nam này, bộ hành còn nghĩa là hành khách.

Mười giờ tàu lại Bến Thành

Xáp-lê vội thôi, bộ-hành xông-xao

Bộ-hiền (danh từ ghép) Biển-thề bình-dân của bộ-hành, nhưng trong giới bình-dân, tiếng này lại có nghĩa là một hàng. Nhưng không phải người bình dân nào cũng dùng sai như thế cả.

Con cò (danh từ ghép) Con tem.

Làm thơ giấy trắng, em gán con cò
xanh

Gởi về thăm bạn, có tên anh trong này
(Ca-dao miền Nam)

Ông cò (danh từ ghép) Ông cầm.

Ông cầm (danh từ ghép) Ông bày dờ.

Người miền Nam phân biệt: Cha, ông nội, ông cố, ông sơ, ông sớ, ông sầm, ông cầm, ông lai.

Tía (danh từ) Gốc Triều-châu nghĩa là Cha. Tiếng tía ngang hàng với tiếng bố ở Bắc. Chỉ có người bình dân ở thôn quê là kêu cha bằng tía thôi.

Mua xa cạ (thành ngữ) Mua quạ.

Hồ nước (danh từ) Bề nước.

Hồ sân kiềng (danh từ) Bề cạn.

Lục bình (danh từ) Bèo Nhật-bản.

Hên (tính từ và danh từ) May mắn, vận đỏ.

I Nó hên lắm, đánh cá ngựa trúng luôn.

II Người Tàu kiêng cho mỗi thuốc điều, sợ cái hên của họ truyền qua người khác mất.

Xui (tính từ và danh từ) Rủi-ro Đen: Sự hên xui: Sự rủi may.

Chúng tôi thấy nhiều đồng bào miền Bắc biết tiếng xui xẻo, nhưng tìm trong V.N.T.Đ. không thấy tiếng ấy, hoặc tiếng xui.

Be ghe (danh từ ghép) Mạn thuyền.

Thây hoặc thây kệ (Trạng từ) Mặc.

Lối phải thây ai, chẳng lụy cầu,
Sao bằng thông thả một cần câu;
Cứ Tr

Đặt (động từ) Cắt. Đặt rượu = Cắt rượu.

Cây (danh từ) Gổ. Cây đổ xuống, cưa ra, bào xong cũng vẫn còn gọi là cây.

Lóng (danh từ) Có lẽ do tiếng lúc mà ra = Độ này. Lóng này tôi bạn.

Đôn (danh từ) Có lẽ do tiếng độ mà ra — Độ này. Đôn rày anh hay đi vắng. Tiếng đôn dùng với chữ rày chớ không dùng với chữ này như tiếng lóng.

Trần (danh từ) Cái cùm.

Đóng trần (động từ ghép) Cùm (cùm đây là động từ, nghĩa là giữ chân lại bằng cái cùm).

Thăng (động từ) Hăm hoặc phanh.

Màng tang (danh từ) Thái dương (Tempe).

Bán sĩ (động từ ghép) Bán buôn.

Phăng tây (danh từ ghép) Faux. Dụng cụ này hơi tựa tựa cái phăng (phăng là nông cụ đặc biệt của miền Nam) nên miền Nam gọi ngay là phăng tây. Nhưng miền Bắc lại kêu là lưỡi hái, y như gọi cái faucille (Nhiều sách miền Bắc vẽ từ thân cầm cái phăng tây, rồi chua là thân cầm lưỡi hái). Miền Trung (Đào-duy-Anh) lại gọi là cái liềm phát cỏ.

Quặn (danh từ) Phểu (Entonnoir).

Xuồng (danh từ) Mai (Một mai, một cuốc, một cần câu).

Vạt (danh từ) Tà (áo).

Tàn lang (danh từ) Tơ trời. Ở Nam vẫn có tiếng tơ trời, nhưng chỉ dùng trong văn thơ thôi.

Nhà tô (danh từ ghép) Nhà gạch. Danh từ *nhà tô* chỉ ở thôn quê miền Đông dùng mà thôi. Ở các thành phố vì nhà thường bằng gạch nên người ta chỉ nói nhà không mà thôi. Muốn nói rõ hơn vì lý do nào đó, người ta nói bằng đoạn câu (périphrase) chớ không dùng danh từ :

Nhà tô bằng cây, bằng gạch v...v...

Ăng ong (Động từ ghép) Đốt ồ ong để cướp mật và sáp.

Ăn ngan (Động từ ghép) Ăn ong. Động từ này chỉ thông dụng ở Cà-mau, Rạch-giá thôi.

Thấy chúng tôi ngạc nhiên trước động từ kỳ dị ấy, bạn Sơn-Nam, một bạn khảo cổ trẻ tuổi, mách cho biết rằng P. Của có định nghĩa danh từ *Phong ngan* là *rừng ong* ? và cho rằng *ngan* do *ngan* mà ra.

Cổ nhiên *phong* là con ong, nhưng *ngan* là rừng thì thật chỉ mới thấy lần đầu trong P. Của.

Nếu cho rằng *ngan* là biến thể của *ngàn* thì hóa ra P. Của đã ghép một tiếng nhỏ (phong) với một tiếng nôm (ngàn) và cho đầu là thể đi nữa, *ăn ngan* là *ăn rừng* chớ cũng chưa là *ăn ong* được.

Đoàn phong ngan (Danh từ ghép) Danh từ mới tạo chừng mười năm nay ở vùng Rạch-giá để chỉ đoàn người đi ăn ong. Tuy mới tạo nhưng danh từ đã được phổ biến. Người tạo danh từ đã mượn ngay cái tiếng kỳ lạ trên kia của P. Của.

Ổng (Danh từ) Kiến trúc nhỏ hình lục giác ở các ồ ong, dùng làm buồng cho ong non. Nhiều Pháp Việt từ điển không biết danh từ sẵn có này của ta, nên dịch tiếng *alvéole* ra là *lỗ tổ ong*.

(Định nghĩa và nhận xét của Sơn-Nam)

Tum (Danh từ) Chòi nhỏ hình nón của đoàn ăn ngan gốc Miên (Khtôm = hutte, Dictionnaire Français — Cambodgien Hongkong 1910)

(Định nghĩa và tầm nguyên của Sơn-Nam).

Thum (Danh từ) Chòi nhỏ. Tiếng thum cũng có thể là nguồn gốc của tiếng tum định nghĩa ở trên.

(Định nghĩa của Sơn-Nam).

Đót (Danh từ) Chiếc gậy bằng mây ở đầu có tra mũi nhọn bằng kim khí dùng chích trâu bò cho chúng làm việc.

Đót (Động từ) Chích trâu bò bằng cây đót.

Đót (*Động từ*) Đám thóc, nói ra nói vào với bề trên để hại người cùng hàng với mình.

Đen tiền (*Tính từ ghép*) Biển thề bình dân của *đen toàn* = toàn đen. Nói con trâu, con heo, toàn thân một màu đen, chớ không nó xen đốm trắng.

Tính từ nghịch lại là lang : *heo lang*.

Cườm tay (*Danh từ ghép*) Cờ tay.

Hèn chi (*Trạng từ*) Thảo nào.

Miền là (*Trạng từ*) Quý hồ.

Tính rợ (*Động từ ghép*) Tính nhảm.

Tưởng ăn (*Tính từ*) Tánh người cả đời chỉ nghĩ đến chuyện ăn uống.

Bánh tráng (*danh từ*) Bánh da

Chả giò (*danh từ*) Nem rán

Chả lụa (*danh từ*) Giò

Cù lao (*danh từ*) Miền Bắc ăn tạp-pí-lù trong cái cù lao. Miền Nam thì món ăn trong cù lao lại là món nấu chín. Thành ra ở Bắc ăn cù lao là ăn tạp-pí-lù. Còn ở Nam, ăn cù lao là ăn một thứ canh thập-cầm của Khách Triều-Châu, đựng trong cái cù lao.

Chao đỏ (*danh từ*) Đậu phụ nhự

Đậu hủ (*danh từ*) Đậu hay đậu phụ

Tàu hủ (*danh từ*) Tàu phở. Có nơi (Hải-phòng) nói tàu phừ.

Ở đậu (*thành ngữ*) Ở trọ.

Bánh da lợn (*danh từ ghép*) Các nhà ngôn ngữ học của ta đều ngạc nhiên về danh từ miền Nam này. Con heo thì luôn luôn gọi là con lợn. Nhưng bánh da heo lại không gọi bánh da heo, mà gọi bánh da lợn.

Luôn tiện cũng xin tả bánh da lợn chính hiệu, mà đồng bào di cư vào đây chưa được thấy (bánh da lợn bán ở Saigon là một thứ bánh đã biến thể xa nguyên hình).

Bánh gồm nhiều lớp bột dây cỡ như da heo, và đặc sắc là *gỡ ra từng lớp được*. Mỗi lớp mỗi màu khác nhau, thành ra có dải phái đoàn ngoại giao nước nào thì bỏ màu theo những màu cờ của nước đó, và rất được cảm tình. Thí dụ dải Pháp thì làm ba lớp : xanh, trắng, đỏ.

(còn tiếp)

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

và

NGUYỄN-NGU-Í

- ★ Không có người nào thâu lượm được kết quả tốt đẹp mà lại không từng phải nỗ lực một cách kiên trì.
- ★ Trời bắt ta nghèo, khổ, lo, buồn là mai giũa ta để cho ta kiên gan, bền chí. (Trương Hoành Cừ)
- ★ Phải thông minh, cố nhiên rồi. Nhưng trước hết phải có ý chí, một ý chí cương quyết, không gì lung lạc được. Hãy lựa lấy một lý tưởng, rồi nhắm thẳng vào lý tưởng ấy như nhắm vào một ngôi sao bắc cực. Làm việc phải gắng gỏi và có chỉ huy thì mới thành công được. (Foch)

TỪ ĐIỂN Y NGỮ VIỆT - NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đầu từ B. K số 39)

A

activité analytique :

- (T) — Phân tích hoạt động.
- (V) — Sức hoạt động phân tích.

activité cellulaire :

(Cellule : Tế bào.)

- (N) — Tế bào hoạt động lực.
- (V) — Sức hoạt động tế bào.

activité chimique :

- (T) — Hóa học hoạt động tính ; — Hóa học hoạt độ.
- (V) — Hoạt động hóa học ; — Hoạt độ hóa học.

activité de défense :

- (N) — Phòng ngự cơ năng.
- (V) — Hoạt động phòng ngừa.

activité fonctionnelle :

- (T) — Cơ năng hoạt động.
- (V) — Hoạt động cơ năng.

activité mitotique : (mitotique, ở chữ Hi-lạp : mitos, nghĩa là sợi dây, sợi chỉ.)

- (N) — Hữu hệ phân liệt cơ năng. (Hệ : sợi giây.)
- (V) — Hoạt động mi-tô-tích. (xem chữ mitose.)

activité réflexe :

- (T) — Phản xạ hoạt động.
- (V) — Hoạt động phản xạ.

activité sécrétoire.

- (T) — Phân tiết tính hoạt động. (Tiết, nước rỉ ra.)
- (V) — Hoạt động phân tiết, — hoạt động bài tiết.

activité spécifique.

- (T) — Đặc thù tính hoạt động. (đặc thù, riêng biệt, khác hẳn mọi thứ thông thường.)
- (V) — Hoạt động đặc thù, riêng biệt.

activité spontanée.

- (T) — Tự phát tính hoạt động.
(V) — Hoạt động tự phát, tự nhiên.

activité végétative.

- (T) — Sinh trưởng tính hoạt động.
(V) — Hoạt động sinh trưởng, — hoạt động thực vật.

activité vitale.

- (T) — Sinh hoạt cơ năng.
(V) — Cơ năng sinh hoạt.

A.C.T.P. Một chất pô-li-pép-ti-đơ lấy ở tuyến I-pô-phi (hypophyse) và có lẽ mạnh hơn chất A.C.T.H. tám lần.

acuclosure. (*acus*, cái kim, nhọn.)

- (T) — Dụng châm chỉ huyết pháp.
(*châm*, cái kim ; *chỉ*, làm cho ngừng lại, cầm lại ; *huyết*, máu.)
(N) — Triền phùng.
(*triền*, quấn, bọc ; *phùng*, khâu, vá.)
(V) — Phép dùng kim để cầm máu.

acuesthésie. xem chữ *acouesthésie*.

acufilopressure.

- (*pressure*, sự ép, sự đè, sự bóp chặt.)
(T) — Châm tuyến áp pháp. (*tuyến*, sợi dây, chỉ) (*áp*, ép.)
(N) — Triền phùng pháp.
(V) — Phép châm áp. (đề cầm máu.)
— Theo lối này, người ta cầm máu bằng cách vừa dùng kim và vừa buộc thắt động mạch chỉ.

acuité.

- (T) — Mẫn độ. (*mẫn*, sáng, thông minh.)

- (N) — Tiên nhuệ, tiên minh. (*tiên*, mới mẻ, tốt ; *nhuệ*, sắc sảo, tinh.)

- (V) — Sự sắc sảo, sự kịch liệt, — mẫn độ.

acuité auditive.

- (T) — Thính mẫn độ. (*thính*, nghe, sự nghe thấy.)
(N) — Thính lực.
(V) — Sức sáng tai. — Thính lực.

acuité visuelle.

- (T) — Thị mẫn độ. (*thị*, nhìn, sự nhìn thấy.)
(N) — Thị lực.
(V) — Sức sáng mắt, — Thị lực.

acuminé. (*acuminate*)

- (T) — Tiêm nhuệ trạng.
(N) — Tiêm nhuệ.
(V) — Nhọn.

acupression (*acupressure*)

- (T) — Châm áp pháp.
(N) — Châm áp pháp.
(V) — Phép cầm kim để cầm máu.

acupuncture (*stylotaxis*)

- (*acus*, kim ; *puncture*, chọc, cầm.)
(T,N) — Châm thuật.
(V) — Khoa châm, (dùng kim nhỏ bằng vàng, hay bạc, cầm vào da để chữa bệnh, theo phương pháp cổ truyền Trung-hoa.)

acus.

- (T) — Ngoại khoa châm.
(N) — Châm ; Châm trạng đột khởi.
(V) — Cái kim,.

acusection. (*section*, cắt ngang.)

(T) — Điện châm thiết thuật.

(N) — Điện khí châm thiết khai. (*thiết khat*, cắt mở.)

(V) — Thuật cắt bằng kim điện.

acusector. (Kelly's electric needle.)

(T) — Điện châm dao.

(V) — Kim điện. (của Kelly.)

acusimeter (*acusiometer*.)

xem chữ *acoumètre*.

acute. xem chữ *aigu*.

acuteness. xem chữ *acuité*.

acutenaculum. (*needle - holder*.)

(T) — Trì châm khí. (*trì*, cầm.)

(N) — Châm bà trì khí.

(V) — Cái cán kim.

acutomy. xem chữ *acusection*.

acutorsion. (*torsion*, sự vặn xoắn.)

(T) — Châm nữu chuyển pháp. (*nữu*, vặn trối, xoắn.)

(N) — Xuyên thích niễn niệp pháp. (*xuyên thích*, cầm chọc ; *niễn*, vò, vặn ; *niệp* đè, trối.)

(V) — Phép vừa cầm kim vừa vặn (đề cầm máu.)

acyanoblepsia (*acyanopsia*, *acyanoblepsie*). (*a*, không có ; *cyano*, màu xanh ; *blepsie*, nhìn.)

(T) — Lam sắc manh. (*lam*, màu lam ; *manh*, mù.)

(N) — Thanh sắc manh. (*thanh*, màu xanh.)

(V) — Bệnh mù xanh. (Bệnh nhân không nhận được ra màu xanh và màu vàng.)

acyclia.

(T) — ?

(N) — Thề dịch tuần hoàn đình chỉ. (*dịch*, chất lỏng, chất nước ; *tuần hoàn*, sự theo thứ tự mà xoay vần và trở về chỗ cũ hay trạng thái cũ.)

(V) — Sự mất tuần hoàn của thề dịch.

acyclique. (*acyclic*.)

(N) — Phi hoàn trạng ; phi chu kỳ đích. (*phi*, chẳng, không ; *chu kỳ*, thời gian một vật bị chấn động một lần, — thời gian mà một chứng bệnh cần có để lại diễn ra như trước.)

(V) — Mất tuần hoàn, — Mất chu kỳ.

acyesis. (*aciesis*.)

(T) — 1° — Bất dụng. (*dụng*, chữa, có mang.)

2° — Bất dục. (*dục*, nuôi nấng.)

(N) — Phụ nhân bất nhậm chứng. (*nhậm*, có mang.)

(V) — 1° — Đàn bà son sẻ.

2° — Không có mang.

3° — Để khó. (Tiếng Việt-nam có nhiều chữ riêng để chỉ sự không đẻ hoặc không sinh nở ; Ti dụ chữ *Đưng* chỉ về cây cối không sinh quả ; chữ *Chươn* để chỉ loài vật không sinh con ; và chữ *Son* (hoặc *son sẻ*) để chỉ một cặp vợ chồng chưa có con, hay không có con, muộn mắn, hiếm.)

acystia. (*acystie*) (*a*, thiếu, không có ; *cystia*, ở chữ Hi-lạp *Kustis*, nghĩa là bọng đái, bàng quang.)

(N) — Tiên thiên tính bàng quang khiếm tồn (*Tiên thiên lĩnh*, mới sinh ra đã có.)

(V) — Tật thiếu bàng quang, — thiếu bọng đái.

acystinervia. (*acystinervie, acystineuria.*)
(*nervia, ở chữ Hi-lạp Neuron, nghĩa là giây thần kinh.*)

(N) — Bàng quang thần kinh thất điều chứng.

(V) — Chứng liệt bàng quang. (*Paraly-sie de la vessie.*)

AD. viết tắt của chữ *Diphenilchlorarsine.*

ad. Tiếp đầu ngữ để chỉ sự hướng về, hoặc sự thêm vào.

add. chỉ sự thêm vào..

ad libitum.

(T) — Tùy ý.

(V) — Tự do ; tùy ý.

A.D.A. viết tắt của những chữ

1^o — *American Dental Association* ; Hội ở bên Mỹ chuyên về Nha-khoa.

2^o — *American Dietetic Association* ; Hội bên Mỹ chuyên khảo về sự doanh dưỡng và cách ăn uống.

3^o — *American Diabetic Association* ; Hội bên Mỹ chuyên khảo về bệnh đái ra đường. (Đường niếu.)

adacrya. (*a, thiếu, không có ; dacrya, ở chữ Hi-lạp dakruon, nghĩa là nước mắt, lệ.*)

(T) — Vô lụy. (*lụy, nước mắt.*)

(N) — Lệ bất túc ; Lệ dịch khiếm như. (*bất túc, không đủ ; khiếm như, thiếu.*)

(V) — Chứng thiếu nước mắt, — khan nước mắt.

adactylia. (*adactylism.*)

(*a, thiếu ; dactylia, ở chữ Hi-lạp daktylos, nghĩa là ngón tay.*)

(T) — Vô chi. (*Chi, ngón tay, hay ngón chân.*)

(N) — Tiên thiên tính chi chỉ khiếm như chứng.

(V) — Tật thiếu ngón. (tay hay chân.)

adamant. (*enamel, émail.*)

(ở chữ *adamas*, nghĩa là kim cương.)

(T) — Du chất. (*du, men các đồ sứ.*)

(N) — Phiên âm ; — Pháp lang chất. (*Pháp lang, chất men ở răng.*)

(V) — Men răng.

adamantinocarcinome.

(T) — Du chất nham.

(N) — Phiên âm.

(V) — Nham men răng.

adamantinoma. (*adamantoma.*)

(T) — Du chất thượng bì nham.

(N) — Phiên âm.

(V) — Chứng sưng mồm răng.

adamantoblast. (*cellule adamantine, améloblast.*)

(T) — Thành du tế bào.

(N) — Pháp lang nha tế bào.

— Tạo pháp lang chất tế bào.

(V) — Tế bào sinh men.

adamantoblastoma. (*ameloblastoma.*)

(T) — Thành du tế bào nham.

(V) — Nham tế bào men.

adamantoma. xem chữ *adamantinoma.*

adamique. — Tên một giống người cổ mà người ta cho rằng sinh ở đất A-bít-si-ni (*Abyssinie*) bên Phi-Châu.

Adams-Stokes. (*Syndrome d'--*) hay còn tên là *Syndrome de Morgagni-Adams-Stokes.*)

(N) — Phiên âm.

(V) — Hội chứng A-đam-s tốc (chứng mạch máu chạy chậm.)

(Còn nữa)

băng khuâng

Này nhớ lại chuyện xưa ngày trước
Nỗi thương tâm sức tưởng mà đau.

A. S.

Hiu hắt ngàn cây lạnh gió chiều
Sông hồ ngao ngán bóng cô liêu
Mây ơi ! dừng lại trong giây lát
Ta trút tâm tư gởi ít nhiều.

Trăng lồng mắt đẹp sóng yêu đương
Say đắm hồn thơ bến hận trường
Những tưởng tao phùng duyên hạnh ngộ
Nào ngờ tình gởi gió muôn phương.

Sơ giao chi để tình lưu luyến
Ai xóa cho tan mộng buổi đầu
Một kiếp tầm tơ vương cảm lụy
Trăm năm hồ dễ đã quên nhau.

Gió đông đưa cợt cánh hoa đào
Thế sự thăng trầm chuyện thấp cao
Bề ai đắm chìm bao quốc sắc
Thuyền tình nước ngược sóng lao xao.

Gang tấc sao đành gọi cổ nhân
Đóa hoa tình ái nở bao lần
Ước thề còn nhớ lời năm trước
Trên cát xây lầu mộng ái ân.

Rồi đây ta sẽ thành thi sĩ
Đét mối tình thơ mấy vạn sầu
Ai kể ngàn sau chung cảnh ngộ
Đôi dòng dư lệ thấm tình nhau.

QUỲNH-HƯƠNG

Biết cách dùng người

Vua Định-Công nước Lỗ hỏi thầy Nhan-Hồi rằng :

— Nhà thầy có nghe nói Đông-Dã-Tất-Chi là người thiện ngự (một tay lành nghề về môn cưỡi ngựa) hay không ?

Nhan-Hồi thưa :

— Người ấy giỏi thì giỏi thực, nhưng ngựa của hắn tất sẽ có phen đánh tháo mà chạy...

Định-Công nghe có ý không được vui lòng.

Cách được ba ngày, có người chăn ngựa báo với Định-Công hai cỗ ngựa của Đông-Dã-Tất-Chi đứt cương đánh tháo. Định-Công được tin, vội vàng cho mời Nhan-Hồi đến. Nhan-Hồi tới, Định-Công hỏi ngay :

— Bữa trước tôi có hỏi thầy về cách rèn ngựa của Đông-Dã-Tất-Chi, thầy trả lời là y giỏi thì giỏi thực, nhưng tất có phen ngựa đánh tháo mà chạy. Vì đâu thầy biết được như thế ?

Nhan-Hồi thưa :

— Cứ trông chính sách thì có thể biết được. Ngày trước vua Thuấn giỏi về mặt trị dân, Tào-Phủ giỏi về mặt rèn ngựa, nhưng vua Thuấn không dùng hết sức của dân và Tào-Phủ không dùng hết sức của ngựa ; vì thế vua Thuấn không có một người dân nào bỏ trốn và Tào-Phủ không có một con ngựa nào đánh tháo mà chạy. Nay Đông-Dã-Tất-Chi rèn ngựa, hề khi lên ngựa thì cương yên thật chặt chẽ, đi đứng thật khuôn phép, trải hết chỗ hiểm trở, vượt cả chỗ xa xôi, làm cho ngựa phải hết sức mà vẫn còn bắt ngựa chạy mãi không thôi. Do đó, thần có thể đoán biết ngay được.

Định-Công khen :

— Hay lắm, thực đúng như lời nhà thầy nói đó. Nhưng câu nói của thầy còn nhiều nghĩa rộng hơn, vậy xin thầy cho tôi được nghe thêm chút nữa.

Nhan-Hồi đáp :

— Thần nghe, loài chim đến chỗ cùng thì tất nó mổ lại, loài thú tới chỗ cùng thì tất cồ lại, loài người tới chỗ cùng thì tất lừa dối, loài ngựa tới chỗ cùng thì tất đánh tháo. Xưa nay chưa có bao giờ dồn kẻ dưới vào chỗ cùng mà lại không nguy hiểm.

Định-Công nghe nói lấy làm vui thích, đem chuyện thuật lại cho Khổng-Tử nghe. Khổng-Tử cười, thưa rằng :

— « Chính vì thế mới gọi là Nhan-Hồi đó ! »

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

CUỘC PHIÊU LƯU

CỦA

Chàng sinh viên Đức

Washington Irving
(1783 — 1859)

NGUYỄN (dịch)



Vài dòng về tác giả.—

Irving là tác giả tập « *The legend of Sleep Hollow* » và « *Rip Van Winkle* », hai thiên truyện thuộc loại thuật kỳ (story telling) bất hủ của Hoa-kỳ. Ngày nay ông được coi như là một nhà viết tiểu luận (essayist) hơn là một nhà viết truyện ngắn. Trong một bức thư gửi cho một người bạn ông viết:

« Tôi coi một cốt truyện chỉ như một cái khung để tôi khai triển các văn kiện ».

Các văn kiện của ông là: không khí truyện, ý nghĩa, nét điển hình, lối diễn tả, nét hoạt kê và lời bình luận có tính cách chủ quan và hướng thiện. Ảnh hưởng của Addison đã đưa những màu sắc khả ái vào loại truyện thuật kỳ có khuynh hướng đạo đức và những truyện có tính cách thần thoại của Washington Irving. Những loại truyện thuật kỳ trên đây đã ảnh hưởng tới các cây bút trẻ không ít.

Truyện « Cuộc phiêu lưu của chàng sinh viên Đức » suy về phương diện bố cục có hơi kỳ dị đối với các độc giả thời nay, nhưng ta phải nhận rằng đây là một truyện khá thú vị.

Truyện này trích trong tập truyện ngắn « *Tales of a Traveller* », trong truyện có một nhóm người — trong đó có cụ già kể câu truyện dưới đây — quây quần nhau lại kể cho nhau các truyện kỳ lạ, lý thú.

VÀO một đêm khuya khoắt bão bùng, dưới thời cao trào Cách mạng Pháp đang sôi nổi, một thanh niên

Đức trên đường về chỗ trọ, băng qua một khu cỏ kính trong thành Ba-lê. Chớp lòa, sấm nổ vang rền trên những dãy

phổ hẹp, nhà cửa cao vồi vọi — nhưng hãy khoan, đề lão (1) kể cho quý vị rõ chàng thanh niên kia là ai đã.

Großfried Wolfgang là một thanh niên con nhà lương thiện. Chàng ta đã từng tòng học ở Göttingen một thời gian. Nhưng vì tính tình mơ mộng, bông bột nên chàng ta đắm say mê những lý thuyết huyền bí, dị kỳ, đã từng quyến rũ giới sinh viên Đức lắm phen. Cuộc sống cô độc, học hành quá độ, thêm vào đó, những tính chất huyền bí của các môn khảo cứu, đã ảnh hưởng đến cả tinh thần lẫn thể xác Wolfgang. Sức lực suy giảm, trí tưởng tượng lệch lạc, chàng ta miệt mài trong những quan niệm không tưởng về hồn phách, đến độ cũng như Swedenborg (2) chàng ta dựng lên quanh mình cả một thế giới ma quái riêng. Không hiểu sao, chàng ta cứ nhất định cho rằng : mình bị một con ma theo sát ám ảnh và một con quỷ chỉ chức đưa chàng ta vào tròng và đẩy chàng ta vào cảnh sa đọa. Ý tưởng ấy nhập vào cái tính khí ưu uất thiên bẩm, gây nên một ảnh hưởng vô cùng nguy hại. Wolfgang đắm ra bản thân, tuyệt vọng. Bạn bè nhận thấy cơn tâm bệnh đe dọa chàng ta, nên tính chuyện cho chàng ta đổi khung cảnh hầu chữa cơn bệnh tinh thần. Vì vậy, Wolfgang được gửi đi tiếp tục sách đèn giữa khung cảnh huy hoàng, tươi trẻ của Ba - lê. Wolfgang tới Ba-lê đúng vào lúc Cách-Mạng bùng nổ. Ban đầu niềm say sưa

của quần chúng lôi cuốn tâm hồn bông bột của gã thư sinh, chàng ta say mê những lý thuyết chính trị cũng như triết học đương thời. Nhưng những cảnh tàn sát đẫm máu kế tiếp, đã làm xúc động bản tính đa cảm của chàng ta, khiến Wolfgang đâm ghê tởm xá hội, nhân quần và lại càng thu mình trong cuộc sống ẩn dật. Wolfgang giam mình trong một căn phòng hiu quạnh ở trú khu sinh viên tại khu Latin. Trong khu phố ảm đạm, bên những bức tường khắc khổ như tu viện của Viện đại học Sorbonne, chàng ta lại miệt mài theo đuổi những lý thuyết đã làm chàng say mê xưa kia. Thỉnh thoảng chàng ở lì hàng giờ trong những thư viện lớn Ba-lê — hầm xác của các tác giả quá cố — lục lợi trong đám sách lưu trữ, những tác phẩm bụi bặm, lâu ngày không người mở tới, hầu thỏa mãn sự đòi hỏi của một thị hiếu bệnh hoạn. Chàng ta chẳng khác nào như một con quỷ văn nghệ tìm ăn trong căn nhà mồ của những tác phẩm tàn tạ.

Cuộc sống cô độc khép kín, khiến Wolfgang cảm thấy thiếu thốn, rạo rực, nhưng những thèm khát ấy chỉ hoàn toàn nằm trong lãnh vực tinh thần. Còn thư sinh kia vì quá rút rứt và bơ ngỡ trước cuộc đời, nên không gây được ảnh hưởng nào trước phái đẹp. Dầu vậy Wolfgang là một kẻ rất say mê nữ sắc. Trong phòng vắng chàng thư sinh của chúng ta thường thả hồn theo những đường cong tuyệt mỹ, những khuôn mặt diễm kiều, mà chàng ta đã may mắn được phen chiêm ngưỡng. Dĩ nhiên, với trí tưởng tượng mạnh mẽ của chàng, những hình ảnh ấy thường hẳn đã vượt xa sự thực.

(1) Lời ông già kể truyện.

(2) Emmanuel Swedenborg (1688-1772) khoa học gia Thụy-Điển, kiêm Triết gia và khảo cứu thần bí (mystic).

Trong khi tâm hồn chàng thư sinh đang nằm trong một tình trạng kích động quá độ như thế, thì một giấc mộng kỳ lạ gây cho chàng ta một xúc động mạnh. Wolfgang mộng thấy khuôn mặt diêm ảo của một giai nhân. Ấn tượng đó mạnh đến độ chàng mấy đêm mà chàng thư sinh của chúng ta không mộng thấy khuôn mặt người đẹp. Ngày thì nó ám ảnh tâm trí, đêm thì nó chập chờn hiện hiện trong giấc ngủ. Thế rồi Wolfgang đắm ra say mê cái hình bóng trong mộng kia. Tình trạng kéo quá dài như thế, khiến các điều mộng mị tiến hẳn thành một ý tưởng cố định, ám ảnh tâm trí những kẻ ưu uất và đôi lúc khiến họ lâm lẩn vì loạn trí, mê muội.

Đấy, sinh chàng Grottfried Wolfgang và trạng thái tinh thần của chàng ta lúc mới vào truyện là thế.

Chàng ta về muộn, dưới trời giông tố. Chàng ta đi qua những con đường xưa cũ, âm u thuộc khu Marais, một vùng cổ kính trong thành Ba-lê. Chàng đi về phía công trường Grève, nơi pháp trường xử những vụ tử hình công khai. Chớp giạt ngoằn ngoèo trên đỉnh tòa Đô-Sảnh cũ, lập lòe rọi sáng khu đất trước mặt. Wolfgang đang lăm lăm đi ngang qua pháp trường, thì bất giác kinh hoảng lùi lại vì thấy mình gần sát ngay chân máy chém. Thời đó là thời kinh hoàng ngự trị, chiếc máy tang tóc đáng sợ đứng sừng sững, sẵn sàng chờ đợi, lưỡi dao lúc nào cũng ròng rọc nhỏ máu những kẻ cương trực, can trường. Thời đó những chiếc máy ấy được tích cực dùng vào việc tàn sát, và ở nơi công trường này chúng đứng thành hàng lạnh lùng

thảm đạm — giữa kinh thành im lìm say sưa giấc điệp — chờ đợi những nạn nhân sắp tới.

Wolfgang sồn gai ốc, rùng mình rẽ tránh chiếc máy kinh tởm, đúng lúc đó chàng nhận thấy một bóng dáng lơ mờ, hình như ngồi gục ở chỗ chân thang dẫn lên máy chém. Một loạt chớp sáng lòa soi rõ cảnh vật. Đó là một thiếu nữ phục sức toàn đen. Nàng ngồi trên một nấc thang thấp dưới chân máy chém, mình cúi gập về phía trước, mắt áp xuống đùi, tóc xòa rũ xuống đất, cơn mưa như thác lũ đổ lên mái tóc, nước chảy thành hàng như suối.

Wolfgang dừng bước. Cảnh tượng cô liêu, thê thảm ấy mới ghê rợn làm sao. Trong giáng điệu thì thiếu nữ không phải là kẻ thuộc đám tiện dân. Wolfgang hiểu rằng thời ấy là lúc biến dân, biết bao kẻ *dòng dôi* trăm anh thế phiệt sống nơi trường hoa nệm gấm mà nay phải vò vạt không chốn nương thân.

Người thiếu nữ kia chắc là một trong những kẻ đã bị lưỡi dao oan nghiệt kia cướp hết người thân, biến nàng thành một kẻ bơ vơ, đơn độc, chắc hẳn nàng đang đau đớn ngồi nghĩ đến cuộc đời sóng gió, nghĩ đến những người thân đã bị đẩy vào cõi hư vô.

Chàng tiến lại gần, cất giọng dịu dàng han hoi. Thiếu nữ ngừng đầu lên nhìn chàng sững sờ. Chàng mới ngạc nhiên làm sao, khi thấy dưới ánh chớp, đúng khuôn mặt đã từng ám ảnh chàng trong mộng. Khuôn mặt xanh tái, u sầu, nhưng mới kiều diễm làm sao!

Run run vì xúc động, Wolfgang lại cất tiếng hỏi người thiếu nữ. Chàng hỏi vì sao nàng lại đây dọa tẩm thân giữa lúc khuya

khoắt mưa gió thế này, chàng ngỏ lời xin dẫn thiếu nữ về nhà bạn hữu nàng. Người thiếu nữ hướng về máy chém, phác một cử chỉ thăm dạm :

— « Tôi còn đâu bề bạn ở cõi trần ai này ! »

— « Nhưng còn nhà cô. »

— « Vâng ; — ở nơi đáy huyết. »

Lời đáp làm Wolfgang tan nát cả cõi lòng.

Chàng nói :

« Nếu như lời đề nghị giúp đỡ của một ngoại nhân không đến nỗi bị hiểu lầm, tôi xin cô cứ coi tệ xá như nơi trú ngụ và tôi như một người bạn nhiệt thành. Chính tôi đây cũng là một kẻ từ cổ vô thân, một khách lạ tại thành Ba-lê này ; nhưng nếu như thân hèn này có thể giúp đỡ được gì, thì xin cô cứ truyền dạy, tôi xin sẵn lòng hy sinh tính mạng, trước những điều xúc phạm hay những mối nguy hiểm có thể hãm dọa đến tính mạng cô.

Cử chỉ chân thành của chàng thanh niên đã có hiệu quả. Giọng nói có âm hưởng ngoại quốc cũng phần nào có lợi, nó chứng tỏ chàng không phải là một kẻ

thị dân màu mè khuôn sáo của kinh thành ánh sáng. Quả thực, những lời hùng biện nhiệt thành kia chẳng phải là lời sáo mếp. Nàng thiếu nữ không nhà sẵn lòng phó thác thân nàng cho chàng sinh viên che chở.

Chàng dìu nàng bước thấp bước cao qua Cầu Neuf, ngang nơi bức tượng

Henri đệ tứ bị quần chúng phá đổ. Giông tố dịu dần, sấm râm ran ở đằng xa. Toàn thể kinh thành chìm trong im lặng ; cái ngọn hỏa sơn của dục vọng nhân loại dịu xuống trong chốc lát, thâu góp sức mạnh mới chuẩn bị cho cuộc chuyển mình ngày mai. Chàng sinh viên dìu thiếu nữ theo những nẻo lường cổ kính trong khu La-tin, ngang qua dãy tường xám xịt của Viện Đại Học Sorbonne, tới khách sạn tối tăm

âm dạm mà chàng cư trú. Bà lão gác cổng sững sốt trước cảnh anh chàng Wolfgang lăm lăm thương nhật cặp kè một cô bạn gái.

Bước vào phòng, lần đầu tiên trong đời, Wolfgang đổ mặt vì vẻ trống trải lạnh lùng của nơi trú ngụ. Đó chỉ vón



ven có một phòng — 1 phòng khách kiểu cổ — trạm trổ nặng nề, trang trí cầu kỳ với những di vật của thời huy hoàng xưa, vì đây là một trong những khách sạn thuộc khu lâu đài Luxembourg, thuộc quyền sở hữu của phe quý tộc trước kia. Chiếc giường của chàng nằm trong một xó, giấy tờ, sách vở, học cụ ngổn ngang.

Khi đèn đã thấp sáng, Wolfgang được dịp ngắm người thiếu nữ lạ mặt một cách kỹ lưỡng hơn, tâm thần lại càng thêm mê mẩn trước vẻ diễm kiều của nàng. Mặt nàng hơi tái nhưng mới thanh tú làm sao, làn tóc huyền buông lơi, rủ quanh khuôn mặt lại càng làm tôn thêm vẻ diễm kiều. Đôi mắt lớn, sáng long lanh, cái nhìn xa xôi như hướng về nơi vô định. Chiếc áo choàng đen rộng cũng cho ta thấy phần nào thân hình đều đặn của nàng. Mặc dầu phục sức giản dị, nhìn chung thiếu nữ có một vẻ hấp dẫn lạ lùng. Chỉ có tấm băng đen rộng nạm kim cương quấn quanh cổ là hơi có vẻ dị kỳ.

Wolfgang bắt đầu phân vân không biết sắp đặt cho người thiếu nữ đáng thương chỉ còn biết trông cậy vào sự che chở của chàng ra sao. Chàng định nhường phòng cho nàng, còn mình đi trú tạm nơi khác. Nhưng chàng đã bị cái vẻ diễm kiều kia thu hút, tâm trí như bị dụ hoặc, thành thử chàng khó có thể xa nàng. Cứ chỉ nàng thiếu nữ cũng có vẻ kỳ lạ, bất nhất khó lường. Nàng không còn dả động đến mấy chém nữa. Niềm sầu thảm của nàng như đã vợi. Sự lưu tâm của chàng sinh viên mới đầu chiếm được lòng tin rồi trái tim

nàng. Tính người thiếu nữ cũng bằng bột như Wolfgang và những kẻ đồng khí ắt phải tương cần.

Trong lúc tình cảm trào dâng dào dạt ấy, Wolfgang thờ lộ nổi lòng. Chàng kể lại giấc mơ huyền bí, chứng cho người thiếu nữ lạ mặt rõ hình ảnh nàng đã xâm chiếm trái tim mình từ thuở chưa gặp mặt. Nghe chuyện mà nàng sùng sốt và cũng chẳng dấu cảm tình dào dạt của nàng đối với Wolfgang. Thuở đó là thuở lý thuyết và hành động tự do quá mức đang độ thịnh hành. Những thành kiến, dị đoan đều bị gạt bỏ, tất cả đều cúi đầu dưới sự lung lạc của vị « Thần Lý Trí ». Những hình thức lễ nghi về hôn lễ trong lệ tục vô nghĩa xưa, dưới mắt của những nhà trí thức đương thời, chẳng qua chỉ là những ràng buộc vô ích. Thuyết xã hội kết liên lại đang lúc thịnh hành. Thế nên, Wolfgang, một kẻ chuyên sống theo lý thuyết, sao tránh khỏi không bị ảnh hưởng bởi những lý thuyết tự do đương thời.

Chàng bảo thiếu nữ :

« Chúng ta lia nhau sao được ? Tìm chúng ta hòa chung một nhịp : dưới ánh sáng lý trí và danh dự chúng ta chỉ là một. Những hình thức ti tiện nào có nghĩa chỉ trong cuộc liên kết những tâm hồn cao thượng này ? »

Thiếu nữ lạ mặt những nghe mà xúc động, rõ ra là bạn đồng chí đồng tâm.

Chàng sinh viên tiếp lời :

« Em nay không còn nhà cửa, thân thích cũng không. Xin em cho anh cái vinh dự được thay thế tất cả những cái đó, hay hơn nữa chúng ta hãy cố là mọi

nguồn thương mến đề rồi cùng san sẻ
bù đắp lẫn cho nhau. Nếu như hình thức
là cần, anh xin theo — đây, tay anh đây.
Anh xin mãi mãi trung thành cùng em.

Thiếu nữ cất giọng dăm chiêu :

— Mãi mãi ?

Wolfgang lập lại :

— Mãi mãi !

Thiếu nữ nắm lấy tay Wolfgang thì
thào :

« Vậy từ nay em thuộc về chàng »,
đoạn nàng gục đầu vào ngực chàng.

Sáng hôm sau, từ lúc tỉnh sương,
chàng sinh viên để người vợ mới cưới
ngủ yên, rón rén rời phòng, đi tìm một
căn nhà thích hợp với hoàn cảnh mới.
Lúc về Wolfgang thấy nàng nằm ngoạ
đầu khỏi giường, một tay vắt ngang
mặt, Wolfgang đánh tiếng, nhưng không
thấy trả lời. Chàng lại gần định đánh
thức nàng dậy. Khi cầm đến tay, chàng
thấy lạnh ngắt như đồng — mạch không
động — mặt nàng xám ngoét, ghê rợn.
Nàng chỉ còn là một thây ma.

Kinh hoàng chàng hô hoán ầm ĩ. Hàng
xóm láng giềng đổ cả lại. Cảnh sát được
mời tới. Vào phòng, trông thấy xác chết,
viên đội trưởng Cảnh sát kinh hãi lùi
lại. Hân kêu lên :

« Trời ơi ! Sao người đàn bà này tới
được đây ? »

Wolfgang vội vã hỏi :

« Ông có biết nàng là ai không ? »

Viên đội Cảnh sát đáp lớn :

« Sao lại không ? Nàng vừa bị chém
hôm qua. »

Hân tiến đến, tháo băng vải quấn
quanh cổ xác chết, đầu người thiếu nữ
lấn xuống sàn !

Chàng sinh viên kinh hoàng cực độ,
gào lên :

« Quỉ ! Quỉ đã cướp mất linh hồn tôi !
Tôi không thể thoát được tay chúng nữa
rồi ! »

Mọi người cố tìm cách trấn tĩnh và
an ủi chàng nhưng vô ích. Chàng nhất
mức cho rằng ma quỷ đã làm xác người
thiếu nữ hồi sinh để dử chàng vào bẫy.
Chàng sinh viên đâm ra loạn trí và rồi
chết trong một nhà thương điên.

Đến đây ông lão quái dị chấm dứt câu
chuyện.

Một người tò mò hỏi : « Truyện vừa
rồi có thật không hở cụ ? »

Ông lão đáp : « Thật chứ, lão được
một người đáng tin cậy nhất kể lại.
Chính chàng sinh viên kể lại cho lão
nghe mà. Lão gặp hân ta ở trong một
nhà thương điên tại Ba-lê. »

NGUYỄN

(17-1-59)

*Dịch theo truyện "Adventure
of the German Student."*

★ Có dám làm mới thành việc, có tổ chức mới đạt được kết quả.
Nhưng cái mà ta tưởng là « may » thường khi là kết quả
của bao nhiêu cương quyết, bao nhiêu nỗ lực.

trước hiên xuân sớm

Mới mẻ xuân về, ai có vui ?
Hiên xuân, say ngắm sớm xuân, cười :
Chim câu (1) cánh lượn nghiêng đầu gió,
Hoa giấy (2) cành vươn chấm mặt trời.
Nét họa lung linh, giai cảnh ấy,
Tình thơ giáo giát, thiếu niên ai ?
Quốc kỳ tô điểm thêm xuân đẹp,
Rượu dốc sơn hà, chén dễ vui ! !

Xuân Kỳ-Hội (1959)

(1) biểu hiệu Hòa-bình

(2) Loài hoa Tây, trồng nhiều ở Nam - Phần, nhất ở Đồ - thành
Sài Gòn. Hoa màu tím, hoặc màu đỏ vàng, nở về mùa xuân rất rực rỡ ;
Lá xanh, cành dài, trồng trước hiên, cửa, hay giậu, rất đẹp.

Cách trị dân của người quân tử

Việc làm là đầu gốc của chính trị. Lời nói là đường dẫn đến tình thân. Chính trị hay, giỏi thì việc làm giản dị mà dân không oán, lời nói điều hòa mà dân không biến. Pháp độ vững ở thân mình thì dân đều bắt chước. Sáng suốt tự ở thân mình thì dân được hiểu rõ.

Vi bằng chỉ cung đốn cho mình mà không dè sẻn thì đường lối sinh sản tài lợi tất phải kém đi. Chỉ biết tham lam những tài lợi không thể có được thì chính sách hay tất sao nhãng dần đi. Cầu thả mà rối rít thì lời nói hay, dân cũng không nghe. Tình trường dễ thu nạp thì những điều can gián hằng ngày đưa tới luôn luôn...

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

MÙA XUÂN

cao nguyên

Tường-Linh

trao người đồ thị



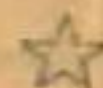
Hoa dại nhẹ cài lên mái tóc
Ngây thơ, sồn nức hé môi cười
Sớm nay giòng suối trong như lọc
Soi bóng thông ngàn nẩy lộc tươi.



Kha-la... kha-la... chinh kha-la
Tiếng cồng thôn bản tiếp âm ba
Tiếng cồng báo hiệu mùa xuân đến
Khi nắng vàng in đỉnh núi xa.



Cửa liếp nhà ai rộng mở rồi
Trẻ thơ chồm dậy vịn quai nôi
Sương tan, rừng thẳm khoe màu lục
Gió nhẹ nhàng lay khóm trúc cội.



Khói biếc vươn lên nhũng mái gò
Ngát ngào mé bản thoảng hương xôi
Quanh nhà phe phẩy hoa lan trắng
Lan trắng! Lòng trinh của núi đồi.



Ở đây xuân thiếu muôn màu áo
Nhưng sẵn sàng trao những nụ cười
Buông trúc rượu cần, say lão đảo
Rừng yên, suối đẹp thả thơ chơi.



Mùa mới cao nguyên vẫn đậm đà
Xuân về hoa trắng ngát hương xa
Tàn xuân xuống núi về đồ thị
Còn gửi bài thơ trên đá hoa...

Chèo Rèo, - một mùa xuân

TƯỜNG LINH

— một cái tết

TRONG RỪNG —

● *TRUYỆN NGẮN của VŨ-HẠNH*

CHA tôi qua đời được một năm thì mẹ tôi giữ vẹn chữ tòng. Chỉ còn mình tôi ở lại với cái gia tài khá lớn. Mấy chú mấy bác tôi vốn là những người giàu có, tự cho đầy đủ kinh nghiệm trong việc quản trị tiền của, nên sau một ngày bàn cãi sôi nổi bên cạnh quan tài mẹ tôi, thỏa thuận chia xẻ cái gia tài kia ra làm nhiều phần không đều nhau để gánh vác giúp tôi. Sau cùng, chỉ còn lại mình tôi. Ông nào cũng thấy cái đáng giá tài là một việc mệt nhọc quá rồi, nay còn phải nuôi thêm một đứa cháu nữa là một điều ngoài sức tưởng tượng. Có ông lại bảo rằng tôi là một đứa trẻ học hành thông minh, sau này chắc có một sự nghiệp lớn lao và sợ mình không đủ sức để nuôi dưỡng một tài năng như thế nên đành phần cho ông khác. Rốt cuộc, ông nào cũng đồng ý với nhau như vậy, cho nên vấn đề trở nên hết sức khó xử.

Cuối cùng cần phải ra về cho yên tâm nên người ta quyết định gọi tôi qua

phía ngoại là tiện hơn cả, và tôi được đưa lên nhà một người cậu buôn bán ở tận miền nguồn. Ngày tôi mới đến, cậu mợ tôi tiếp tôi như đón một món hàng quá thời. Suốt trong bữa ăn đầu tiên, thỉnh thoảng tôi bắt gặp cậu tôi liếc về phía tôi một cách vội vàng, sau đó, trong lúc ngồi xia răng, ông gọi tôi lại mà bảo:

— Tao đã có dịp coi kỹ tướng mày trong lúc ăn rồi. Mày có một tương lai khá lắm.

Ông dừng lại, chìa cái tăm lên gần mũi để người xem chút ít đồ ăn vừa khơi được trong các kẽ răng có chính thực là những thứ đã giam giữ quá hạn chưa, rồi tiếp:

— Nhưng tướng mày chỉ khá được trong sự buôn bán chứ theo đuổi con đường chữ nghĩa thì không ăn thua gì đâu. Kề thì như vậy cũng tiện, vì miền này không có trường học.

Rồi ông hạ giọng, thân mật:

— Thôi, ở đây mà học tập buôn bán với cậu, con ạ.

Từ đó tôi trở thành một thứ hề đồng leo đẹo theo sau cậu tôi để tập sự bán buôn. Tôi còn nhớ rõ, vào một việc cuối năm, cả nhà đang chung dọn để chờ Tết thì có tin từ phố Hội đưa lên giá chè cao vọt bất ngờ. Cậu tôi là một tay buôn sành sỏi và ông hiểu rất kỹ rằng có gan mới làm giàu nên không bỏ qua một cơ hội thuận tiện nào để tranh thủ món lợi. Bởi thế ông quyết định đi ngay vào các vùng có chè để đặt giá trước. Còn bốn ngày nữa là Tết nên mọi tôi tỏ ý hết sức phân vân. Sau cùng, trước viễn ảnh một món lời to sụ, bà ta không muốn ngăn cản đến lần thứ hai. Nhưng khi cậu tôi ra khỏi cửa, bà còn một hai ba bốn bận dò phải về trước chiều ba mươi để đưa ông bà, và cậu tôi cũng quả quyết về sớm hơn thế để tắm tất niên.

Cậu tôi dẫn tôi qua mạn sông Trà, sang miền sông Tranh rồi thẳng lên Râm, ở đây là đất nước của đồng bào thiểu số. Công việc mua bán đòi chác có mời chác ăn nên ông tỏ ra hết sức vui vẻ. Trên con đường về, ông không quên nhân tiện ghé lại buôn Cà-Đum để hỏi mật ong. Và ông lại còn nhớ phải ghé buôn Cà-Đoi để hỏi đồi nếp. Vì trời mưa, nước suối lên đầy, chúng tôi đến Cà-Đoi thì trời đã chiều. Theo dự tính thì phải đến từ nửa buổi. Chúng tôi đành ngủ lại để sáng mai về sớm.

Tôi nằm trên chiếc nhà sàn bên cạnh bếp lửa, bắn khoăn thao thức trong khi cậu tôi ngáy như cưa gỗ. Đến gần sáng khi tôi bắt đầu thấy cần phải ngủ thì cậu tôi thấy cần phải dậy. Cậu tôi xăm xúi đi trước, tôi khập khà khập khiêng theo sau trên con đường đá dốc, chứa chan oán giận trong lòng. Khi trời sáng hẳn thì chúng tôi đi khỏi buôn đã khá xa, và gặp một dòng suối

nhỏ. Cậu tôi đứng trên bờ một hồi lâu, lầm nhảm tính toán có vẻ như thương lượng giá cả với mấy cục đá bên suối rồi bảo tôi :

— Mình phải đi tắt thì mới kịp được. Hôm nay là ba mươi rồi, cứ theo đường cũ thì mất đứt hai ngày rỗng rã, vì chỉ mong một mới về tới nhà. Tao có biết một con đường băng qua dốc Cà-cuống, gần lắm.

Rồi ông ta hăm hở đi trước, tôi lại lếch thếch theo sau. Cứ thế chúng tôi qua đèo, xuống dốc, lên đưng, liên miên chẳng dứt. Những khi gặp một dấu đường mòn thì cậu tôi nhìn ngang nhìn dọc tỏ vẻ quan sát như một người rất thông thạo rồi dừng lại chờ tôi đến kịp cùng đi.

Nhưng khi dấu mòn đã hết phải bưng bả trong rừng thì cậu tôi xăm xăm đi trước và không bao giờ nhớ rằng có tôi đang bê bết theo sau. Cứ thế, chúng tôi luôn lồi mồi trong những lùm cây khuất bóng mặt trời, băng ngang, bưng dọc mà vẫn không tìm thấy một lối đi cho sáng sủa. Khắp người tôi mồ hôi đầm đìa, lớp này chưa ra khỏi lỗ chân lông có lẽ lớp khác đã túa chảy ra rồi. Cậu tôi cũng mệt chẳng kém, nhưng mỗi khi quay lại chờ tôi thì ông đã có thì giờ lau sạch mồ hôi trên mặt và đã có dịp để thở mạnh ít phút trước rồi, nên trông diện mạo cũng hơi bình tĩnh. Tôi cứ định bụng mỗi khi đến kịp sẽ bảo ông dừng lại để ăn, bởi vì ruột tôi đã đói cồn cào, nhưng mỗi lần như thế, chưa kịp mở miệng đã thấy ông quày quã bước đi. Ban đầu tôi định kêu lại nhưng sự nhọc mệt và một cơn giận tức bỗng dưng nổi lên khiến tôi nín lặng. Tôi hờn dỗi, tự nghĩ rằng mình sẽ đi mãi, đi mãi, không

nói một câu, không kêu một tiếng, đi cho đến khi ngã chúi xuống đường bất tỉnh, nhân sự đề xem ông cậu vô tình kia liệu tính thế nào cho biết. Do đó tôi chăm chú bước những bước liêu lĩnh tuy mắt rung rung muốn khóc mà ruột càng ngày càng đau thắt lại. Sau cùng, trong chuyến đua không định trước này, cậu tôi bỏ cuộc. Lúc tôi đến kịp thì thấy ông ngồi rú người bên một hồ nước, thở hào hển, hai tay bài hoài chìa ra đủ mười ngón để ôm lấy cặp đầu gối run run, mồ hôi nhễ nhại không buồn lau sạch. Nói không sợ tội, quả thực lúc ấy lòng tôi thoáng một ý mừng, và mặc dù đã hết xà lết nhưng tôi cố gắng giả bộ đi luôn. Cậu tôi phì phào kêu lên, gần như hụt hơi :

— Nghỉ đã ! Biết đâu mà đi ?

Tôi quay lại chậm chậm, cố giấu cái tình trạng rú liệt của mình. Cậu tôi giờ gói xôi ra, bẻ làm hai phần không đều nhau, đúng theo cái tỉ lệ tuổi tác của mỗi người, rồi chìa cho tôi một cục. Trong suốt thời gian ngồi ăn, cậu cháu tôi có vẻ như chưa từng quen biết nhau lần nào. Mỗi người yên lặng ăn một cách chăm chỉ và cẩn thận, chỉ sợ bàn tay run run sợ ý để xôi rơi vãi xuống đất. Tôi ăn rất nhanh nhưng cứ sợ chóng hết. Sau cùng chúng tôi nhìn lớp lá chuối còn lại trên tay một cách tính toán, tưởng chừng có thể nuốt luôn đi được, nếu không vì một chút tự ái của con người văn minh giữ lại.

Khi đã uống xong một mớ nước hồ cho khảm bụng, tôi mới bắt đầu tỉnh lại và thấy rõ nơi chốn mà chúng tôi lâm vào. Cây rừng chẳng chịt lau lách, dây leo giăng trải mịt mù, có lẽ chúng tôi đã vào

nơi sâu nhất của rừng già. Cậu tôi cũng đã khỏe lại nên bây giờ có đủ tinh thần đề tỏ ra hốt hoảng một cách rất hoàn toàn. Ông nhón nhác nhìn quanh, nhìn quất rồi leo lên một tảng đá khá cao để định hướng. Ông kêu lên từ trên cao vót :

— Trời đã xế rồi !

Tiếng kêu như một lời than tuyệt vọng khiến tôi cũng thấy bàng hoàng. Và ông vội vàng tuột xuống, tuột mau đến nỗi lảo nhào người tới, rớt nằm chổng kỉnh ở giữa bụi cây. Tôi cố nín cười một cách hết sức khó nhọc và dọn một bộ mặt chí hiếu chạy đến lôi cậu tôi dậy. Hai cậu cháu tôi nhìn nhau một cách khó hiểu không biết ai ngượng hơn ai rồi cậu tôi vội vã bước đi. Chúng tôi theo dòng nước chảy đờ xuống sườn dốc không mong rằng sẽ lạc đến một chốn Thiên thai mà chỉ mong tìm gặp bất cứ một xóm thôn hẻo lánh nào. Dần dần, dòng nước khuất sâu trong những lùm cây chỉ còn nghe những tiếng róc rách rồi những tiếng rì rầm mơ hồ như muôn ngàn câu chuyện âm thầm bí mật ở trong lòng đất. Thỉnh thoảng chúng tôi phải dừng lại nghe và nhiều lúc tiếng nước yếu ớt chìm dần hòa hợp với bao nhiêu âm thanh vọng lại từ xa của rừng sâu như muôn ngàn dòng suối cùng đổ một lúc. Rồi gió chiều nổi lên, cây cối xạc xào rúng lạnh. Chưa bao giờ trong đời, tôi thấy thời giờ quý giá đến thế. Cậu tôi leo đá, rẽ cây, lao mình nhào tới y như phải đuổi theo một kẻ thù trước mặt còn tôi thì hối hả vội vàng như trốn thoát một kẻ thù đang đuổi theo sau lưng.

Sau cùng tiếng nước mất hẳn. Chúng tôi dừng lại, tưởng như tim mình ngừng đập. Tôi cố lắng nghe, lắng nghe, nhưng tiếng rừng trước bóng hoàng hôn mỗi lúc càng

như dồn dập dâng lên cùng với sắc tối như tiết ra từ các khe hốc thẳm sâu, chập từng mảng tối trong các chòm lá âm u dày đặc. Những màu xanh xa xôi đã ngã sang sắc tím. Thỉnh thoảng, vượt khỏi một lùm cây rậm rạp, chúng tôi bắt chợt từ đỉnh cây xa một đôi ánh sáng te tái của nắng chiều nười lại, y như những hy vọng mong manh thoi thóp nơi lòng. Chúng tôi lại đi, âm thầm đầy những bước chân hồi hộp. Không ai dám mở lời nói một tiếng nào, tưởng như lời nói đã trở thành cấm kỵ. Những tiếng vượn hú kéo dài rền rĩ vọng lại từ xa chuyển sang những tiếng hú khác gần hơn, gấp hơn như những lời kêu cứu hốt hoảng. Một con chim lớn lướt qua, vỗ cánh xạc xào. Muôn ngàn côn trùng âm i bắt đầu sống dậy từ trong lòng đất. Cậu cháu tôi không ai bảo ai cùng chùn bước lại. Kẻ thù bao giờ không chỉ trước mặt, sau lưng mà vây bủa chung quanh. Mỗi lần gặp một cành gai bầu áo giắt lại, tôi bỗng hoảng hốt như bị một bàn tay khủng khiếp của núi rừng giữ lấy. Và qua mỗi bước chân khua động lá khô xào xạc tôi có cảm tưởng như nghe văng vẳng những tiếng rít của rắn độc, tiếng gừ của hùm beo, sau mỗi cành lá lay chuyển như có hình bóng chập chờn của thú dữ rình mồi. Sự lo sợ, sự kinh khủng càng ngày càng tăng, đến mức độ tôi hoang mang không còn biết mình đang suy nghĩ gì nữa.

Cậu tôi không còn vẻ nhón nhác linh hoạt hoặc hoảng hốt vội vàng mà chỉ là một bóng dáng thiếu não, đầu gằm xuống, chân quờ quạng, như đang bần thần vì bao nỗi lo lắng trong lòng. Cứ mỗi bước chân tiến tới tôi có cảm giác như đi sâu vào một chốn hiểm nghèo, càng xa dần sự sống của loài người.

Và sự khiếp đảm nhường lần cho một sự tuyệt vọng, thảm thiết khôn cùng. Cùng với bóng hoàng hôn rủ xuống, sự chết như lắng vàng khắp nơi.

Một lúc, tôi có cảm tưởng như mình không bước được nữa. Cậu tôi đã vượt qua khỏi một lùm gai rậm và khuất dạng hẳn. Tôi muốn kêu lên nhưng cổ họng nghẹn lại, nước mắt chảy tuôn xuống má vẽ râu quanh miệng, tôi biết rằng khóc lên thành tiếng sẽ làm cho tan nát cả chút ít cố gắng cuối cùng. Tôi cố dõi theo lá cành lay động để đi tới. Nhưng chỉ có lá cành lay động, lá cành lay động. Núi rừng đã dấu mất người cậu yêu quý của tôi rồi! Tôi hờ hải, hốt hoảng tưởng như điên cuồng. Bỗng một tiếng kêu thét lên phía trước:

— Đây rồi!

Tôi bừng gai, nhào đến. Cậu tôi đang đứng im giữa những lùm cây rậm. Tôi phập phồng hồi gáp:

— Có nhà ai hờ cậu?

Ông vẫn làm thỉnh cúi đầu nhìn quanh, chăm chú, lỗ mũi hô hấp một cách tích cực, dáng điệu thận trọng như một người phù thủy đang bắt đầu làm phép. Tôi cũng đứng im, hồi hộp, chờ đón một hiện tượng lạ lùng. Sau phút âm thầm ấy, cậu tôi ngẩng lên, nhìn tôi, nói bằng một giọng vui mừng, nét mặt có vẻ tin tưởng hết sức:

— Tao nghe có mùi phân người.

Một mùi phân người! Tôi hỏi vội vàng:

— Nhưng ở đâu?

Cậu tôi lại ngửi quanh một vòng:

— Nghe ở đâu đây, gần lắm.

— Hay là phân của thú rừng?

Ông ta « xì » một tiếng rất lớn, đáp lại :

— Phân người khác hẳn với phân loài thú, tao biết rõ mà ! Như vậy chắc là gần đây có người.

Cậu tôi nói một giọng chắc chắn và bình tĩnh, có vẻ hết sức tự hào ở cái kiến thức của mình. Tôi nói gặng lại :

— Biết đâu là của người ta đi lên đốn củi từ sớm mai hay từ hôm qua, nay đã về rồi.

Ông ta gật lên :

— Không ! một mùi phân mới, mảy chẳng biết cái... cứt gì cả !

Trong đời tôi, bị mắng nhiều lần nhưng lần nào tôi cũng thấy oan uổng, trừ cái lần này.

Cậu tôi vẫn giữ vững niềm tin trong khi hai lỗ mũi hoạt động không ngừng :

— Hãy gắng tìm xem. Mày thấp người, dễ ngửi thấy hơn tao nhiều. Có phân thì thể nào cũng phải có người.

Chúng tôi quờ quạng vừa hít vừa cố tìm trong các bụi cây chung quanh. Bóng chiều đã bắt đầu loạng choạng nên cặp mắt và hai lỗ mũi của tôi phải mở hết tất cả chu vi trong cuộc săn tìm này. Một chốc, tôi bỗng reo lên :

— Đây rồi !

Cậu tôi lách cây, nhào đến :

— Ở đâu ? Ở đâu ?

Giữa vòm cây tương đối khoảng khoát, trên một phiến đá bằng phẳng, một bãi phân người ngự trị uy nghi, cuộn tròn lại thành những khúc chặt chĩa. Cậu tôi cúi sát xuống như muốn khảo sát cho thật tường tận cái dấu vết hiển hiện

của đồng loại trong chỗ khuất vắng này. Rồi khi biết rằng không còn hồ nghi gì nữa, ông từ từ đứng thẳng lên, thành khẩn, trang nghiêm, cặp mắt vẫn không rời tảng đá. Tôi cũng đứng im không nhúc nhích, chiêm ngưỡng cái vật mà cậu tôi đã đặt vào đấy tất cả những hy vọng cứu thoát. Không khí rừng già tự nhiên mất hẳn cái vẻ đe dọa rừng rợn ban chiều và chúng tôi cảm thấy dần dần vững tâm như bước vào một niềm quen thuộc. Bãi phân kia bây giờ như đã mất hết những mùi hôi thối, mất hết những vẻ ghê tởm của chất cặn bã hằng ngày mà trở thành một chứng tích thiêng liêng của sinh hoạt con người. Cứ thế, chúng tôi yên lặng rất lâu, trong lòng rung rung một nỗi cảm động khôn tả.

Sau cùng, cậu tôi ngẩng lên nhìn tôi, nói bằng một giọng hết sức hiền từ :

— Con ạ, không đến nỗi gì đâu. Ta đừng đi xa nữa mà lạc. Cứ chờ đây rồi theo dấu đèn để tìm nhà.

Phút chốc, núi rừng tím đậm lại rồi khói đá mờ mịt dâng lên. Giữa cảnh đen thẫm mênh mông ấy, bỗng xa xa, dưới một triền dốc, le lói hiện lên một ánh lửa.



Không biết đã mất bao nhiêu thì giờ đi qua những cây bụi bương um tùm, chẳng chịt, chúng tôi dõi theo ánh lửa chấp chờn trước mặt, âm thầm xông tới, nghe gai cào sướt trên da thịt và quần áo sột soạt như bị xé tung từng mảnh. Mỗi lúc ánh lửa càng lớn dần và chúng tôi thấy rõ một đồng củi lớn rừng rực cháy, soi sáng một nhóm người lở nhổ bên kia một suối nước phản chiếu ánh lửa đỏ hồng. Khi đến gần bờ, cảm thấy đuối sức, không dám liều lĩnh

vượt qua dòng suối trong đêm, chúng tôi ngồi phệt bên bờ và cậu tôi cố gắng kêu lên :

— Bà con cho tôi hỏi nhờ một chút !

Nhưng tiếng rì rầm bỗng dừng và đám người tản ra. Tôi kịp trông thấy một con trâu lớn lông cạo lam nham, loang lổ những vệt đen trắng, nằm phoir mình, chổng cong bốn vó.

Vài người che tay lên mắt, nhìn qua, hỏi lớn :

— Ai đó ?

Cậu tôi chống tay gượng đứng dậy, nói vọng sang :

— Chúng tôi lạc đường, nhờ bà con cho nghỉ tạm đêm nay.

Một người trẻ tuổi có vẻ linh hoạt, vớ lấy một bó đuốc châm vào đồng lửa cho cháy sáng rồi cầm thêm một cây lao nhọn, rọi đường cho một người đứng tuổi tay cầm giáo dài, từ từ lội qua. Hai người rọi đuốc ngăm nhìn chúng tôi một hồi lâu. Bấy giờ tôi mới có dịp thấy rõ cái vẻ tang thương hết mức của cậu cháu nhà tôi, và trong rõ hơn sắc diện gân guốc của những người lạ mặt.

Người đứng tuổi sau khi nhìn chăm chăm vào tôi, quay sang bảo người trẻ tuổi :

— « Đo mây lò ma do mần bo muôn ở mơ chợ mơ » (1).

Cậu tôi vốn từng quen thạo những lối

(1) Câu này nói lái từng hai tiếng, có nghĩa là :

Đây mơ là mơ dân mơ buôn mơ ở mơ chợ mơ. Bỏ tiếng « mơ » đi, thì là : Đây là dân buôn ở chợ.

Tiếng « mơ » hay bất kỳ một thứ tiếng nào khác có giá trị như một thứ « chìa khóa » do nhiều người ước định để ghép vào mà nói lái khi phải trao đổi riêng với nhau những điều cần che dấu trước mặt người khác.

nói lái trong sự trao đổi bán buôn nên hiểu ngay đây là những kẻ « lái mơ », vội vàng đáp lại :

— Đúng rồi ! Chúng tôi là dân buôn ở chợ ! Và cậu tôi bắt đầu kể lể về chuyến đi khó nhọc vừa rồi, không quên khéo léo thêm rằng ông ta không có đem theo tiền bạc.

Người trẻ tuổi đưa mắt về phía người đứng tuổi và người này mỉm cười, bí mật :

— Được, ta biết. Nếu quả là dân làng giả dạng mò lên tìm trâu thì ta đã lui cho một lưới giáo này rồi. Thôi, theo ta mà qua bên này.

Rồi y thông thả lội về, chúng tôi theo sau, biết rằng mình đã rơi vào một ổ cướp nhưng lại thấy vững dạ khác thường. Đến nơi, người trẻ tuổi và người đứng tuổi lại phụ lực với mấy người kia. Không ai tỏ vẻ ngờ vực hay bàn tán gì hết. Sự đột nhập của chúng tôi chỉ có nghĩa như một hạt cát nhỏ rơi xuống mặt bể bao la. Chúng tôi tự dọn lấy một chỗ nằm bên đồng lửa và chỉ trong phút chốc cậu tôi đã chìm sâu trong một giấc ngủ mệt mề. Tôi nằm dài người trên lớp lá tươi, cảm thấy cơ thể rã rời, tê nhức sau một ngày lặn lội và dần dần được hơi lửa sưởi ấm, tôi ngủ thiếp đi.

Khi tôi lơ mơ tỉnh dậy, đồng lửa đã tàn quá nửa. Có lẽ đêm đã về khuya nên sương xuống nhiều, rơi lộp bộp trên các lá cây. Thành thoảng, thừa dịp một ánh lửa nguội tàn, hơi đá núi lạnh lẽo len vào rồi lại đột ngột bị một cảnh khô bùng cháy xua đi. Một mùi thơm tỏa ra khắp nơi và tôi để ý thấy những lụi thối rất dài nướng lèo xèo trên những đồng than hồng bươi

thành vạt rộng. Hai người đang chụm một chiếc nồi lớn khói tuôn nghi ngút, còn những kẻ khác ngồi bó gối yên lặng chung quanh bếp lửa. Sau một giấc ngủ, bây giờ tôi mới có đủ tỉnh táo để nhìn rõ hơn. Họ gồm sáu người và suýt soát một lứa tuổi như nhau, trừ người trẻ tuổi ban nãy là nhỏ nhất. Họ mặc đồ đen, ngắn cộc và tóc mọc khá dài, đôi người trên cằm râu đã lún phún. Người trẻ tuổi xem chừng trên tôi chỉ độ vài tuổi nhưng má anh hơi hóp nên trông có vẻ già dặn hơn nhiều.

Tôi đợi chờ để lắng nghe họ nói với nhau những gì nhưng hình như họ không còn gì để nói cho nhau nghe nữa. Nhớ lại bài phân người lúc chiều, tôi tự hỏi trong số những người này ai đã là tác giả. Và tự nhiên tôi cảm thấy mến họ, thương họ một cách lạ lùng. Những khuôn mặt khắc khổ gân guốc kia không có gì gọi là dữ dằn, độc ác như tôi đã từng quan niệm kẻ cướp theo như miệng người mô tả, mà chỉ là biểu hiện của một sức sống mạnh mẽ khác thường vì chính họ đã từng đem lại cho chúng tôi một niềm hy vọng và bây giờ một sự chờ che giữa cái hoang vu lạnh lẽo và hiểm ác của rừng sâu. Trong cảnh yên lặng nặng nề ấy, bỗng một người nói lên :

— Bây giờ có lẽ đã giao thừa rồi !

Giọng nói như một niềm luyện tiếc xa xôi, vọng lên thê thảm giữa đêm khuya vắng, rồi khung cảnh trở lại im lìm. Chỉ có tiếng nước róc sôi sùng sục trong nồi và tiếng củi nổ đòn lách tách. Không biết được bao lâu tôi đã thiếp dần trở lại thì nghe tiếng gọi dậy. Cậu tôi đã thức giấc từ bao giờ cùng với mọi người ngồi vây quanh một nồi thịt lớn, và những chiếc lá

rừng to tướng chồng chất ngang dọc những lụi thịt nước đen ngòm. Người trẻ tuổi quay về phía tôi, bảo rất ôn tồn :

— Xuống xuống rửa mặt cho tỉnh ngủ rồi lên đây mà đón năm mới.

Khi tôi chen vào tìm một chỗ ngồi bên cạnh những người này tôi mới nhận thấy cậu cháu tôi không khác xa họ bao nhiêu. Núi rừng đã chuẩn bị suốt ngày hôm nay để cho chúng tôi dự cuộc tiệc bất ngờ này bằng một bộ mặt và những quần áo rất hợp với hầu hết quan khách.

Người đứng tuổi ban nãy có vẻ là đầu bọn, bợ ra từ trong bụi rậm một hủ lớn bịt kín rồi nói với mọi người; vừa nghiêng về phía cậu tôi :

— Đã mấy năm rồi mới lại ăn Tết với kẻ phùng chợ. Cũng may cho các người, chiều nay bọn ta mới bắt một con trâu về kịp. Thôi thì cứ việc ăn no, uống say, rồi mai dậy sớm bọn ta chỉ đường cho mà về kéo ở nhà chờ đợi. Nhớ đừng bép xép nói đi nói lại điều gì ở đây với lũ tuần vệ dưới làng mà có ngày oan mạng. Thôi ! Ăn đi ! Uống ta ! Ở đâu cũng là Tết cả.

Anh ta phân phát cho mỗi người một chiếc gáo dừa :

— Ăn uống cũng trong cái này, bà con. Nhưng chén này cũng chẳng phải tời đâu, rượu có thuốc độc thì nó sôi lên đấy nhé.

Và không ai mời mọc ai nữa bắt đầu xáp trận. Cậu tôi hình như cho rằng thịt trâu là món ăn bổ dưỡng nên gấp rất hăng hái. Về phần uống rượu ông cũng nhân dịp tỏ cho mọi người thấy rằng ông có bản lĩnh cao cường không kém một ai, kể cả đầu nậu của bọn cướp. Sau cùng, mọi người ngật ngà ngật

MẸ

Mẹ tôi chôn xa vời
Chờ con, sáu năm tháng
Thương mẹ chiều hôm lạnh
Ba bốn năm đầu trời



Ra đi mẹ nghẹn lời
Quê nhà nhớ, con ơi!
Sương chiều hôm lạnh lạnh
Mẹ trông chôn xa vời



Mẹ có tràn đôi lệ!
Cho lòng đỡ tái tê
Mẹ ơi! mai con về
Khi giòng sông liền khúc
Khi con vẹn câu thề.



Ái đã gây nên chuyện
Ngăn cách tình mẹ con
Ngày đi, mẹ nước mắt
Mai về không biết còn?



Chiều nay chiều hoang dại
Lòng sao lòng tái tái
Hồn sao hồn ngất ngáy
Hoàng hôn cô tịch mãi



Sầu nào không tên tuổi
Tình nào mà chẳng say
Ái nằm trong khoé mắt
Biết được lệ vơi đầy.

XUÂN-VĨNH

nguồn, đảo những chiếc đầu bù xù thành những vòng tròn loạn xạ rồi lăn ra trên đất. Cậu tôi cố giữ phần thẳng về mình, gắng vẽ thêm một cái vòng tròn cuối cùng rồi mới chịu chấm dứt một cách khá oanh liệt, đầu úp xuống trên hai cánh tay chéo lại, một chân xoài ra gác lên mình một tên cướp.

Tôi không uống được rượu nhưng nhìn mọi người lăn ra ngủ một cách ngon lành say sưa, bỗng thấy thòm thèm. Và cứ nằm nghe những điệu ngáy càng ngày càng cao biến thành một thứ giọng đe dọa, tôi đâm sợ hãi không sao ngủ được. Tôi mò dậy, nghiêng cái hũ rượu, lấy chiếc gáo dừa vét lấy những giọt cuối cùng rồi cố thu hết can đảm, nhắm mắt nín thở, tôi trút vào miệng. Cồ họng tôi như bị xé toạc ra và dòng rượu càng vào sâu trong gan ruột như một luồng lửa nung đốt rần rật khắp cả cơ thể? Đầu tôi hoa lên, tôi phải chống hai tay xuống đất để giữ vững con người, nhưng cuối cùng thấy rằng không thể nào đương đầu với một địch thủ quá mạnh, tôi phải đảo một vòng tròn, nhưng mới vẽ được nửa vòng thì đã theo gót cậu tôi, ngã gục trên bãi chiến trường.

Tôi nhớ hình như tôi có giật mình thức dậy một lần nào đó và thấy lò mờ gã trẻ tuổi ngồi ủ rũ bên cạnh một đồng lửa tàn. Gã thần thờ nhìn vọng vào trong đêm dày rồi thờ dài, lấy que nhỏ bươi bươi trong mớ than hồng. Sau cùng gã cứ ngồi im như thế rất lâu, chong lên một sự sống cô độc giữa đêm rừng nặng nề, mênh mông, cho đến khi mắt tôi riu riu nhắm dần trở lại, không biết gì nữa.



Chúng tôi thức dậy thì mặt trời đã xuyên qua vòm lá, điểm từng chấm vàng lổ chỗ trên mặt đất bừa bãi những lá héo, củi tàn, xương trâu và thân người. Nghe khua động, người đầu nậu, người trẻ tuổi và một vài người nữa cũng thức giấc. Người đầu nậu gấp cánh tay chống xuống đất để kê đầu lên rồi ngoảnh về phía những người kia, nói bằng một giọng ngái ngủ :

— Lấy thịt cho cha con ông ta ăn no để lên đường. Ở đây đã hết gạo mà cũng chẳng có bánh nhưng các người về chợ thì chẳng thiếu gì.

Anh ta nheo một mắt lại, rồi tiếp :

— Người nào dẫn họ ra đầu rừng bây giờ ?

Gã trẻ tuổi đứng dậy, gật đầu ra dáng tình nguyện rồi đi lại một bụi rậm lúi ra một chiếc rựa dài cán.

Người đầu nậu xây về phía cậu tôi :

— Này, ông lái, hãy kiểm xem tiền bạc trước khi lên đường kẻo có mất mát đồng nào lại nghĩ lầm rằng ta đã đòi tiền rượu thịt vừa rồi.

Cậu tôi áp úng, lưỡng cuống trả lời rằng ông chỉ đem theo một số tiền nhỏ nhưng đã đặt cặp hết rồi. Nghe thế, anh ta nhếch mép, gần như mỉm cười :

— Tiền nhiều tiền ít ta không cần biết đến làm gì. Hồi hôm chỉ nhìn qua dáng dấp của anh ta cũng biết là hạng có máu mặt. Nhưng anh đã đến nhờ vả bọn ta thì bọn ta phải che chở cho anh. Không mất đồng nào chứ ? Lần sau thì nhớ cẩn thận, lỡ gặp giữa đường vào dịp bọn ta rúng quân thế này thì chắc là cha con các anh khó mà sống thoát.

Anh ta nói những câu sau cùng này một cách chậm rãi, giọng đặc sệt vì buồn ngủ. Sau cùng anh ta lim dim đôi mắt, nói tiếp :

— Thực ra sống trong bọn tự hào là lương thiện như các người mới hay bị mất cướp, còn ở trong bọn cướp là chúng ta đây, thì mới thực an toàn. Thôi, đi về nên nhớ mấy lời đã dặn hồi hôm mà nói năng cho cẩn thận. Không phải bọn ta sợ gì ai đâu nhưng ta không muốn các người đòi ân làm oán.

Rồi anh ta ngả đầu xuống, nhắm mắt lại, hơi thở dần dần điều hòa trong một giấc ngủ bình tĩnh.

Ăn xong, gã trẻ tuổi cầm rựa đi trước, cậu cháu tôi lại lúc thức theo sau. Suốt đoạn đường anh ta cứ lầm lì mà bước, chúng tôi cũng không ai nói gì, âm thầm luồn lỏi trong những lối đi nhỏ hẹp dọc theo một triền núi xoai xoải. Nhiều lần tôi muốn gọi chuyện, hỏi thăm người dẫn đường một vài câu để ghi lại ít nhiều kỷ niệm nhưng không biết nên nói thế nào, đành phải làm thinh. Một hồi lâu chúng tôi mới ra đến bìa rừng. Cảnh vật đã bắt đầu khoảng khoát. Người trẻ tuổi dừng lại cạnh một tảng đá và đưa tay chỉ về trước mặt :

— Các người có nhìn thấy khe nước kia không ? Cứ theo bờ bên mặt mà đi thì sẽ dò ra một đồng ruộng dọc theo mấy dãy đồi rang. Bỗng hết đồng ruộng ấy thì gặp một con sông, tiết này lội được. Qua sông là miền Bình-Huê, ở đây không thiếu gì người ở.

Anh lặp lại một lần thứ hai, một lần thứ ba cho cậu tôi nhắm theo rồi bảo :

MỘT CÁI TẾT TRONG RỪNG

— Từ đây ra chợ Việt-An phải một ngày rông rã. Thôi các người đi đi cho kịp.

Cậu tôi cảm ơn nhưng gã đứng im không đáp và ông ta quày quã bước đi. Tôi ngáp ngừng không nổi rời chân, tự nhiên bỗng thấy nghẹn ngào. Giữa gã tuổi trẻ và tôi này nở một sự luyến tiếc, không rõ vì đâu. Nếu không biết thêm được chút gì về gã, lòng tôi sẽ chua xót chừng nào, bởi vì mãi mãi từ đây cho đến trọn đời, chắc gì tôi còn được gặp lại gã một lần thứ hai. Tôi đáp ứng :

— Anh...

Gã nhúm mày, hỏi :

— Có gì ?

Tôi cố gắng lắm mới thốt nên lời :

— Tại... sao mà... anh lên đây ?

Gã cười :

— Tại đám hòng người ta, biết chưa ? Đám hòng là thế này đây...

Gã khoa lưỡi rạ lên, dừng ngang ở tầm cổ tôi, khiến tôi hốt hoảng lùi lại. Gã phá lên cười rồi lại nín lặng đột ngột.

Tôi đã mất hết sự hào hứng đề hỏi thêm nữa nhưng còn đánh bạo một câu cuối cùng :

— Thế... anh có nhớ nhà không ?

Gã trừng mắt lên, mím môi lại, rồi thỉnh thoảng chỉ tay về phía trước, gã quát lên :

— Thôi đi đi ! Ông già đang đợi dưới kia !

Cậu nói đồng đặc như một lệnh truyền và gã bỗng có vẻ oai phong của một tướng lĩnh. Tôi không dám chào, quay đầu, rào bước. Dưới kia cậu tôi đứng chờ, dáng điệu nôn nã.

Đi được một quãng, tôi mới quay đầu nhìn lại. Gã trẻ tuổi bây giờ đã ngồi trên tảng đá, dựa đầu vào cánh tay chống lên trên gối, dáng điệu thần thờ. Đã khá xa, quay lại, tôi còn thấy gã ngồi như thế. Tôi bỗng nhớ lại hình ảnh của gã mà tôi đã bắt chợt giữa hai giấc ngủ trong lúc đêm khuya và băng khuâng tự hỏi không biết người trai trẻ kia đang nghĩ ngợi gì ?

VŨ-HẠNH



★ **Đính chính** trong bài « **Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo** »

Trong « **Hồn Trung-hoa và Kitô giáo** » đăng trên Bách-Khoa số kỷ niệm (49) và số này (số 51) vì sơ xuất của người đánh máy bài và của ấn công nên đã in lầm danh từ **Mặc-Tử** (tức **Mặc-Địch**) ra **Mạnh-Tử**.

Trân trọng xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin các bạn vui lòng sửa lại các chữ **Mạnh-Tử** ra là **Mặc-Tử** hoặc **Mặc-Địch** cho đúng.

B. K.

KHỎI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG

(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Còn như con, con chưa hề bị nhọc nhằn, bị đói rét, có lẽ ông trời, ông ấy chẳng kể con vào đâu cả, cái đó cũng rất là công bình ! »

Cả Mạc-Sầu lẫn San-Thư đều cười khẩy, chỉ riêng có bà mẹ cậu, thì bà chẳng hiểu một tí gì về cái câu triết lý mà cậu đã đi học mót được ở đâu đó và cậu vừa đọc lên vanh vách như một con vẹt.

Mạc-Sầu không thể nhịn được nên cô hỏi cậu : « Này, anh Định-Nhân ạ, quả thật, em chưa hề thấy thầy Mạnh-Tử giải thích như vậy ở đâu bao giờ cả.... Nhưng mà, liệu anh có hiểu thấu được Mạnh-Tử không cái đã ? »

Cậu vội đáp : « Hiểu chứ ! »

Mạc-Sầu nói : « Em thì em chỉ nhớ, thầy Mạnh-Tử đã nói : « các bậc thánh hiền cũng chỉ là người như chúng mình thôi ; trời sanh ra đã là người, ai cũng như ai, mà người ta chỉ khác cảm thú ở chỗ, người biết phân biệt, điều phải, lẽ trái... Nếu đập phá đồ đạc mà gọi là hợp lý, thì sao người ta lại không có

thể đem thóc gạo đổ xuống cống, xuống rãnh, rồi cũng bảo thế là hợp lý, có được không ?... Thôi, thôi, em xin anh, anh đã hiểu làm Mạnh-Tử mất rồi... chính mình làm bậy, rồi lại đi trách trời, là cái quái gì ! »

Mạc-Sầu làm cậu « lắc kỳ ngôn lộ ». cậu bị cụt hứng và bao nhiêu khẩu tài của cậu bỗng lên mây mất cả. Cậu phát khùng mắng em : « Phải, tao biết, mày lại cũng một giuộc với cái con Mộc-Lan, chúng mày càng lớn lên, càng nhiễm lấy cái thói « trứng khôn hơn vịt », mà chực dạy khôn tao, phải không ? »



Thời thường, Định-Nhân rất ôn hòa với tất cả các cô gái, nhưng chỉ riêng đối với hai cô em cậu, cậu rất khó chịu.

Khi cậu tới chỗ Ngân-Bình, chị ta đương nằm, và kéo chăn trùm kín cả mặt. Cậu mới khe khẽ kéo cái chăn xuống và hỏi chị đã đỡ chưa, nhưng chị trở mình, quay mặt vào phía trong. Chị nói : « Gớm ! Cậu đi đâu, mà đi lâu thế ?... » Chị nói xong, gột tay gạt nước mắt.

KHOI LỬA KINH THÀNH

« Tôi vừa mới đau một cơn dữ dội, nhưng bây giờ đã đỡ rồi. »

Địch-Nhân bảo chị « Nay, tôi bảo đừng có âu sầu thái quá thì hơn... đêm nay, để cho dạ dày nó nghỉ, chớ có ăn một tí gì cả, chỉ nên uống thang hà diệp, hễ mai không khỏi, mới sẽ cho đi mời y sinh. »

Ngân-Bình vẫn nằm, hai tay ôm lấy mặt. Cậu lúi tay chị ra và bảo chị. « Tôi vừa mới biện luận về mạnh-Tử với Mạc-Sầu đây, nó hết sức phản đối những ý kiến của tôi ; tôi nhận thấy, thì ra, ở trên đời này, chỉ có hai đũa minh hiểu nhau và đồng tình, đồng ý với nhau thôi. »

Ngân-Bình cười, đáp : « Phải, một khi cậu đi ra nước ngoài, thiếu gì người hiểu cậu ; không biết, đến lúc đó, liệu cậu có còn nhớ tới cái đũa a hoàn này nữa không ? »

Chị đã khôn khéo dùng tất cả cái duyên dáng quyến rũ của một người đàn bà thạo đời để đối xử với một cậu con trai mới lớn lên và hãy còn ngốc nghếch, ngờ nghệch. Từ giọng nói uyển chuyển, tới bộ dạng nhu hòa của chị, cái gì cũng làm cho cậu mê đắm. Chị không ồn ỉn, thả thễ, như các cô tiểu thư. Chị nghĩ làm sao, nói ra làm vậy. Diện mạo, cũng như khẩu âm, chị là điển hình của một cô gái Ninh-Ba, ham vui, ham sống. Người ta thường nói, nếu một cô gái Ninh-Ba muốn chiếm đoạt tình yêu của một chàng thanh niên Thượng-Hải, hẳn sẽ thắng lợi dễ dàng như trở bàn tay vậy. Tuy Địch-Nhân cũng linh lợi, hoạt bát và có một cái vóc người khỏe mạnh đấy, nhưng tâm hồn

của cậu là tâm hồn của một thanh niên nhu nhược của một thanh niên miền Thượng-Hải. Cứ nghe cậu vừa thốt ra những lời như : tôi đã chẳng phải vất vả, nhọc nhằn, mà cũng chẳng bị đói rét, bao giờ, thì đủ hiểu, tâm tình của cậu ra sao ? Rõ ràng, cậu là một kẻ chỉ biết ý lại để hưởng thụ.

Cậu vừa nghe Ngân-Bình nói mấy lời trên đây, toàn những lời ngờ vực, nên cậu nói : « Em không tin anh hay sao ? Em mà ngờ vực anh, thì tội nghiệp cho anh quá !... anh xin thề với em, nếu mà anh quên em, bỏ em, anh sẽ bị mọc ung độc ở ngay miệng mà chết, và sau khi chết rồi, anh sẽ đầu thai làm một con lừa cho em cưỡi, suốt đời ! »

« Việc gì mà cậu phải thề giữa thanh thiên, bạch nhật như vậy, làm gì, kia chứ ! »

« Tại em cứ ngờ vực anh, nên anh phải thề độc như thế, cho em tin.... Em phải hiểu rằng, cái chuyển đi này của anh, nó quan trọng vô cùng, đây là một cái dịp độc nhất để cho anh, thành người sang trọng ; bởi vậy, anh mới nhất quyết ra đi.... Em ở nhà, gắng trông nom, cái con chó kia của anh, cho anh.... anh nói thật, khi anh về mà anh không trung thực với em, anh sẽ không bằng con chó đó.... Lúc đó, em có đánh đập, hất hủi anh, anh cũng cứ nằm ở dưới chân em ! »

— Bất cứ một thứ gì mời lạ của ngoại quốc, cậu cũng đều thích cả, nào bút máy, máy ảnh, đồng hồ, và

tất cả những thứ ảnh hưởng thân của những cô đầm tóc quăn, mũi lõ, mắt xanh.— Cả cái con chó mà lúc nầy cậu gửi gắm Ngân-Bình, nó cũng là một con chó săn tây; cậu đi đâu, cũng dắt nó đi theo; không bao giờ, nó rời cậu ra một bước. Tuy cậu yêu quý con vật đó, nhưng, trong cơn thịnh nộ, cậu đánh nó, đập nó một cách rất phũ phàng, cho nên, con vật không còn hiểu ra sao; nó chỉ thấy yên thân khi ở bên chị Ngân-Bình; hàng ngày, chị cho nó ăn uống và tắm rửa cho nó.

Lúc ấy, cậu chỉ con chó và nói: « Không có lý nào, một con người lại không trung thành bằng con vật kia, hay sao? »

Ngân-Bình đáp: « Kể ra, nói về phần trí tuệ thì con người vẫn hơn con vật, nhưng, nói tới cái lòng trung nghĩa thì có lẽ con vật hơn con người. Không phải em không tin anh, vả anh có cơ hội đi du học, lẽ đương nhiên, anh phải đi chứ, em có quyền gì mà dám giữ anh lại, em không được phép can thiệp tới tiền trình của anh. Nhưng có một điều, là không biết bao giờ anh mới trở về, mà em thì, một tuổi một lớn; nếu trong khi chờ đợi anh, chẳng may, xảy ra điều gì chẳng lành, em biết trông cậy vào ai? Ấy thế mà, em cứ chờ anh để rồi thành một người vú già, mặt vàng khè khè, chồng con chẳng có, rồi ai người ta cũng hỏi: « Chị chờ ai, mới được chứ? » thì liệu em sẽ trả lời làm sao, với người ta. Lỡ khi tai biến, mà anh lại chưa về, liệu cái thân em nó có còn là của anh nữa không? Nghĩ cho cùng, sinh làm

một đứa con gái ở cái thời đại này, thiệt là trăm chiều cay đắng, khổ cực; một người con gái, thiệt chẳng là cái quái gì cả; chính ngay cái tiền đồ của mình, mình cũng không có quyền dự liệu! »

Ngân-Bình nói tới đó thì thở dài, làm ra vẻ mặt rầu rĩ, đau khổ; trán chị lấm tấm những giọt mồ hôi, cậu liền lấy khăn tay lau cho chị.

Chị nói tiếp: « Thiệt tình, cậu đối với em, bao giờ cũng hết lòng thương đấy, em biết và rất đối cảm kích cậu... Em cũng vẫn hiểu rằng, cậu là chủ nhân mà em chỉ là một đứa tôi tớ. Mỗi người sinh ra, đều có một số phận mà ông trời, ông ấy, đã chú định từ trước, không thể nào thay đổi được... Vả lại, nhà em không bán em trọn đời cho gia đình cậu, vậy thì, có một ngày kia, người nhà, nhà em, sẽ đến bắt em về... Lúc ấy, em chỉ việc về quê, lấy một anh nông phu,... Em cũng hiểu, ngần ấy năm, ở đây, em được ăn mặc đầy đủ và cũng có thể gọi là sung sướng, an nhàn. Ừ, như vậy là đủ lắm rồi, việc gì, lại còn tính tới việc sau này, làm quái gì, kia chứ! »

Con chó săn, vừa đánh hơi thấy mùi đồ ăn, liền vênh cổ lên gừ, gừ, mấy tiếng, rồi sủa vang lên. Một người đầy tớ trai mở dèm bùng lên một cái khay, trên có một tô thang hà diệp. Người đó quay nói với Địch-Nhân « Thừa cậu, cơm đã dọn xong, mời cậu lên xơi, thái-thái đương đợi cậu, đấy ạ. »

« Anh cứ lên nói, mời cả nhà cứ xơi cơm trước, bây giờ tôi chẳng muốn ăn uống gì cả. » Địch-Nhân dám tự do nói

như vậy, là vì, hiện thời, ông thân cậu không có nhà.

«Đề anh bung thang hà điệp cho em uống nhà.» Địch-Nhân đợi cho người đầy tớ ra khỏi, rồi mới bảo Ngân-Bình như thế. Ngân-Bình đề yên cho cậu bung bát thang và đưa tới tận miệng chị, cho chị uống. Bát thang hơi đắng, cậu bảo đề cậu xuống bếp, lấy đường lên cho chị, nhưng chị ngăn cậu lại và nói: «Thôi, thôi, cậu đừng làm thế, rồi lại sinh điều, để chuyện, họ vớ lấy cớ để bêu xấu em.» Cậu cũng thôi và quay trở vào.

Một lát sau, chị bảo cậu: «Cậu nên đi lên ăn cơm đi, em dễ chịu rồi, cậu đừng làm quá, không nên...» Cậu nghe ra, đứng lên, đi ăn cơm; ăn xong, cậu lại trở lại.



Sáng ngày hôm sau, cậu ngang nhiên nói với bà mẹ và hai cô em rằng, cậu không muốn sang Anh-cát-lợi nữa đâu. Hình như trong thâm tâm cậu, Ngân-Bình hơn Anh-cát-lợi, vì cậu không muốn mất Ngân-bình. Nhưng, tới khi ông thân cậu về, cậu không dám rỉ rả.

Một hôm, Phó-tiên-sinh lại chơi. Ông bảo cậu: «Có lẽ, cậu nên cắt cái bím đi thì hơn và đi may ngay lấy mấy bộ âu phục mà mặc, cho nó quen.»

Trong hồi đó, cắt cái bím đi, là một hành vi rất «mô-đéc», nhưng nó cũng không khỏi không có đôi phần nguy hiểm, vì, hễ không có đuôi sam, người ta có thể ngộ nhận là đảng «cách mệnh»; đối với đảng cách mệnh, cái đuôi sam đó là cái biểu hiệu của sự bị Thanh-triều thống trị. Tất cả những đảng viên của

đảng cách mệnh đều cắt đuôi sam hết. Tuy vậy, riêng đối với các học sinh xuất dương đi du học, thì không sao. Việc cắt cái bím đi và sự xúng xính trong bộ quần áo tây, là một dấu hiệu đặc biệt của sự văn minh, tân tiến, trong hồi đó; dấu rằng đây chỉ là cái «vỏ» của một thứ văn minh rở tiền, để thực hiện. Cũng vì sự đòi lột đó, mà Địch-nhân không nói tới việc thôi, không đi du học nữa, cái áo cà sa làm thành ông sư, kia mà.

(còn tiếp)

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG



SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được:

— «Niên lịch văn chương Tinh-Việt 1959» do *Tinh Việt Văn-Đoàn* gửi tặng. «Niên lịch Văn-Đoàn» trình bày mỹ thuật, ngoài phần lịch phổ thông ghi ngày tháng và các ngày lễ, còn nhiều bài về lịch sử và văn nghệ. Sách dày 168 trang, giá bán 36\$.

— «Đề hiểu đạo Phật» của *Tu sĩ Phương-Bối* do tác giả gửi tặng. Tác giả tốt nghiệp trường Cao đẳng Phật học Huế, nghiên cứu đạo Phật trong nhiều năm đã giúp chúng ta tìm hiểu đạo Phật qua sự học hỏi và tìm hiểu. Sách viết giản dị, trình bày mỹ thuật, dày 100 trang giá 30\$.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm tạ *Văn Đoàn Tinh-Việt*, tác giả *Phương-Bối* và ân cần giới thiệu cùng bạn đọc.

B. K.

ĐÓN ĐỌC :

GIÁO - DỤC PHỔ - THÔNG

Số XUÂN KỶ - HỢI (1959)



- Một tập tuyển đặc sắc về Văn-học và Văn nghệ.
- Một tập trung của nhiều cây viết hữu danh Thủ đô và các tỉnh.
- Quý Bạn sẽ rất hài lòng với Giáo-Dục Phổ - Thông, số XUÂN KỶ - HỢI vì bài vở chọn lọc, vui tươi, trình bày trang nhã.



Giá bán lại phổ thông.

Phát hành vào ngày 23 tháng chạp.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



HÃNG

NAM-THANH

và

THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

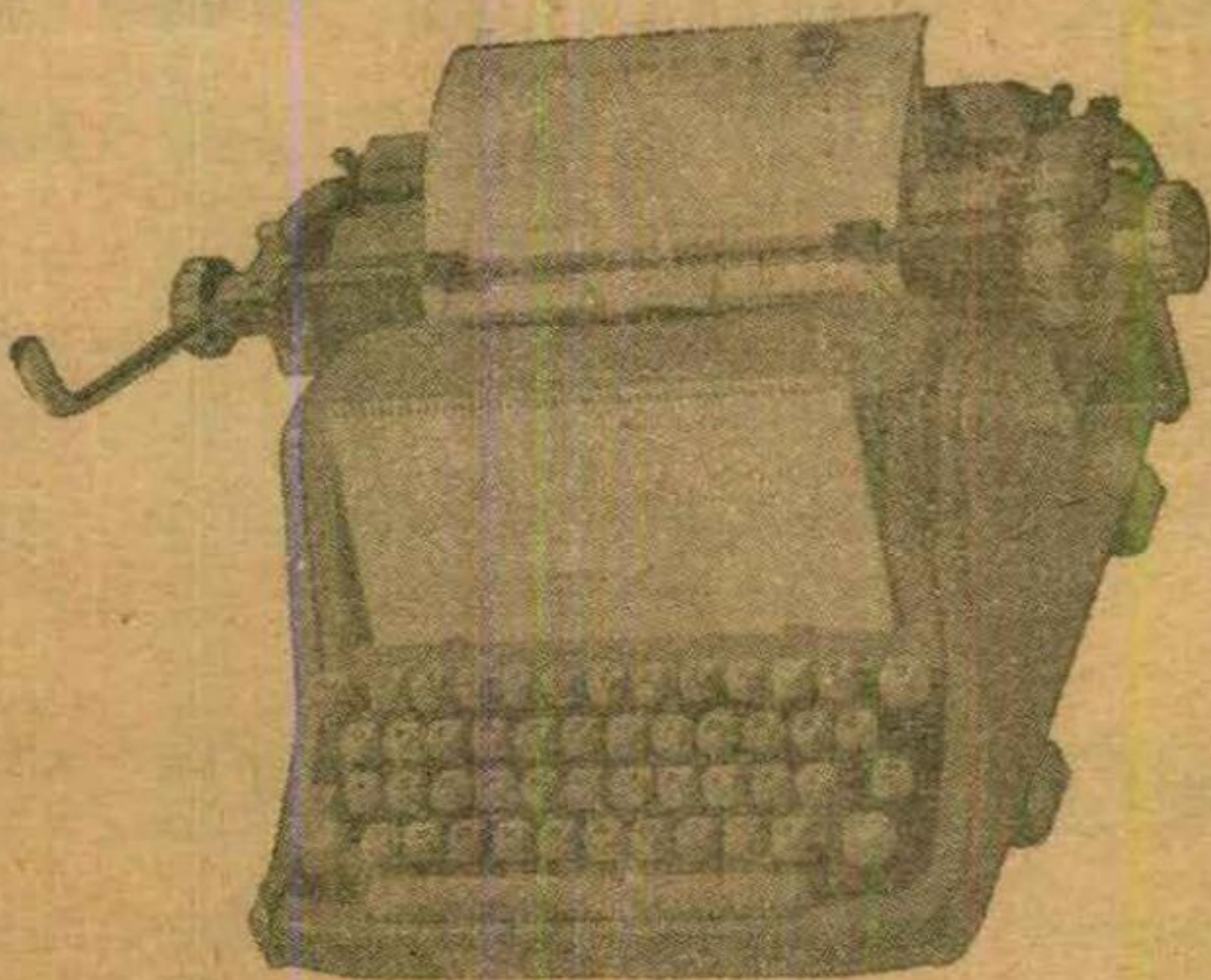
CUNG CHÚC

TÂN-XUÂN

Chủ nhân :

NGUYEN-HUU-THAT

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RÊ LAI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

An advertisement for 'Crown King' cigarettes. On the left, a pack of cigarettes is shown at an angle. The pack is white with a gold crown logo at the top. The words 'Crown King' are written in a large, stylized font, with 'Crown' in a script-like font and 'King' in a bold, blocky font. Below this, the word 'CIGARETTES' is printed. To the right of the pack, the words 'Thuốc thơm hảo hạng' (Fragrant high-quality medicine) are written in a cursive script. Below this, the brand name 'Crown King' is repeated in a very large, bold, stylized font. The background is dark, and the overall design is classic and elegant.

Thuốc thơm
hảo hạng

Crown King

CIGARETTES

Crown King

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HUỆ

(ex Charner)

Téléphone : 21.902 — (3 lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, *Moha Vitheh Preah Bat Norodom*

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 *Bến Chương - Dương* — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

VIENTIANE

SAIGON

VIENTIANE

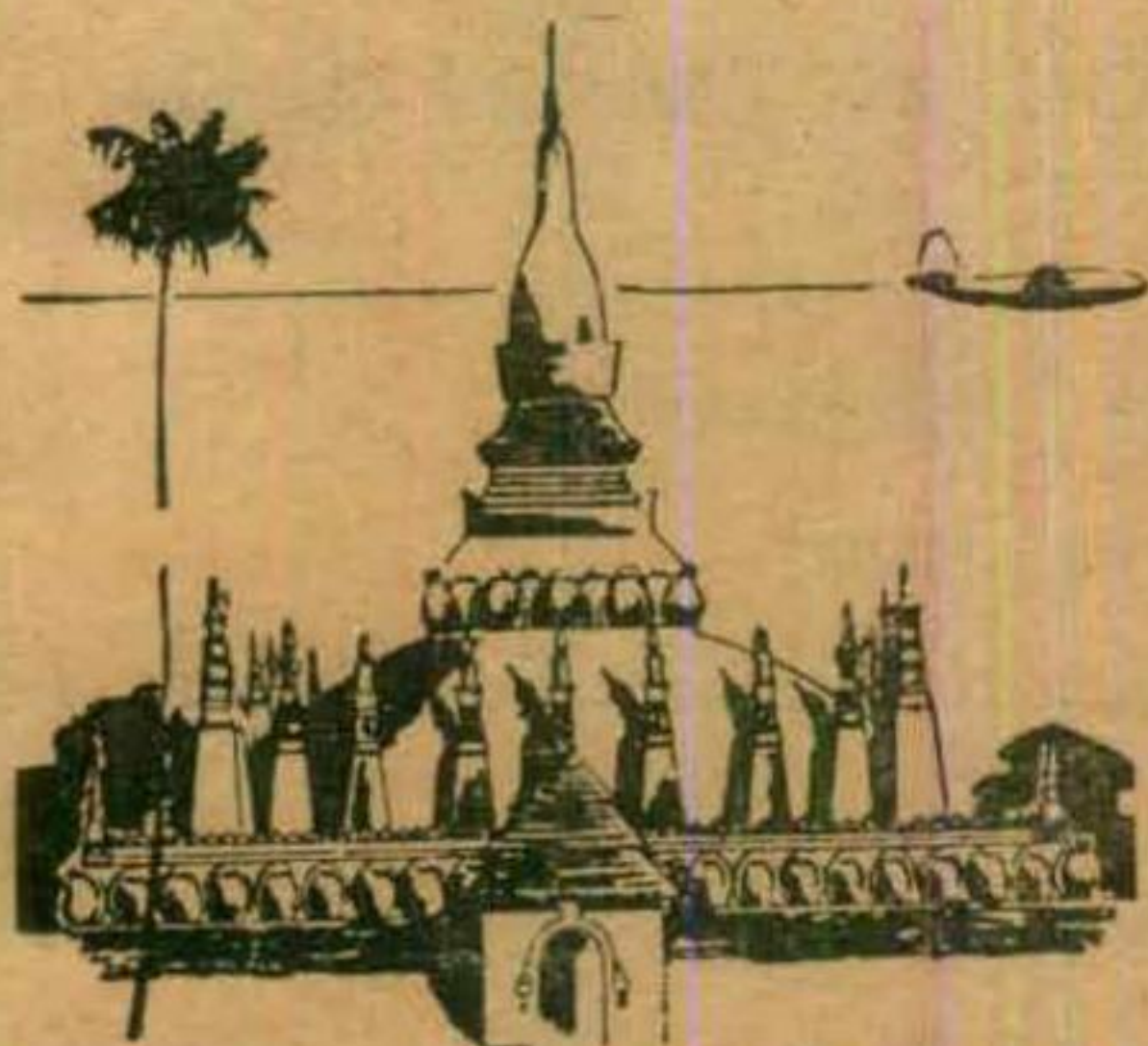
QUADRI-MOTEUR

BOEING STRATOLINER

DIMANCHE — VOL DIRECT

MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

91010101 AIR LAOS



VIENTIANE

BANGKOK

HONGKONG

PHNOMPENH

SIEMREAP

PHONGSAVANH

LUANGPRABANG

LUONGNAMTHA

MUONGSING

THAKHEK

SAMNEUA

AIRLAOS

Renseignements & Reservations

65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON

Tél. 22102 et Card 34

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

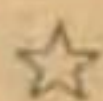
Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

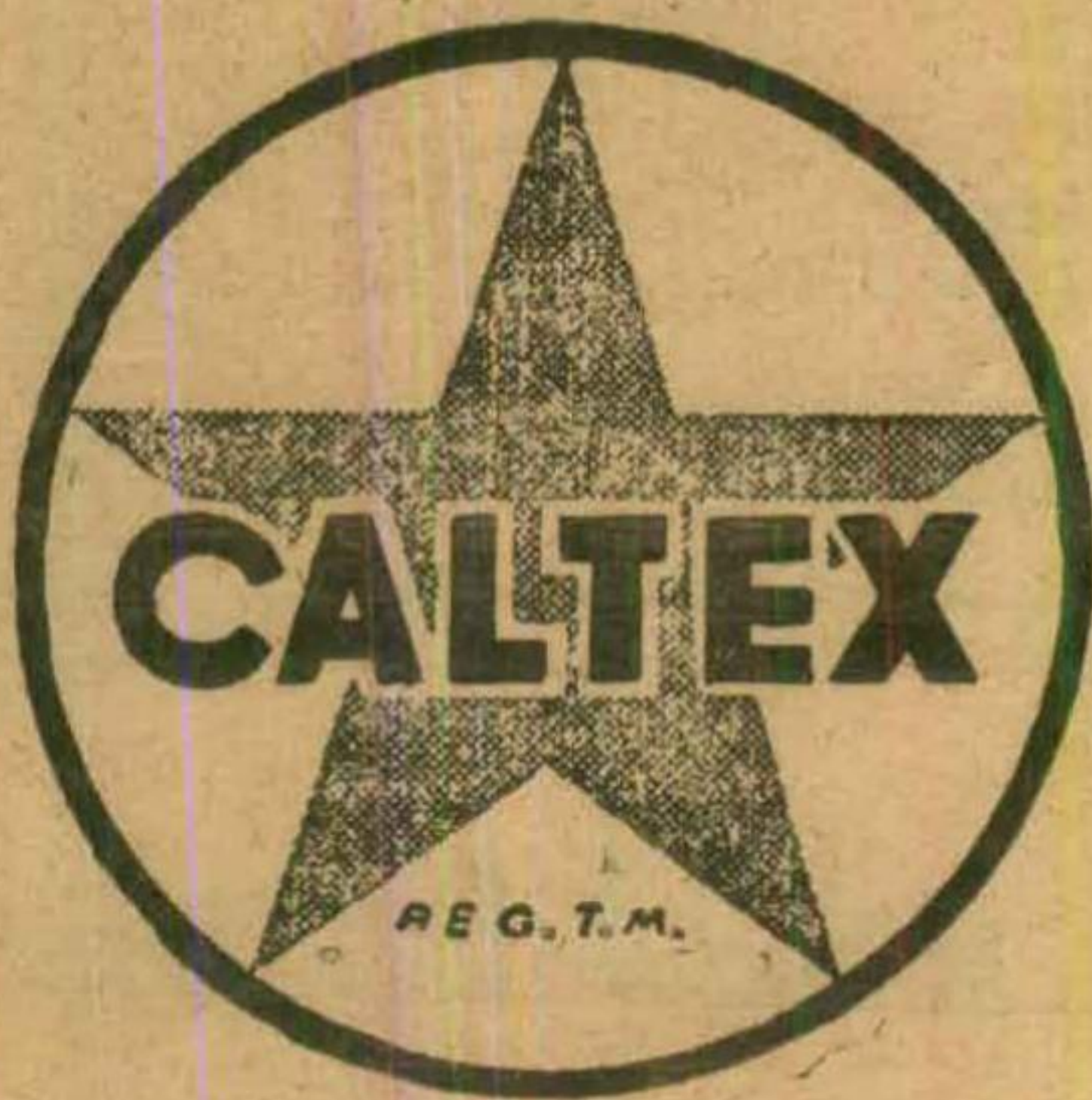


*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

Hãng METRO GOLDWYN MAYER tại Việt-Nam kính chúc
quí vị một năm mới đầy hạnh phúc và thịnh vượng.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu những cuốn phim đặc sắc
đầu tiên trong Tết : 1959 HÃNG M.G.M. DẪN ĐẦU.

**ĐẠI-NAM
và
KHẢI-HOÀN**

DANNY KAYE
PIER ANGELO, BACCALONI

La Fou du Cirque
MÀU MÉTROCOLOR
CINÉMASCOPE

Cuốn phim đặc sắc nhất
từ trước tới nay của vua
hề Danny Kaye

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT.

OSCAR

**La fureur
des hommes**

DON MURRAY
DIANE VARSİ

Một phim phiêu lưu mạo
hiểm và tàn bạo nhất của
lịch sử điện ảnh.

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ VIỆT NGỮ

MAJESTIC và PALACE

LES LIE CARON
MAURICE CHEVALIER
LOUIS JOURDAN

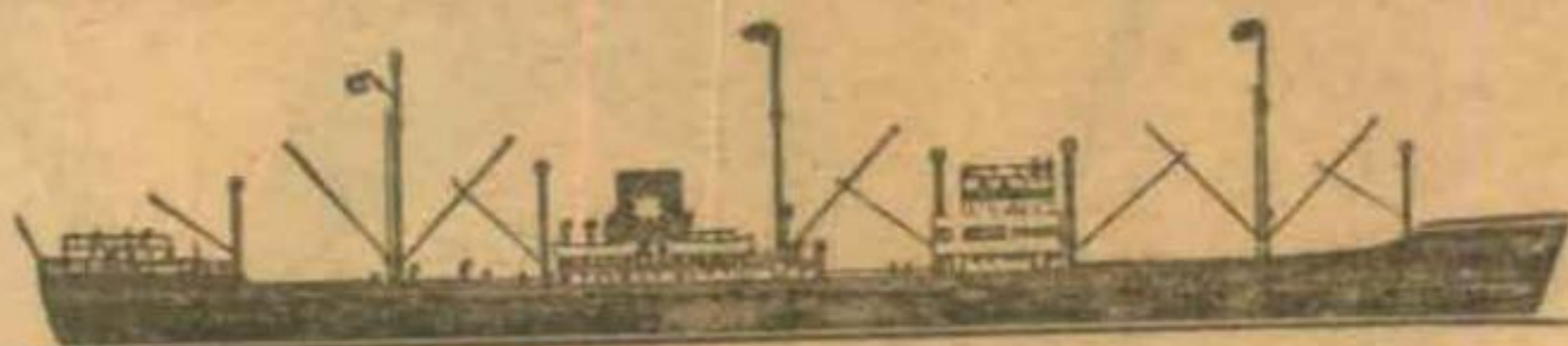
GIGI

MÀU MÉTROCOLOR
CINÉMASCOPE

Phỏng theo kịch bản lừng
danh thế giới của nữ văn
gia Colette. Lần này
« Gigi » quay tại Pháp và
lồng trong khung cảnh ca
nhạc, tung bừng, huyền ảo.

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller
8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

**AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES**

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghì (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudet)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

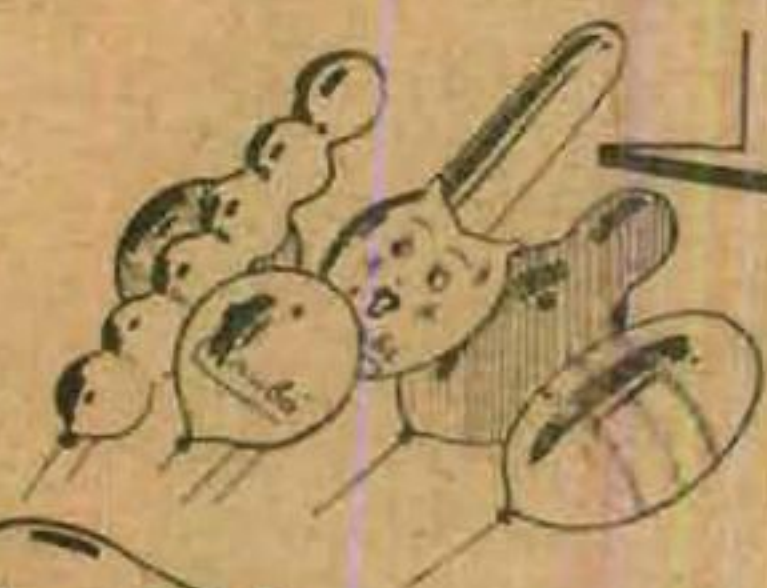
XUỞNG CAO-SU VIỆT-NAM

CHÂU-BÁ

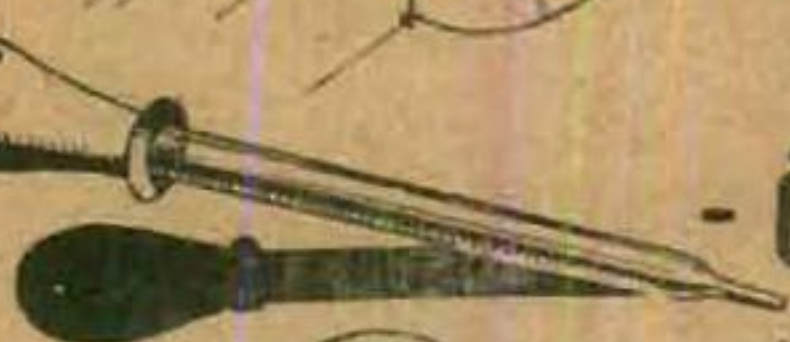
674-676, PHAN-THANH-GIẢN — SAIGON

ĐIỆN-THOẠI 23.314

SẢN-XUẤT:



BONG-BÓNG CAO-SU ĐỦ MÀU SẮC
(Ballons d'enfants)



- ỐNG NHỎ GIỌT (Compte-gouttes)



- NÚM-VÚ TRÈ-EM BÚ SỮA VÀ NGẬM CHƠI
Tétine



- BAO-TAY CAO-SU CHO BÁC-SĨ VÀ THỢ-THUYỀN
(Gants latex)

CHÉN GẠT BỘT LƯỚI ĐAO CẠO
(Essuie-rasoirs)



- ĐÁP VỎ XE HƠI VỚI KHUÔN NGUYÊN
(Gai đep, lấu mòn)

- VÁ VỎ XE HƠI VỚI MÁY **FIT**
(Dùng băng hơi nước)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

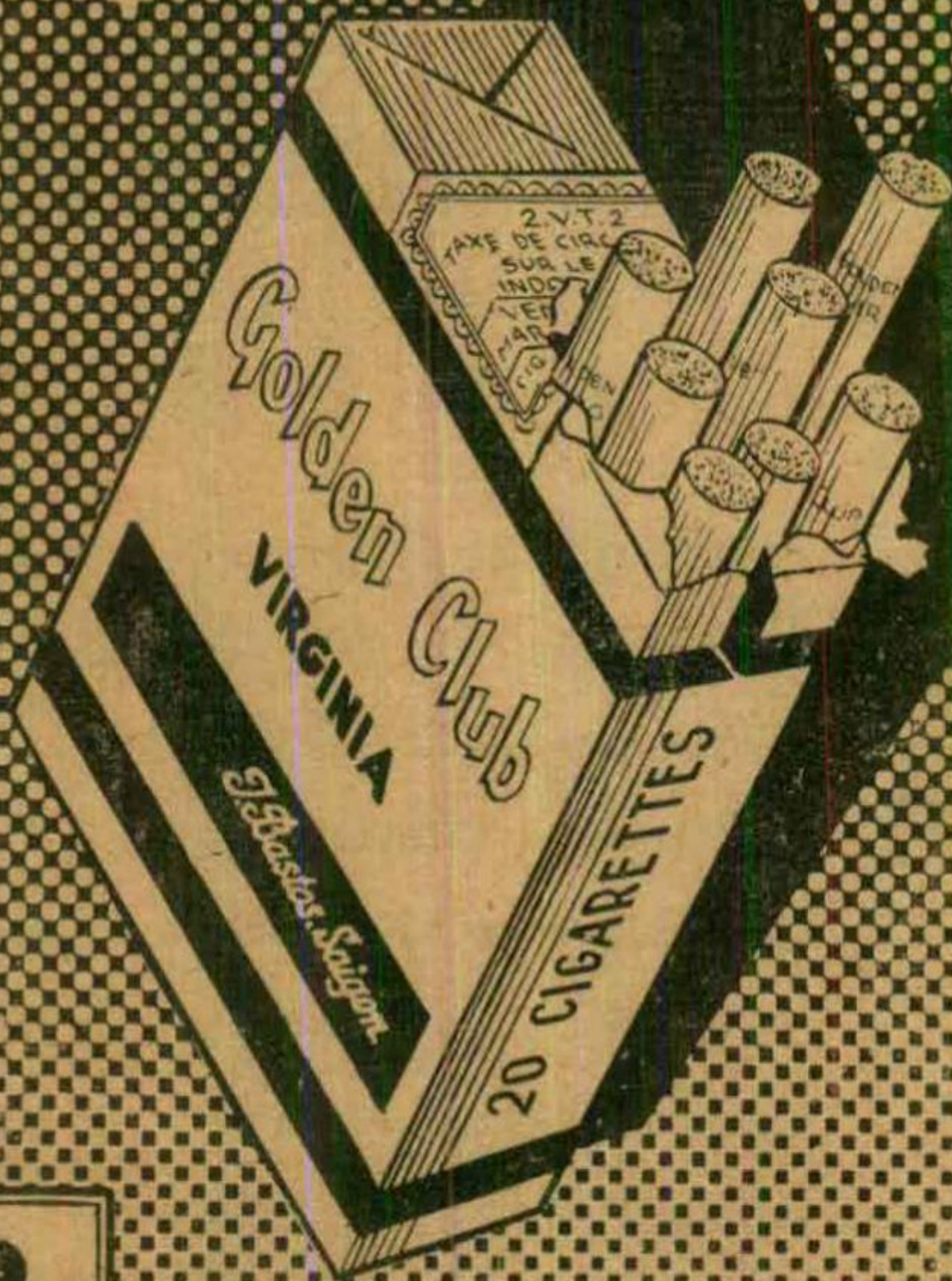
10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Golden Club



Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

